

TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
NGUYỄN KHÁNH HÀ – NGUYỄN LÊ HẰNG

Bồi dưỡng
học sinh vào lớp **6**
MÔN TIẾNG VIỆT

Dùng cho các trường có thi tuyển



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (*Chủ biên*)
NGUYỄN KHÁNH HÀ – NGUYỄN LÊ HẰNG

BỒI DƯỠNG HỌC SINH VÀO LỚP 6

MÔN TIẾNG VIỆT

Dùng cho các trường có thi tuyển

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Cuốn sách BỒI DƯỠNG HỌC SINH VÀO LỚP 6 – MÔN TIẾNG VIỆT (Dùng cho các trường có thi tuyển) được biên soạn nhằm giúp các em học sinh sau khi hoàn thành chương trình cấp Tiểu học có điều kiện :

– Củng cố, nâng cao các kiến thức về từ và câu tiếng Việt, về kĩ năng đọc – hiểu văn bản, về kĩ năng lập dàn ý, kĩ năng viết đoạn văn, bài văn kể chuyện, miêu tả,... thông qua hệ thống bài tập thực hành nhằm phát huy tính sáng tạo của người học.

– Làm quen với các dạng đề bài thi, bài kiểm tra môn Tiếng Việt và cách thức làm bài thi vào các trường Trung học cơ sở có tổ chức thi tuyển hoặc thi vào các lớp chuyên, lớp chọn.

– Tự ôn tập, tự đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của bản thân, qua đó sẽ tự tin hơn khi học môn Ngữ văn (gồm : Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn) ở cấp Trung học cơ sở.

Cuốn sách bao gồm :

Phần Một – Ôn tập môn Tiếng Việt cuối cấp Tiểu học : hệ thống hoá kiến thức lí thuyết và các bài tập thực hành, ôn luyện.

- (1) Cấu tạo của tiếng.
- (2) Cấu tạo của từ : từ đơn – từ phức (từ ghép, từ láy).
- (3) Các từ loại chủ yếu (danh từ, động từ, tính từ, đại từ, quan hệ từ).
- (4) Nghĩa của từ (từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ nhiều nghĩa, từ đồng âm).
- (5) Câu tiếng Việt : các thành phần của câu ; các kiểu câu theo cấu tạo (câu đơn – câu ghép) ; các kiểu câu theo mục đích nói (câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến).
- (6) Dấu câu : dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy, dấu chấm phẩy, dấu hai chấm, dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép, dấu ngoặc đơn, dấu ba chấm.

- (7) Liên kết câu trong đoạn văn, bài văn.
- (8) Biện pháp so sánh, nhân hoá.
- (9) Tập làm văn (viết văn kể chuyện, viết văn miêu tả).

Phần Hai – Các đề ôn luyện

Phần này gồm 40 đề ôn luyện. Các đề được biên soạn chủ yếu theo các dạng đề thi tuyển sinh vào lớp 6 của các trường trung học cơ sở chất lượng cao hoặc tuyển vào các lớp chuyên, lớp chọn. Mỗi đề gồm 5 bài tập, với các kiểu, loại đa dạng :

- (1) Bài tập đọc – hiểu văn bản (chủ yếu là văn bản nghệ thuật).
- (2) Bài tập về từ ngữ, về biện pháp tu từ (so sánh, nhân hoá).
- (3) Bài tập về câu, dấu câu, liên kết câu,...
- (4) Bài tập về cấu tạo đoạn văn, bài văn,...
- (5) Bài tập viết đoạn văn, bài văn.

Gợi ý giải đáp – Đáp án

Nêu nội dung giải đáp, gợi ý cách làm các bài ở Phần Một và Phần Hai ; giúp học sinh có thể sử dụng sách theo hình thức tự học, tự đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của mình.

Hi vọng cuốn BỒI DƯỠNG HỌC SINH VÀO LỚP 6 – MÔN TIẾNG VIỆT (Dùng cho các trường có thi tuyển) sẽ là tài liệu bổ ích cho các em học sinh đã hoàn thành chương trình cấp Tiểu học, đồng thời là tài liệu tham khảo cho các thầy cô giáo và các bậc phụ huynh trong việc hướng dẫn học sinh ôn tập môn Tiếng Việt toàn cấp Tiểu học, chuẩn bị nền tảng vững chắc cho các em học tập tốt môn Ngữ văn ở cấp Trung học cơ sở. Mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

CÁC TÁC GIẢ

Phần Một

ÔN TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CUỐI CẤP TIỂU HỌC

I – CẤU TẠO CỦA TIẾNG

- Mỗi *tiếng* thường có 3 bộ phận : âm đầu, vần, thanh.
- *Tiếng* nào cũng phải có vần và thanh.
- Có tiếng không có âm đầu. (M : ăm, ồm, ỏi....)

Bài tập 1. Đọc câu sau và trả lời câu hỏi :

Trời mát mẻ, dễ chịu. Rừng vắng vẻ, yên ắng. Mùa quả đã hết. Bầy vẹt đã bỏ đi nơi khác kiếm ăn. Gió làm mặt suối gợn lăn tăn và đổi gianh như cuộn sóng.

(Theo Vũ Hùng)

- Đoạn văn trên có mấy câu ? Mỗi câu có mấy tiếng ?
- Những tiếng nào không có âm đầu ?
- Phân tích cấu tạo của các tiếng trong câu “Rừng vắng vẻ, yên ắng”. Ghi kết quả phân tích vào bảng theo mẫu sau :

Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh
trời	tr	ơi	huyền

Bài tập 2. Phân tích cấu tạo vần của từng tiếng trong câu ca dao theo mẫu sau :

Giò đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
đưa		ưa	

M : Mẫu và ví dụ.

Bài tập 3. Tìm các tiếng bắt vần với nhau trong câu ca dao sau :

Thuyền về có nhớ bến chăng ?
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

II – CẤU TẠO CỦA TỪ

1. Từ đơn – Từ phức

- Tiếng cấu tạo nên từ. Từ chỉ gồm một tiếng gọi là *từ đơn* (M : vui).
- Từ gồm hai hay nhiều tiếng gọi là *từ phức* (M : vui mừng, vui vẻ).
- Từ dùng để tạo nên câu.

Bài tập 1. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi :

Rung rinh chùm quả mùa xuân
Nhìn xa thì ấm, nhìn gần thì no
Quả nào quả ấy tròn vo
Cành la cành bóng thơm tho khắp vườn.

(Tạ Hữu Yên)

- a) Dùng dấu gạch chéo (/) để phân cách các từ trong mỗi câu.
- b) Đoạn thơ trên có mấy từ đơn ? Đó là những từ nào ?
- c) Đoạn thơ trên có mấy từ phức ? Đó là những từ nào ?
- d) Từ phức nào do các tiếng có nghĩa tạo thành ? Từ phức nào do những tiếng có âm đầu lặp lại tạo thành ?

Bài tập 2. Hãy tìm và ghi lại 5 từ đơn, 5 từ phức nói về thời tiết.

M : nóng (*từ đơn*) – nóng bức (*từ phức*)

Bài tập 3. Đặt 1 câu với một từ đơn và 1 câu với một từ phức tìm được.

Bài tập 4. Hãy tạo ra các từ phức chứa tiếng cho dưới đây :

- | | |
|---------|--------|
| a) gió | c) bão |
| b) nắng | d) mưa |

2. Từ ghép – Từ láy

Có 2 cách chính để tạo từ phức là :

- Ghép những tiếng có nghĩa lại với nhau. Đó là các *từ ghép* (M : nhà cửa, vui mừng, chạy nhảy,...).
- Phối hợp những tiếng có âm đầu hoặc vần giống nhau (M : nhanh nhẹn, lộp độp,...) ; hoặc cả âm đầu và vần giống nhau (M : xinh xinh, hiu hiu,...). Đó là các *từ láy*.

Bài tập 1. Trong các từ phức (được in đậm) trong đoạn văn dưới đây, từ nào là *từ ghép*, từ nào là *từ láy* ?

Lên Trường Sơn, bạn sẽ nghe thấy rất nhiều tiếng động vang vọng khắp *núi rừng* : gà gáy, đa đa kêu, khướu hót, mang gào,... Nổi bật lên là tiếng hú *lanh lảnh* của bầy vượn. Để *chào đón* bình minh, chúng ngồi trên những ngọn cây *chót vót*, nhìn về phía nắng lên, con đầu đàn cảm nhịp kêu từng đợt ba tiếng "tù... tù... tù..." và sau đó cả bầy liền hú theo *rộn rã*.

(Theo Đất nước ngàn năm – Tập một)

Bài tập 2. Ghép tiếng thích hợp với tiếng đã cho để tạo thành từ ghép hoặc từ láy (theo mẫu) :

Tiếng	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy
<i>nhỏ</i>	M : nhỏ bé,...	M : nhỏ nhắn,...
<i>đẹp</i>		
<i>chăm</i>		

Bài tập 3. Đặt câu với một từ ghép hoặc một từ láy tìm được.

Bài tập 4. Xếp các từ ghép dưới đây vào bảng thích hợp :

- a) hoa quả, hoa hồng, hoa lá
- b) ruộng vườn, vườn rau, vườn cây
- c) mưa gió, mưa rào, mưa bão
- d) lúa gạo, lúa nếp, lúa ngô

Từ ghép có nghĩa tổng hợp	Từ ghép có nghĩa phân loại
.....	
.....	
.....	

Bài tập 5. Tìm các từ láy có trong đoạn văn sau :

Có rất nhiều đường lớn lên Trường Sơn. Những con đường ấy vươn dài từ miền đồng bằng phì nhiêu lên các đỉnh núi chon von, qua những làng bản thấp thoáng mái nhà sàn, những đồng cỏ đầy đàn trâu bò với tiếng mõ khua lóc cóc, qua những cánh rừng hoang vu, những dòng suối trong xanh len lỏi giữa các vách đá chênh vênh, dưới những thác cao, nước đổ trắng ngần...

(Theo Vũ Hùng)

Bài tập 6. Phân loại các từ láy dưới đây và xếp vào bảng thích hợp.

nhè nhẹ, lác đác, lạ lùng, thênh thang, thênh thênh, bộp bộp, xù xì, lạnh lạnh, ngo ngoe, chen chúc, lất phất, mập mập, lộp độp, lổng lổng, hồng hào, lay lay, mơn mơn, lẩn tẩn, lóng lánh, rục rồ

Từ láy âm	Từ láy vần	Từ láy cả âm và vần
.....		
.....		
.....		

Bài tập 7. Các từ dưới đây là từ ghép hay từ láy ?

mệt mỏi, nóng nực, sấm sét, dẫn dắt

III – CÁC TỪ LOẠI CHỦ YẾU

1. Danh từ

- *Danh từ* là những từ chỉ người (M : cô giáo, học sinh,...), vật (M : bàn, ghế, cây, cỏ, sông, biển, gà, cá,...), hiện tượng (M : gió, bão, nắng, mưa,...), khái niệm (M : đạo đức, tấm lòng, cuộc sống,...), hoặc đơn vị (M : cân, mét, con,...).
- *Danh từ* được chia làm hai loại :
 - + *Danh từ chung* là tên của một loại sự vật (M : nhà, vườn, ao, hồ,...).
 - + *Danh từ riêng* là tên riêng của một sự vật (M : Trần Quốc Toản, Vịnh Hạ Long, Hồ Gươm,...). *Danh từ riêng* luôn được viết hoa.

Bài tập 1. Tìm các danh từ trong bài thơ dưới đây và xếp chúng vào bảng phân loại.

Vui sao khi chớm vào hè
Xôn xao tiếng sẻ, tiếng ve báo mùa
Rộn ràng là một cơn mưa
Trên đồng bông lúa cũng vừa uốn câu.

(Trần Đăng Khoa)

Danh từ chỉ sự vật	Danh từ chỉ hiện tượng	Danh từ chỉ khái niệm	Danh từ chỉ đơn vị
.....			
.....			
.....			

Bài tập 2. Tìm các danh từ chỉ khái niệm trong đoạn thơ sau :

Lúc giao thừa nhớ Bác

Trống gọi giao thừa, mừng Tết đến
Quá khứ, tương lai xích lại gần
Bối hồi nhớ Tết bao năm trước
Tưởng nghe tiếng Bác đọc thơ xuân.

(Cao Đức Tiến)

Bài tập 3. Đặt câu với một danh từ chỉ khái niệm tìm được.

Bài tập 4. Hãy tìm :

- a) 5 danh từ chỉ sự vật.
- b) 5 danh từ chỉ hiện tượng.
- c) 5 danh từ chỉ khái niệm.
- d) 5 danh từ chỉ đơn vị.

Bài tập 5. Tìm các danh từ chung và danh từ riêng có trong các câu sau :

a) Sông Rừng tức Bạch Đằng Giang là một khúc sông rất rộng, sách xưa đều ghi là sông Văn Cù.

b) Ở Trường Sơn, vào ngày chợ phiên, người từ các bản làng khuất trong rừng đi chợ rất đông, nào người Nguồn, người Sách, người Văn Kiều, người Xô, người Xê, người Bru,...

c) Dưa hấu Nam Bộ có nhiều giống : ngon nhất, đỏ nhất và nhiều cát nhất là giống dưa gốc ở Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Biên Hoà ; nổi tiếng nhất là dưa Trảng (Trảng Bàng, Tây Ninh),...

Bài tập 6. Hãy viết :

- a) Tên của 5 tỉnh / thành phố.
- b) Tên của 5 người anh hùng dân tộc.
- c) Tên của 5 dòng sông.
- d) Tên của 5 cây cầu.
- e) Tên 5 môn học.

2. Động từ

- *Động từ* là những từ chỉ hoạt động và trạng thái.
 - + Động từ chỉ hoạt động trả lời cho câu hỏi *Làm gì ?*
(M : nói, viết, hát, múa, ăn, uống,...)
 - + Động từ chỉ trạng thái trả lời cho câu hỏi *Làm sao ? Thế nào ?*
(M : trôi, bay,...)
- Trong câu, một số từ chỉ thời gian (*đã, sẽ, đang, sắp,...*) thường đi kèm với động từ để bổ sung ý nghĩa về thời gian cho hoạt động, trạng thái của sự vật.
(M : Nó *đã* ăn cơm. / Lá cờ *đang* bay./...)

Bài tập 1. Tìm các động từ có trong bài thơ sau :

Ông

Ông vác cây tre dài
Lưng của ông vẫn thẳng
Ông đẩy chiếc cối xay
Cối quay như chong chóng.
Đường dài và sông rộng
Ông vẫn luôn đi về.

Tay của ông khoẻ ghê
Làm được bao nhiêu việc
Thế mà khi ông vật
Thua cháu liền ba keo.

(Hữu Thỉnh)

Bài tập 2. Viết tên các hoạt động của em và các bạn thường làm vào dịp nghỉ hè. Gạch dưới động từ trong các cụm từ chỉ những hoạt động đó.

M : xem phim

Bài tập 3. Chọn từ *đã* hoặc *đang* hoặc *sẽ* để điền vào chỗ trống trong mẩu chuyện sau :

Con cáo và người đồn củi

Một con cáo bị thợ săn đuổi bắt. Nó cầu khẩn người đồn củi cho náu nhờ. Người đồn củi liền giấu cáo trong lều. Lát sau, đám thợ săn chạy tới, hỏi : "Bác có thấy con cáo chạy qua đây không ?". Người đồn củi miệng nói to "Không thấy !" nhưng tay lại ra dấu hiệu chỉ chỗ nấp của cáo. Thợ săn không để ý đến dấu hiệu nên kéo nhau đi thẳng. Cáo bỏ ra lẳng lẳng bỏ đi. Người đồn củi mắng nó :

– Tao cứu mày thoát chết mà sao chẳng nghe được một lời cảm ơn ?

– Tôi bội ơn ông vô cùng, nếu lời nói và cử chỉ của ông không khác nhau. – Cáo trả lời.

(Theo Ngụ ngôn thế giới chọn lọc)

Bài tập 4. Tìm các từ không cùng nhóm trong mỗi dãy từ dưới đây :

- a) hát, múa, thêu, đan, vẽ, viết, đọc, vui
- b) chạy, nhảy, mệt, tìm, xếp, dọn, quét, giặt
- c) ăn, uống, nấu, khâu vá, cày, cấy, lúa
- d) nghe, nghĩ, việc, nhìn, ngắm, ngủ, lo, đoán

Bài tập 5. Những động từ được in đậm trong các câu sau có gì khác nhau ?

- a) Minh đang **nặn** măm ngũ quả.
- b) Bố tôi đang **cưỡi** ruộng.
- c) Lá cờ đang **bay** phấp phất trong gió.
- d) Dòng sông mãi miết **trôi**.

Bài tập 6. Hãy tìm :

- a) 3 động từ chỉ hoạt động.
- b) 3 động từ chỉ trạng thái.

3. Tính từ

- *Tính từ* là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật (M : người *tốt*, núi *cao*), hoạt động (M : chạy *nhANH*, vẽ *đẹp*), trạng thái (M : bay *phấn phật*, trời *nhANH*),...
- Có một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất như sau :
 - + Thêm các từ *rất, quá, lắm,...* vào trước hoặc sau tính từ (M : *rất đẹp, đẹp lắm, đẹp quá*).
 - + Tạo ra các từ ghép hoặc từ láy với tính từ đã cho (M : *tím nhạt, tím tím*).
 - + Tạo ra phép so sánh (M : *đỏ hơn, chậm nhất, ngọt như mía lùi*).

Bài tập 1. Tìm các tính từ có trong đoạn văn sau :

Trời đột nhiên đổ mưa. Mặt đất đang nóng bức, ngọt ngào bỗng dung được tưới một làn nước mát, nhẹ tênh. Sân trường đầy bụi bặm giờ được gột rửa nom sạch sẽ, thoáng mát. Chưa kịp lấy hơi để hít vào cái không khí dễ chịu ấy thì trời lại chợt nắng, đỏ bừng. Thật đúng là cơn mưa rào mùa hạ !

(Theo Nguyễn Thế Thọ)

Bài tập 2. Tìm các tính từ trong các câu văn sau. Chỉ ra những cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất trong mỗi câu.

a) Sau trận mưa rào, những tấm lá dục mừng trông xanh nõn nà, những bông râm bụt thêm đỏ chói.

b) Những cánh hoa tràm nhỏ li ti chụm vào nhau tạo thành một chuỗi dài trông rất dễ thương.

c) Ông mặt trời vừa nhô lên phía đằng đông, chị cỏ cúi xuống ngấm nghĩa giọt sương đọng trên áo và cảm thấy mình như rục rờ hơn.

d) Gà Trống Choai rất kiêu ngạo vì chú cho rằng mình có chiếc mào đẹp nhất.

Bài tập 3. Hãy thể hiện mức độ của các đặc điểm, tính chất nêu dưới đây (theo mẫu).

Từ chỉ đặc điểm	Thêm các từ <i>rất, quá, lắm,...</i>	Tạo ra các từ ghép hoặc từ láy	Tạo ra phép so sánh
<i>xa</i>	rất xa	xa xa	xa hơn
<i>tròn</i>			
<i>chậm</i>			
<i>hiền</i>			
<i>sáng</i>			

Bài tập 4. Tìm tính từ thích hợp với mỗi chỗ trống trong câu.

- Trăng đêm rằm vắng vặc.
- Cánh đồng mùa gặt rục.
- Toà nhà mới xây ngất trời.

Bài tập 5. Viết đoạn văn ngắn tả một người thân quen với gia đình em.

Đoạn văn tham khảo :

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không gầy gò, tiều tụy quá như mọi người nói. gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp lại như thuở còn sung sức ?

(Theo Nguyễn Hồng)

4. Đại từ

- *Đại từ* là từ dùng để xưng hô hay để thay thế danh từ, động từ, tính từ (hoặc cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) trong câu cho khỏi lặp lại các từ ngữ ấy.
- *Đại từ xưng hô* là từ được người nói dùng để tự chỉ mình hay chỉ người khác khi giao tiếp : tôi, chúng tôi ; mày, chúng mày ; nó, chúng nó ;... Ngoài ra, người Việt Nam còn dùng nhiều danh từ chỉ người làm đại từ xưng hô để thể hiện rõ thứ bậc, tuổi tác, giới tính : ông, bà, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,...

Lưu ý : Khi xưng hô, cần chú ý chọn từ cho lịch sự, thể hiện đúng mối quan hệ giữa mình với người nghe và người được nhắc tới.

Bài tập 1. Tìm đại từ xưng hô trong đoạn truyện dưới đây :

Thằng Chiến mãi mê kể chuyện cô giáo diu dặt nó học văn. Nó khoe :

– Cô giáo bày cho tớ làm thơ nữa nhè. Tớ làm được khối bài. Nhưng mà thôi, cậu xem làm gì, tớ viết dở lắm !

Kệ nó nói, tôi cứ giờ ra. Một bài, hai bài, ba bài... Ái chà ! Khá thật ! Nó làm được hơn hai chục bài rồi.

(Theo Lê Khắc Hoan)

Bài tập 2. Trong những đại từ có trong đoạn văn ở bài tập 1 :

- a) Những đại từ nào chỉ mình (người nói) ?
- b) Những đại từ nào chỉ người nghe ?
- c) Những đại từ nào chỉ người được nhắc đến ?

Bài tập 3. Tìm đại từ trong các câu sau và cho biết chúng được dùng để thay thế cho từ ngữ nào.

a) Mùa hè, nước dạo chơi cùng những làn sóng. Mùa thu, nó mệt và đứng lại với màu xanh nhạt. Nó mệt mỏi.

b) Tôi thích chơi bóng bàn. Em trai tôi cũng vậy.

c) Hoa cà tím tím. Hoa bìm bìm cũng thế.

Bài tập 4. Trong đoạn văn sau đây, những danh từ chỉ người nào đã được dùng làm đại từ ?

Thừa linh kiện

Sáng chủ nhật, Phong xách chiếc đài bán dẫn tới trước mặt bố khoe :

– Bố ơi ! Con vừa tháo đài ra rồi lắp vào để tìm hiểu bên trong thế nào.

Bố Phong hốt hoảng nhìn con, hỏi :

– Vậy con có đánh rơi mất linh kiện nào không ?

– Không hề mất một linh kiện nào cả. – Phong xoè bàn tay có đến hơn chục linh kiện ra trước mặt bố. – Con đã lắp xong tinh tươm rồi mà vẫn còn thừa chỗ này, bố thấy con giỏi không ?

(Theo Học sinh cười)

Bài tập 5. Hãy tìm những danh từ chỉ người được dùng làm đại từ xưng hô để thể hiện rõ thứ bậc, tuổi tác, giới tính.

M : ông – cháu

5. Quan hệ từ

- *Quan hệ từ* là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau : và, với, hay, hoặc, nhưng, mà, thì, của, ở, tại, bằng, như, để, về,...
- Nhiều khi, từ ngữ trong câu được nối với nhau bằng một cặp quan hệ từ. Các cặp quan hệ từ thường gặp là :
 - + *Vì ... nên ... ; do ... nên ... ; nhờ ... mà ...* (biểu thị quan hệ nguyên nhân – kết quả).
 - + *Nếu ... thì ... ; hễ ... thì ...* (biểu thị quan hệ giả thiết – kết quả, điều kiện – kết quả).
 - + *Tuy ... nhưng ... ; mặc dù ... nhưng ...* (biểu thị quan hệ tương phản).
 - + *Không những ... mà ... ; không chỉ ... mà ...* (biểu thị quan hệ tăng tiến).

Bài tập 1. Tìm các quan hệ từ trong các câu sau :

- a) Em tôi đã viết được đoạn văn dài và hay.
- b) Về đến nhà, tôi mới biết mình cầm nhầm vở của bạn.
- c) Nó vội tay lấy cuốn truyện để đọc.
- d) Tôi ở lại mảnh đất này với mẹ tôi.

Bài tập 2. Cặp quan hệ từ nào thích hợp với chỗ trống trong các câu sau :

- a) Hồ đẹp bất chợt thường có những xoáy nước rất mạnh.
- b) đã sang thu bãi biển Sầm Sơn vẫn đông người.
- c) Thủy Tinh dâng nước lên , Sơn Tinh lại nâng núi cao
- d) trời nắng như đổ lửa cây cối trong vườn héo rũ.

Bài tập 3. Tìm các quan hệ từ có trong câu văn hoặc đoạn văn sau và cho biết tác dụng của mỗi quan hệ từ tìm được.

- a) Trời nắng và oi ả.
- b) Chiều nay, tôi nên đi đá bóng hay ở nhà nấu cơm giúp mẹ nhỉ ?

c) Có được chiếc vòng tay, tôi rất vui. Nhưng cùng từ hôm đó, tôi luôn cảm thấy mình có lỗi. Mẹ tôi đã phải làm quần quật cả ngày, kiếm từng đồng nuôi hai chị em tôi...

(Theo Ngô Quân Miện)

d) Ông già Dương bàn với mọi người trong làng việc ghép đá thành bậc thang vượt núi. Cả làng khâm phục ông. Vậy mà ngày khởi công chẳng có ai đi theo ông.

(Theo Truyện đọc lớp 5)

Bài tập 4. Viết tiếp để hoàn thành các câu sau :

- a) Nếu trời oi bức, ngọt ngọt
- b) Vì trời mưa như trút nước
- c)..... vì thấy mây đen đang ùn lên phía chân trời.
- d) mà vẫn rét cắt da cắt thịt.

Bài tập 5. Đặt câu có chứa các quan hệ từ hoặc cặp quan hệ từ sau :

- a) tại
- b) bằng
- c) hễ ... thì ...
- d) không những ... mà (còn) ...

IV – NGHĨA CỦA TỪ

1. Từ đồng nghĩa

- *Từ đồng nghĩa* là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.
- Có những từ *đồng nghĩa hoàn toàn*, có thể thay thế cho nhau trong lời nói.
M : hổ, cọp, hùm....
- Có những từ *đồng nghĩa không hoàn toàn*. Khi dùng những từ ngữ này, cần phải cân nhắc để lựa chọn cho đúng.
M : + *ăn, xơi, chén*,... (biểu thị những thái độ, tình cảm khác nhau đối với người đối thoại hoặc điều được nói đến).
+ *mang, khiêng, vác*,... (biểu thị những cách thức hành động khác nhau).

Bài tập 1. Tìm những dòng chỉ gồm các từ đồng nghĩa.

- a) buồn, sầu, tủi
- b) vui, mừng, lo
- c) nhiều, đông, đầy
- d) êm đềm, êm ả, êm dịu

Bài tập 2. Điền vào chỗ trống một trong các từ ghi trong ngoặc đơn (*nhiều, đầy, đông*).

- a) Tranh phố Hà Nội của họa sĩ Bùi Xuân Phái được người yêu thích.
- b) Hôm nay là Chủ nhật, Viện Bảo tàng rất khách tham quan.
- c) Vào cuối hè, đầu thu, những trái sầu chín rơi hè phố Hà Nội, lăn tròn theo những bước chân.
- d) Đến với Viện Bảo tàng Mĩ thuật Hà Nội, người xem được chiêm ngưỡng hiện vật gốc, hiện vật phục chế và những phiên bản nghệ thuật.

Bài tập 3. Chọn từ thích hợp nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống trong câu ?

(*êm ả, êm đềm, dịu êm*)

- a) Tiếng ru của mẹ nuôi dưỡng tâm hồn con suốt thuở ấu thơ.
- b) Tôi đã ngủ say trong chăn đệm
- c) Ngọn khói lam chiều gọi về của cuộc sống nơi làng quê.

Bài tập 4. Nối từ ở ô chữ bên trái với lời giải nghĩa ở ô chữ bên phải.

<i>ít</i>
<i>thưa</i>
<i>vắng</i>

Không thấy hoặc ít thấy có (người).
Có ít và cách xa nhau.
Có số lượng nhỏ hoặc ở mức thấp.

Bài tập 5. Sắp xếp các từ dưới đây thành hai nhóm từ đồng nghĩa. Đặt tên cho mỗi nhóm từ đồng nghĩa.

lạnh nhạt, lạnh lùng, lạnh lẽo, lạnh buốt,
già lạnh, ghê lạnh, rét buốt, giá rét

2. Từ trái nghĩa

- Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau.
 - Đặt các từ trái nghĩa bên cạnh nhau có tác dụng làm nổi bật những sự vật, sự việc, hoạt động, trạng thái,... đối lập nhau.
- M : đất – trời, mua – bán, thức – ngủ, tốt – xấu,....

Bài tập 1. Thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây chứa từ trái nghĩa ? Đó là những từ nào ?

- a) Ở hiền gặp lành.
- b) Cao chạy xa bay.
- c) Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.
- d) Chết trong còn hơn sống đục.

Bài tập 2.

a) Nối ô chữ bên trái với ô chữ thích hợp bên phải để được các thành ngữ, tục ngữ.

Lành ít
Kẻ cười
Nguồn đục
Trong ấm

người khóc.
dữ nhiều.
ngoài êm.
dòng cũng đục.

b) Câu nào có chứa các từ trái nghĩa ? Đó là những từ nào ?

Bài tập 3. Tìm các cặp từ trái nghĩa trong số những từ cho dưới đây :

sương, đói, bé, nặng, khổ, may, nhiều, ít, no, rùi, lớn, nhẹ

Bài tập 4. Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau :

- a) khiêm tốn –
- b) tiết kiệm –
- c) cẩn thận –
- d) nhọc nhằn –

Bài tập 5. Đặt 2 câu có chứa các từ trái nghĩa.

3. Từ đồng âm

- *Từ đồng âm* là những từ giống nhau về âm nhưng khác hẳn nhau về nghĩa.
M : câu (cá), câu (vấn) ; (hòn) đá, đá (bóng) ; đồng (lúa), (tượng) đồng,...
- Dùng từ đồng âm để chơi chữ là dựa vào hiện tượng đồng âm, tạo ra những câu nói có nhiều nghĩa, gây những bất ngờ thú vị cho người đọc, người nghe.

Bài tập 1. Hãy tìm từ đồng âm với mỗi từ cho dưới đây. Đặt câu để phân biệt nghĩa của các từ đồng âm tìm được.

M : *roi*

- Chùm *roi* đã chín đỏ.
- Khi cầm *roi* quát lia lịa vào lưng voi, quát : "Đi nhanh lên !".

a) bẫy

c) vẫy

e) đổ

b) bàn

d) và

g) đồng

Bài tập 2. Hãy tìm từ đồng âm trong những câu sau :

- a) Bác bác trứng, tôi tôi vôi.
- b) Ruối đậu mắm xôi đậu
Kiến bò đĩa thịt bò.
- c) Bún chả ngon.
- d) Hồ mang bò lên núi.
- e) Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.
- g) Con ngựa đá con ngựa đá, con ngựa đá không đá con ngựa.

Bài tập 3. Cách chơi chữ trong câu dưới đây có gì khác với cách chơi chữ trong các câu ở bài tập 2 ?

- a) Lên phố *mía* gặp cô hàng *mật*, cầm tay *kẹo** lại hàng *đường*.
- b) Bà đồ *Giang* đi vòng đôn *tre*, đến khóm *trúc* thờ dài hi *hóp*.

*Kẹo** : quẹo (ngóat, rẽ sang một phía khác).

4. Từ nhiều nghĩa

Từ nhiều nghĩa là từ có một nghĩa gốc và một hoặc một số nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ nhiều nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau.

Bài tập 1. Tìm ở cột B lời giải nghĩa thích hợp cho từ *đứng* trong mỗi câu ở cột A.

A

(1) Bé đứng đợi mẹ ngoài cổng.
(2) Trên đường đi chợ, bà tôi đứng lại hỏi han mấy người quen.
(3) Công nhân đứng máy 8 tiếng một ngày.
(4) Trước mặt là vách núi thẳng đứng như bức tường.

B

a) Ở vào trạng thái ngừng chuyển động / dừng lại.
b) Ở tư thế thân thẳng, chân đặt lên mặt nền.
c) Có vị trí thẳng góc với mặt đất.
d) Điều khiển ở tư thế đứng.

Bài tập 2. Trong những từ in đậm dưới đây, những từ nào là từ đồng âm, những từ nào là từ nhiều nghĩa ?

a) *Biển* :

- Chiều nay **biển** lặng sóng.
- Một **biển** người đi xem biểu diễn nhạc Rock.
- Tấm **biển** quảng cáo trang trí rất bắt mắt.

b) *Tra* :

- Mọi người lên nương **tra** ngô cho kịp vụ mùa.
- Bà **tra** muối vào canh rất vừa.
- Hà đang **tra** tù diễn.

Bài tập 3. Đặt 3 câu để làm rõ một số nghĩa của mỗi từ nhiều nghĩa sau đây :

- a) ăn
- b) mang
- c) đi

V – CÂU TIẾNG VIỆT

1. Câu và các thành phần của câu

- Câu được cấu tạo bởi nhiều thành phần, trong đó có các thành phần : chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ. Chủ ngữ và vị ngữ là hai thành phần chính của câu.
 - + Chủ ngữ là bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ai (cái gì, con gì,...) ?*
 - + Vị ngữ là bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Là gì ? Làm gì ? Như thế nào ?*
 - + Trạng ngữ là bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ở đâu ? Khi nào (bao giờ, mấy giờ) ? Vì sao (nhờ đâu) ? Để làm gì (nhằm mục đích gì, vì cái gì) ? Bằng cái gì (với cái gì) ?*
- Câu kể *Ai làm gì ?* nêu hành động của người, vật ; câu kể *Ai thế nào ?* miêu tả tính chất, trạng thái của người, sự vật, hiện tượng ; câu kể *Ai là gì ?* giới thiệu hoặc nhận định về sự vật.

Bài tập 1. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ thích hợp ở cột B để có được ý đúng.

A

(1) Trong câu kể <i>Ai là gì ?</i>
(2) Trong câu kể <i>Ai làm gì ?</i>
(3) Trong câu kể <i>Ai thế nào ?</i>

B

a) vị ngữ được nối với chủ ngữ bằng từ <i>là</i> , thường do danh từ (hoặc cụm danh từ) tạo thành.
b) vị ngữ thường là động từ chỉ trạng thái hoặc tính từ chỉ đặc điểm, tính chất.
c) vị ngữ thường là động từ (hoặc cụm động từ) chỉ hành động.

Bài tập 2. Tìm bộ phận chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ trong mỗi câu sau :

- a) Nơi đây, từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, trời nóng hầm hập.
- b) Để trở thành kiện tướng bơi lội, chị ấy tập luyện rất chăm chỉ.
- c) Anh ấy vượt qua mọi khó khăn, gian khổ bằng nghị lực phi thường.
- d) Nhờ những lời động viên của mẹ, tôi đã biến ước mơ thành hiện thực.

Bài tập 3. Xác định bộ phận *trạng ngữ* trong mỗi câu sau :

- a) Ngoài trời, mưa rào rích không ngớt.
- b) Đêm đêm, bên bếp lửa bập bùng, các cụ già kể lại cho con cháu nghe biết bao kỉ niệm vui buồn.
- c) Ở Tây Nguyên, suốt mùa phát rẫy tria lúa, cho đến khi cây lúa đơm bông, tiếng đàn tơ-rưng luôn vang lên rộn rã.

Bài tập 4. Tìm câu kể *Ai làm gì ?* trong đoạn văn sau. Xác định bộ phận chủ ngữ, bộ phận vị ngữ của các câu đó.

Mặt trời từ từ nhô lên phía đằng đông, toả những tia nắng vàng ấm áp xuống làng quê. Chị cô vươn vai choàng tỉnh giấc. Chị khẽ mỉm cười với món quà mà tạo hoá ban tặng chị đêm qua. Đó là giọt sương trong như ngọc bích lấp lánh ánh cầu vồng.

(Theo Hoa cỏ may)

Bài tập 5. Mỗi câu dưới đây thuộc kiểu câu *Ai làm gì ?* hay kiểu câu *Ai thế nào ?*

- a) Cheo cheo hiền lành, nhút nhát nhưng xinh xắn nhất rừng.
- b) Loài cheo cheo đi ăn cả ngày lẫn đêm.
- c) Cheo cheo dũi mũi xuống đất đào giun hoặc măm mống.
- d) Có động, cheo cheo vểnh tai lên nghe ngóng.

Bài tập 6. Tìm câu kể *Ai là gì ?* trong các câu sau và cho biết đó là câu giới thiệu hay nêu nhận định.

- a) Chị tôi là vận động viên bơi lội.
- b) Sa Vỹ và Mũi Ngọc là hai đầu của đảo Trà Cổ.
- c) Mẹ tôi là người phụ nữ quên mình vì chống con.

d) Kẻ mang chiêng, người mang trống, người thổi tù và... tạo nên một không khí hội hè thật là tung bừng, náo nhiệt.

Bài tập 7. Hãy viết tiếp để tạo thành câu kể Ai là gì ?

- a) Thiếu nhi
- b) Tre
- c) Đại bàng
- d) Vịnh Hạ Long

2. Các kiểu câu theo cấu tạo

Câu đơn – Câu ghép

- Căn cứ vào cấu tạo, câu được chia làm hai kiểu : câu đơn và câu ghép.
 - + Câu đơn là câu do 1 cụm chủ vị tạo thành. Căn cứ vào vị ngữ, câu đơn có các loại : *Ai là gì ? / Ai làm gì ? / Ai thế nào ?*
 - + Câu ghép là câu do nhiều vế câu (nhiều cụm chủ – vị) ghép lại. Mỗi vế câu ghép thường có cấu tạo giống một câu đơn (có đủ chủ ngữ và vị ngữ) và thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với ý của những vế khác trong câu.
- Có hai cách nối các vế câu ghép : nối bằng từ ngữ có tác dụng nối và nối trực tiếp (không dùng từ ngữ), giữa các vế câu có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm. Cụ thể :
 - + Các vế câu có quan hệ nguyên nhân – kết quả có thể được nối với nhau bằng một quan hệ từ : *vì, bởi vì, nên, cho nên, nhờ,...* hoặc một cặp quan hệ từ : *vì nên, bởi vì cho nên, do mà, do nên, nhờ mà*
 - + Các vế câu có quan hệ điều kiện – kết quả có thể được nối với nhau bằng một quan hệ từ : *nếu, hễ, giá, thì,...* hoặc một cặp quan hệ từ : *nếu thì, nếu như ... thì, hễ ... thì, hễ mà ... thì, giá ... thì ...*
 - + Các vế câu có quan hệ tương phản có thể được nối với nhau bằng một quan hệ từ : *tuy, dù, mặc dù, nhưng* hoặc một cặp quan hệ từ : *tuy ... nhưng, mặc dù ... nhưng, dù ... nhưng ...*

- + Các vế câu có quan hệ tăng tiến nối với nhau bằng cặp quan hệ từ : *không những ... mà ..., chẳng những ... mà ..., không chỉ ... mà ...*
- + Ngoài quan hệ từ, các vế câu ghép còn có thể được nối với nhau bằng các cặp từ hô ứng như : *vừa ... đã ..., chưa ... đã ..., mới... đã ..., vừa ... vừa ..., càng ... càng ..., đâu ... đấy, nào ... ấy, sao ... vậy, bao nhiêu ... bấy nhiêu.*

Bài tập 1. Trong các câu sau, câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép ? Xác định bộ phận chủ ngữ và vị ngữ của mỗi câu hoặc vế câu.

- a) Chôm chôm, xoài tượng, xoài cát mọc chen nhau.
- b) Hoa lá, quả chín, những vật nắm ẩm ướt và con suối chảy thẳm dưới chân đưa nhau toả mùi thơm.
- c) Tiếng mưa êm, sợi mưa đều như dệt.
- d) Ở mảnh đất ấy, tháng giêng, tôi đi đốt bãi, đào ổ chuột ; tháng tám nước lên, tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép ...

Bài tập 2. Tìm các vế câu trong mỗi câu ghép sau và cho biết ranh giới giữa các vế câu được đánh dấu bằng những từ ngữ nào.

- a) Chúng ta cần chọn thóc giống từ trước khi thu hoạch và phải bảo quản cẩn thận để lúa mùa sau có năng suất cao.
- b) Chúng ta cần đổ khoai thành từng khoang xuống sàn đất cho khoai chóng khô ráo.

Bài tập 3. Những câu nào sau đây là câu ghép chỉ mục đích ?

- a) Buổi chợ nào bà Xoan cũng mua cho cháu nội mấy đồng quà.
- b) Mơ cố tỏ ra vui vẻ cho cha mẹ yên lòng.
- c) Tôi gắng làm lụng để con tôi có tương lai.
- d) Thằng bé Sinh để quên tất cả sách vở ở nhà.
- e) Ngày nào ông tôi cũng làm cỏ, tưới nước cho cây mau lớn.
- g) Tôi ra tỉnh học, để lại sau lưng mọi kỉ niệm thuở ấu thơ.

Bài tập 4. Tìm các vế câu trong mỗi câu ghép sau và cho biết chúng được nối với nhau bằng những từ ngữ nào.

- a) Dù trời mưa rất to nhưng học sinh lớp 5A vẫn đi học đủ.
- b) Cây cam tuy nhỏ nhưng quả rất sai.

Bài tập 5. Chuyển đổi các vế câu của các câu sau đây (theo mẫu) :

M : Bà con nông dân rất phấn khởi vì thời tiết năm nay thuận hoà.

→ Thời tiết năm nay thuận hoà nên bà con nông dân rất phấn khởi.

→ Vì thời tiết năm nay thuận hoà nên bà con nông dân rất phấn khởi.

→ Vì thời tiết năm nay thuận hoà cho nên bà con nông dân rất phấn khởi.

- a) Nó bị ngã liên tục vì đường trơn.
- b) Cây phát triển tốt vì chúng tôi chăm bón chu đáo.
- c) Chị ấy mang theo áo mưa vì trời âm u.
- d) Đồng ruộng nứt nẻ vì nắng nóng kéo dài.

Bài tập 6. Chuyển đổi các vế trong câu ghép chỉ *điều kiện – kết quả* sau đây (theo mẫu) :

M : Tôi sẽ mua một chiếc xe máy nếu việc chăn nuôi của tôi thành công.

→ Nếu việc chăn nuôi của tôi thành công, tôi sẽ mua một chiếc xe máy.

→ Nếu việc chăn nuôi của tôi thành công thì tôi sẽ mua một chiếc xe máy.

→ Nếu như việc chăn nuôi của tôi thành công, tôi sẽ mua một chiếc xe máy.

- a) Ngô sẽ lên xanh nếu được trận mưa như mấy hôm trước.
- b) Hồ cá sẽ thiếu nước nếu nắng nóng kéo dài.
- c) Ông Ba sẽ chuyển đổi hướng làm ăn nếu năm nay ông vẫn thua lỗ.
- d) Tôi sẽ đi thăm bản Hmông trên núi, nếu trời tạnh ráo.

Bài tập 7. Chuyển đổi các câu đơn thành câu ghép.

- a) Trời tối sầm lại. Gió thổi ào ào.
- b) Cậu bé ra cổng trường đợi mẹ . Mẹ cậu vẫn chưa đến.
- c) Người mẹ làm việc quần quật. Đứa con chỉ ăn với chơi.
- d) Người đứng đợi dưới bến đã đông. Thuyền vẫn chưa sang.

Bài tập 8. Chuyển mỗi câu ghép dưới đây thành những câu đơn.

- a) Tiếng ve kêu râm ran và hoa phượng nở đỏ rực.
- b) Mùa hè đã hết nhưng hoa sen vẫn còn nở trong đầm.
- c) Anh tôi cầm dây diều chạy trước còn tôi lịch bạch chạy theo sau.
- d) Cảnh vật thơ mộng và lòng người phơi phới.

3. Các kiểu câu theo mục đích nói

Câu kể – Câu hỏi – Câu cảm – Câu khiến

Dựa vào mục đích nói, có thể chia thành 4 kiểu câu : *câu hỏi, câu khiến, câu cảm và câu kể*. Cụ thể :

- *Câu hỏi (còn gọi là câu nghi vấn)* dùng để hỏi về những điều chưa biết. Phần lớn câu hỏi được sử dụng để hỏi người khác, một số trường hợp câu hỏi được dùng để tự hỏi mình. Ngoài ra, câu hỏi còn được dùng vào mục đích khác : tỏ thái độ khen / chê, sự khẳng định / phủ định, bày tỏ yêu cầu / mong muốn. Câu hỏi thường có các từ nghi vấn : *ai, gì, nào, sao, không,...* Khi viết, cuối câu hỏi có dấu chấm hỏi (?).
- *Câu khiến (câu cầu khiến)* dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn,... của người nói, người viết với người khác. Khi viết, cuối câu khiến có dấu chấm than (!) hoặc dấu chấm.
- *Câu cảm (câu cảm thán)* dùng để bộc lộ cảm xúc (vui, mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên,...) của người nói. Câu cảm thường có các từ ngữ : *ôi, chao, chà, trời ; quá, lắm, thật,...* Cuối câu cảm thường có dấu chấm than.
- *Câu kể (còn gọi là câu trần thuật)* dùng để : kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc hoặc nói lên ý kiến, tâm tư, tình cảm của mỗi người. Cuối câu kể có dấu chấm.

Bài tập 1. Căn cứ vào mục đích nói, mỗi câu dưới đây thuộc kiểu câu nào ? Giải thích cách dùng dấu câu của mỗi câu.

- a) Hài đập lúa chưa ?
- b) Hài đập lúa đi !
- c) Hài chưa đập lúa.

Bài tập 2. Với các từ cho dưới đây, viết thành các câu theo những mục đích nói khác nhau.

mưa, trời, rồi

Bài tập 3. Giải thích vì sao cuối câu a có dấu chấm hỏi, cuối câu b có dấu chấm.

- a) Bạn tên là gì ?
- b) Hãy nói cho cho tớ biết bạn tên là gì.

Bài tập 4. Điền dấu câu thích hợp vào ô trống cuối mỗi câu dưới đây và cho biết chúng thuộc kiểu câu nào ?

- a) Cô ơi, cô có biết nhà bác Hạnh ở đâu không ạ ☐
- b) Cô làm ơn chỉ giúp cháu nhà bác Hạnh ở đâu ạ ☐

Bài tập 5. Điền dấu câu nào vào cuối mỗi câu sau đây. Giải thích tại sao.

- a) Bạn có biết đây là cây gì không ☐
- b) Mình không biết đây là cây gì ☐

Bài tập 6. Đọc đoạn văn sau và cho biết câu hỏi nào dùng để hỏi người khác, câu hỏi nào để tự hỏi mình.

– Bà ơi, chú Cuội là ai hả bà ? ⁽¹⁾

– Chú Cuội cũng bé như con ấy. Chú Cuội chăn trâu cho nhà trời, mãi chơi để trâu ăn lúa, nhà trời phạt, bắt ngồi gốc cây đa...

Tôi căng mắt nhìn. Chú Cuội ngồi đâu nhỉ ?⁽²⁾ Con trâu đâu ?⁽³⁾ Ông trời là ai mà ác thế ?⁽⁴⁾ Hôm kia, thằng Quyết đi chăn trâu, cũng để trâu ăn lúa, nhưng mẹ nó chỉ mắng và phát khê cho nó một cái rồi thôi. Đằng này...

(Theo Kao Sơn)

Bài tập 7. Câu hỏi (được in đậm) trong mẩu chuyện sau được dùng làm gì ?

Có lần, Rốt-xi-ni được một phu nhân nọ mời ăn tối. Suốt bữa ăn, bà ta hỏi nhạc sĩ nhiều đến nỗi, khi rời bàn ăn Rốt-xi-ni hầu như không có gì trong bụng. Khi từ biệt, bà chủ nhà hồ hởi nói với ông :

– Được trò chuyện cùng ngài thật thú vị. *Hôm nào đó ngài có thể cho phép tôi lại được mời ngài đến dùng bữa, được không ạ ?*

– Rất vui lòng. – Rốt-xi-ni trả lời. – Tôi muốn được nhận lời mời ngay bây giờ.

(Theo Kể chuyện âm nhạc)

VI – DẤU CÂU

Tiếng Việt có 10 dấu câu :

- (1) *Dấu chấm* đặt cuối câu kể, báo hiệu câu đã kết thúc ; đặt ở cuối đoạn văn để kết thúc đoạn văn ; khi đọc, gặp câu có dấu chấm phải hạ giọng và nghỉ hơi.
- (2) *Dấu chấm hỏi* đặt cuối câu hỏi ; khi đọc, gặp câu có dấu chấm hỏi phải đọc cao giọng ở cuối câu.
- (3) *Dấu chấm than* đặt cuối câu cảm hoặc câu khiến ; khi đọc, gặp câu có dấu chấm than, phải thay đổi giọng cho phù hợp với tình cảm, thái độ được thể hiện trong câu.
- (4) *Dấu phẩy* có tác dụng ngăn cách các vế câu trong câu ghép, ngăn cách thành phần phụ của câu (trạng ngữ) với bộ phận chủ ngữ – vị ngữ, ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.
- (5) *Dấu chấm phẩy* dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép đẳng lập ; khi đọc phải ngắt hơi ở dấu chấm phẩy.
- (6) *Dấu hai chấm* dùng để báo hiệu lời nói trực tiếp của nhân vật (được dùng kèm với dấu gạch ngang hoặc dấu ngoặc kép), báo hiệu bộ phận đứng sau là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.
- (7) *Dấu gạch ngang* có tác dụng đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại, đánh dấu phần chú thích trong câu, đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.
- (8) *Dấu ngoặc kép* được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp hoặc ý nghĩ của nhân vật hoặc đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.

- (9) *Dấu ngoặc đơn* dùng để đánh dấu phần ghi nguồn trích dẫn hoặc đánh dấu bộ phận giải thích thêm.
- (10) *Dấu ba chấm* dùng để thể hiện sự liệt kê chưa hết, thể hiện sự đứt quãng trong lời nói hoặc diễn tả sự vang động của âm thanh.

Bài tập 1. Đánh dấu ✓ vào ô trống trước câu nêu đúng tác dụng của dấu hai chấm (:) được sử dụng trong câu.

Những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra : cánh đồng với những đàn trâu thung thẳng gặm cỏ ; dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi.

- ☐ Dấu hai chấm dùng để dẫn lời nói trực tiếp.
- ☐ Dấu hai chấm dùng để báo hiệu những từ ngữ sau đó là lời giải thích.
- ☐ Dấu hai chấm dùng để báo hiệu những từ ngữ sau đó liệt kê sự vật, sự việc.

Bài tập 2. Điền dấu câu thích hợp vào ô trống trong đoạn văn sau :

Đêm rằm Trung thu, có tiếng hát từ rất xa vọng lại ☐

*Chú Cuội ngồi gốc cây đa
Để trâu ăn lúa gọi cha ời ời...*

Tôi hỏi bà ☐

– Bà ơi, ai hát đấy hả bà ☐

– Chị Hằng hát đấy ☐ ☐ Bà tôi thì thầm ☐

– Chị Hằng là ai hả bà ☐ ☐ Tôi tò mò ☐

– Chị Hằng cũng là người nhà trời ☐ nhưng chị Hằng thương chú Cuội bị phạt nên hát cho chú Cuội nghe đỡ buồn đấy.

(Theo Kao Sơn)

Bài tập 3. Hãy so sánh và giải thích cách dùng dấu ngoặc kép và dấu ngoặc đơn trong câu văn sau :

Bài thơ “Chiều tôi” (*Nhật kí trong tù* – Hồ Chí Minh) cho ta thấy niềm mơ ước thầm kín về một mái nhà ấm, một chỗ dừng chân trên con đường dài muôn dặm.

(Theo Trần Đình Sử)

Bài tập 4. Hãy cho biết, trong các câu hỏi dưới đây, câu hỏi nào dùng để hỏi, câu hỏi nào dùng vào mục đích khác.

a) Lão Tác người làng tôi đã bỏ nhà cửa, vợ con để theo người ta đi buôn. Nguyên nhân nào đã thúc đẩy lão làm chuyện đó ? Có phải lão mơ làm giàu nhanh chóng hay lão chán ngán cuộc sống lầm lụi, bấp bênh của cuộc đời cay cú ?

(Theo Kao Sơn)

b) Bà ơi ! Ổ mai sấu bà làm ngon lắm. Cháu ăn sấu bà cho, cháu cứ ứa nước mắt ra. Không phải tại sấu chua đâu. Tại vì cháu yêu bà. Sau này lớn lên, cháu biết lấy gì đền đáp lại tấm lòng thương cháu của bà ?

(Theo Vũ Tú Nam)

Bài tập 5. Điền dấu phẩy hoặc dấu hai chấm vào các ô trống sau :

a) Càng về khuya, bầu trời càng xanh trong trắng càng sáng.

b) Bóng tối dày đặc, bốn bề im ắng đêm đã khuya.

c) Mở gói quà, Hà tròn mắt ngạc nhiên một con búp bê đẹp tuyệt !

d) Mở gói quà, Hà thấy có một con búp bê chiếc cặp tóc và một cuốn truyện cổ tích.

Bài tập 6. Đọc hai đoạn truyện sau và giải thích vì sao cùng là dẫn lời nói của nhân vật nhưng cách trình bày và cách dùng dấu câu ở hai đoạn khác nhau.

a) Đi cùng Loan một vòng quanh làng mới biết Loan được nhiều người yêu mến. Bọn bạn trong làng cứ gọi rồi lên : "Loan ơi ! Đi đâu đấy ?". Mấy đứa bé đi học về cũng chèo kéo : "Tối nay chị Loan tập cho chúng em một bài hát nữa nhé !". Ngay các cô bác gặp Loan cũng niềm nở : "Cô Loan ra ruộng đấy à ?".

(Theo Lã Khắc Hoan)

b) Một đoàn khách đang đi giữa trưa hè nóng bức. Bỗng họ nhìn thấy cây ngô đồng bèn kéo đến nằm nghỉ dưới bóng mát của nó. Một hồi lâu, thấy đã khoẻ lại, họ ngược nhìn lên cây và kháo nhau :

– Loài cây này chẳng có trái nên chẳng có ích lợi gì !

Cây ngô đồng đáp lời họ :

– Các người thật vô ơn ! Chính các người đang nương nhờ bóng mát của ta, nhưng lại bảo ta chẳng có ích gì !

(Theo Ngụ ngôn thế giới chọn lọc)

VII – LIÊN KẾT CÂU TRONG ĐOẠN VĂN, BÀI VĂN

Trong bài văn, đoạn văn, các câu phải *liên kết* chặt chẽ với nhau. Trước hết, phải kể đến 3 kiểu liên kết : *lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ và sử dụng một số từ ngữ có tác dụng kết nối* :

– Để liên kết một câu với câu đứng trước nó, ta có thể *lặp lại* trong câu ấy những từ ngữ đã xuất hiện ở câu đứng trước.

– Khi các câu trong đoạn văn cùng nói về một người, một vật, một việc, ta có thể dùng đại từ hoặc những từ ngữ đồng nghĩa *thay thế* cho những từ ngữ đã dùng ở câu đứng trước để tạo mối liên hệ giữa các câu và tránh lặp từ nhiều lần.

– Để thể hiện mối quan hệ về nội dung giữa các câu trong bài, ta có thể liên kết các câu ấy bằng quan hệ từ hoặc một số từ ngữ có tác dụng nối : *vì vậy, nhưng, tuy nhiên, thậm chí, cuối cùng, ngoài ra, mặt khác, thậm chí, trái lại, đồng thời,...*

Bài tập 1. Các câu trong mỗi đoạn văn dưới đây liên kết với nhau bằng những cách nào ? Từ ngữ nào cho biết điều đó ?

a) Vườn rau của trường mỗi luống do một lớp làm, cắm biển để tên lớp để đánh dấu và chấm điểm thi đua. Mỗi luống trồng các loại rau khác nhau. Ong bướm bay rập rờn trên nền xanh của lá rau. Trông thật vui mắt.

b) Nét-len khoảng gần bốn mươi tuổi, người gốc Ca-na-đa. Anh xuất thân từ một gia đình gốc rễ lâu đời ở thành phố Quê-béc, thuộc dòng dõi những thủy thủ can trường. Về bề ngoài của anh làm mọi người chú ý, đặc biệt là đôi mắt cương nghị, ánh lên vẻ rắn rỏi, tung trái.

c) Chẳng mấy ai nghĩ rằng mình nên người là nhờ tiếng hát ru của mẹ. Và, cũng chẳng mấy ai nhớ câu ru nào mẹ đã ru mình. Nhưng tiếng ru “*Ấu ơi...*” bên nhà lán giếng khiến ai cũng mang máng nhớ một tình quê nơi chôn nhau cắt rốn cùng lời ru dịu dàng của mẹ tràn ngập mái ấm thuở ấu thơ.

Bài tập 2. Chọn từ ngữ trong khung để điền vào chỗ trống trong các đoạn văn sau :

nó, đỏ, nhưng, lũy tre làng

a) Tính biệt lập của mỗi ngôi làng trước đây được thể hiện ở lũy tre làng. bao trùm xung quanh làng. là một thành lũy rất kiên cố, "đốt không cháy, trèo không được, đào không qua".

b) Tiếng tu hú mời khất khoải làm sao. kêu cho nắng về, cho rặng vài
rừng, sông chín đỏ, cho cái chua bay đi, cái vị ngọt còn lại. khát thêm gì nhi
mà năm nào nó cũng gọi xa gọi gần như thế ?

c) Ở chợ Gò quê tôi ngày ấy có quán cháo bà Mùi và vài ba hàng cháo khác nữa. bất kì cháo cá ở đâu cũng không ngon bằng cháo cá bà Mùi.

Bài tập 3. Điền từ ngữ thích hợp vào mỗi chỗ trống để tạo sự liên kết giữa các câu trong mỗi đoạn văn sau :

a) Ngày nay, con người tìm ra nhiều loại vật liệu xây dựng mới.
cây rừng vẫn là một vật liệu quan trọng để làm nhà.

b) Trống Choai là một cậu gà rất đẹp trai với chiếc mào đỏ chói trên đầu. Trống Choai rất kiêu ngạo. Mới sáng sớm, đã vươn cổ gáy inh ỏi cả một vùng.

c) Gia đình nhà kiến rất đông. Kiến Mẹ có những chín nghìn bảy trăm con. Tối nào cũng dỗ dành và thơm yêu từng đứa con :

– Chúc con ngủ ngon ! Mẹ yêu con.

VIII – BIỆN PHÁP SO SÁNH, NHÂN HOÁ

- *So sánh* là sự đối chiếu hai đối tượng cùng có một dấu hiệu chung nào đấy nhằm làm rõ đặc điểm của một trong hai đối tượng đó.
- *Nhân hoá* là cách gọi hoặc tả con vật, đồ vật, cây cối,... bằng những từ ngữ vốn để gọi và tả con người.

Bài tập 1. Tìm những sự vật được so sánh với nhau trong mỗi câu sau :

- a) Trên cao nhìn xuống, dòng sông như một tấm gương sáng loá.
- b) Trông xa, đồng cỏ giống như một tấm thảm nhung xanh ngất.
- c) Dòng suối uốn lượn như một dải lụa mềm mại.
- d) Hoa phượng nở đỏ rực như một quảng lửa trên phố.

Bài tập 2. Trong các câu sau đây, những sự vật nào được so sánh với nhau ? Giữa chúng có điểm gì giống nhau ?

- a) Cái trống to như một chiếc vại lớn, đặt sừng sững trên một cái giá cao.
- b) Tiếng đàn tơ-rưng khi trầm hùng như tiếng thác đổ, khi thánh thót, róc rách như suối reo.
- c) Đối với tuổi trẻ Tây Nguyên, nhà Rông như cái tổ chim êm ấm.
- d) Ngọn cau xoè ra như chiếc ô để ngược, còn nồn cau như mũi kiếm đâm vút lên trời.

Bài tập 3. Trong mỗi câu sau đây, những sự vật nào được nhân hoá ? Chúng được nhân hoá bằng cách nào ? Hãy nêu tác dụng của biện pháp nhân hoá trong các câu văn.

- a) Con đê quê tôi đã phơi mình ra cản cù hàng ngàn năm mà không hề mệt mỏi.
- b) Cỏ may sao lưu luyến bước chân người như vậy ? Hẳn là cỏ may đứng mãi ở chân đê nên muốn theo người về nhà sưởi ấm, ăn bắp ngô non nướng thơm lừng quanh bếp hay một nồi rang hạt dẻ bùi.
- c) Xưa, dân tộc Mông vốn sống du cư và khèn chính là người bạn làm vui cho cảnh đời rong ruổi.

Bài tập 4. Đọc các câu dưới đây và cho biết :

- Câu nào sử dụng biện pháp so sánh ?
- Câu nào sử dụng biện pháp nhân hoá ?
- Câu nào sử dụng cả 2 biện pháp so sánh và nhân hoá ?

- a) Quả sim giống hết một con trâu mộng tí hon, béo tròn múp míp, còn nguyên cả lông tơ, chỉ thiếu chiếc khoáy.

b) Như một bà mẹ thương con, cây nhãn dồn tất cả sữa ngọt sữa ngon của mình lên các chùm quả.

c) Những quả nhãn no đầy sữa mẹ ngày lại ngày dầm mưa hè, phơi nắng hè đã chín ngọt lụ.

IX – TẬP LÀM VĂN

1. Viết văn kể chuyện

- *Kể chuyện* là kể lại một chuỗi sự việc có đầu có cuối, liên quan đến một hay một số nhân vật. Mỗi câu chuyện cần nói lên được một điều có ý nghĩa.
- Những lưu ý khi viết văn kể chuyện :
 - + Nhân vật trong văn kể chuyện có thể là người, là con vật, đồ vật, cây cối,... được nhân hoá.
 - + Cần kể lại hành động, lời nói, suy nghĩ,... của nhân vật vì hành động, lời nói, suy nghĩ,... nói lên tính cách của nhân vật ấy.
 - + Khi cần miêu tả ngoại hình nhân vật trong bài văn kể chuyện, nên chọn tả những đặc điểm ngoại hình tiêu biểu có thể góp phần nói lên tính cách hoặc thân phận của nhân vật và làm cho câu chuyện thêm sinh động, hấp dẫn.

Bài tập 1. Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi.

Giấc mơ đêm Rằm

– Châu nhìn kìa ! – Bà tôi chỉ lên bầu trời đêm Trung thu. – Trên ông trăng có cây đa đấy. Có cả chú Cuội nữa.

Tôi nhìn theo. A, đúng rồi, có cây đa thật.

– Bà ơi, chú Cuội là ai hả bà ?

– Chú Cuội cũng bé như con ấy. Chú Cuội chẵn trâu cho nhà trời, mãi chơi để trâu ăn lúa, nhà trời phạt, bắt ngồi gốc cây đa...

Tôi căng mắt nhìn. Chú Cuội ngồi đâu nhi ? Con trâu đâu ? Ông trời là ai mà ác thế ? Hôm kia, thằng Quyết đi chẵn trâu, cũng để trâu ăn lúa, nhưng mẹ nó chỉ mắng và phạt khê cho nó một cái rồi thôi. Đẳng này...

"Chú Cuội ngồi gốc cây đa
Để trâu ăn lúa gọi cha ời ời..."

Có tiếng hát từ rất xa vọng lại.

– Bà ơi, ai hát thế hả bà ?

– Chị Hằng hát đấy. – Bà tôi thì thắm.

– Chị Hằng là ai ạ ? – Tôi tò mò.

– Chị Hằng cũng là người nhà trời, nhưng chị Hằng thương Cuội bị phạt nên hát cho chú Cuội nghe đỡ buồn đấy.

Giọng bà vẫn thì thắm. Gió nhẹ thổi. Tôi cố căng mắt để nhìn. Rồi tôi chợt thấy mình bỗng bồng bồng, người nhẹ hẫng đi. Tôi thấy mình được ngồi trên lưng chim đại bàng bay lên mặt trăng. Tôi đã nhìn thấy chú Cuội. Không hiểu sao chú Cuội lại giống thằng Quyết đến thế. Mà chú Cuội bị trói kia. Tôi vung cây kiếm lửa lên. Những sợi dây trời đứt tung. Tôi nắm tay chú Cuội cùng cuôi lên lưng đại bàng bay về. Chúng tôi lượn vòng trước sân nhà và nhìn thấy cái Tâm đang vẫy chúng tôi. Chúng tôi đổ xuống. Mâm cỗ Trung thu nhà tôi vẫn còn. Bà tôi đang tay ôm chầm lấy chúng tôi vào lòng.

(Theo Kao Sơn)

- a) Nhân vật *người kể chuyện* trong câu chuyện trên là ai ?
- b) Trong câu chuyện trên, đoạn nào là thực, đoạn nào là mơ ?
- c) Giấc mơ của cậu bé có bóng dáng của những câu chuyện cổ tích nào ?
- d) Trong giấc mơ của cậu bé, em thấy điều gì là thú vị nhất ? Vì sao ?

Bài tập 2. Hãy kể tiếp câu chuyện dưới đây theo ý của em.

Thần May Mắn

Một cô bé hiếu động đã tháo tung chiếc đồng hồ treo tường, gắn vào đó cậu bé đánh trống để mỗi khi đồng hồ điểm 12 giờ sẽ vang lên một hồi trống vui tai. Nhưng công việc không thành. Cô bị phạt nhốt trong phòng...

Chợt có ai đứng ngoài cửa sổ. Cô bé nhìn ra và thấy một ông già râu trắng như cước, triu mến nhìn cô.

– Ông là ai ? – Cô bé ngạc nhiên hỏi.

– Ta là Thần May Mắn.

– Ôi ! Ông có thể cho cháu ba điều ước không ?

– Được chứ ! Thế cháu ước điều gì trước tiên ?

– Cháu muốn ra khỏi căn phòng này.

– Nào, nắm lấy tay ta.

Thần May Mắn giúp cô bé bay vút qua cửa sổ, ẩn vào những đám mây bông bồng. Thần May Mắn hỏi cô bé :

– Thế điều ước tiếp theo của cháu là gì vậy ?

(...)

2. Viết văn miêu tả

- *Miêu tả* là vẽ lại bằng lời những đặc điểm nổi bật của cảnh, của người, của vật để giúp người nghe, người đọc hình dung được các đối tượng ấy. Bài văn miêu tả cần nêu (hoặc thể hiện) được tình cảm, ấn tượng của người tả đối với sự vật được miêu tả.
- Những lưu ý khi viết văn miêu tả :
 - + Tả đồ vật : Nên tả bao quát toàn bộ đồ vật, rồi tả những bộ phận có đặc điểm nổi bật ; cần quan sát kĩ đồ vật, phát hiện những đặc điểm riêng của đồ vật để miêu tả.
 - + Tả cây cối : Có thể tả lần lượt từng bộ phận của cây hoặc tả cây theo từng thời kì phát triển ; cần nêu lên ích lợi của cây.
 - + Tả con vật : Cần tả được hình dáng, thói quen sinh hoạt và hoạt động chính của con vật.
 - + Tả cảnh : Có thể tả từng phần của cảnh hoặc tả sự thay đổi của cảnh theo thời gian.
 - + Tả người : Cần tả được ngoại hình (đặc điểm nổi bật về tầm vóc, cách ăn mặc, khuôn mặt, mái tóc, cặp mắt,...) và tính tình, hoạt động (lời nói, cử chỉ, thói quen, cách cư xử với người khác,...) của người được miêu tả.

Bài tập 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Chùa Tây Phương

Chùa Tây Phương được dựng xây trong khung cảnh núi sông thanh tĩnh. Đây là một ngôi chùa đẹp, làm vinh dự cho nền kiến trúc và mỹ thuật cổ xưa của dân tộc ta.

Chùa gồm ba toà nhà cổ kính bằng gỗ đẹp, xếp hàng hình chữ tam. Giữa ba toà nhà có hai sân nhỏ xây hai bể nước lớn. Bể nước làm gương phản chiếu ánh mặt trời để ngôi chùa thêm ánh sáng. Ánh sáng toả ra trong chùa lung linh, diu dịu.

Mỗi toà nhà được kiến trúc hai tầng, tám mái, lợp ngói hình lá đề. Ngói cỡ to và dày, trông hơi giống mũi hài. Các mái uốn cong mềm mại gắn tứ linh (bốn con vật được coi là linh thiêng ngày xưa : rồng, lân, rùa, phượng) bằng sành rất thanh thoát. Trên các mái đều chạm rồng, phượng, hoa sen, lá dâu, lá mầu đơn, tia mặt trời, mặt trăng,... Các chân cột được làm bằng đá xanh, chạm hình cánh sen. Rủi mè trên mái nhà đều có mộng ô vuông, lót ngói nhiều màu, tường chung mái chùa được choàng tấm áo hoa xuân hay khoác ngoài tấm cà sa nhà Phật vậy !

Bước vào trong chùa, 16 vị La Hán rất bình dân với 46 tượng lớn nhỏ để ở phía trước bái đường và chính điện. Nghệ thuật tạo hình ở các pho tượng tinh xảo và rất điêu luyện. Mỗi pho tượng đều có một nét riêng biệt, càng xem càng hấp dẫn.

Chùa Tây Phương tiêu biểu cho nền nghệ thuật độc đáo đầy sáng tạo của cha ông ta và là niềm tự hào của cả dân tộc Việt Nam.

(Theo Đất nước ngàn năm – Tập một, 1974)

- a) Hãy lập dàn ý cho bài văn trên.
- b) Phần thân bài có mấy đoạn văn ? Ý chính của mỗi đoạn là gì ?
- c) Em thích hình ảnh nào hoặc câu văn nào trong bài văn ? Vì sao ?

Bài tập 2. Đọc đoạn mở bài sau và trả lời câu hỏi.

Đêm qua, khi hai mắt riu lại, em mơ thấy mặt đất bỗng nhiên không có một bóng cây xanh, nhà cửa đứng trơ trọi buồn tẻ, chim chóc cùng rù nhau

bay đi đâu hết, gió ngừng thổi... Trẻ con chúng em không có loại hoa quả gì để ăn, bữa cơm không có rau xanh... Hoàng hốt, em búng tỉnh dậy, chạy vội ra vườn : Ôi ! Cây khế cơm đầu nhà vẫn còn. Cành khế như sà xuống vẫy chào em.

a) Mở bài trên đây giới thiệu cây gì ?

b) Đó là mở bài trực tiếp hay mở bài gián tiếp ?

c) Để giới thiệu cây khế, người viết đã bắt đầu từ sự việc gì ? Cách giới thiệu đó có gì hay ?

Bài tập 3. Dựa vào bài thơ sau đây, em hãy viết bài văn tả hoa cúc vàng.

Hoa cúc vàng

Suốt cả mùa đông
Nắng đi đâu hết
Trời đắp chăn bông
Còn cây chịu rét

Sớm nay nở hết
Đầy sân cúc vàng
Thấy mùa xuân đẹp
Nắng lại về chăng

Ồ chẳng phải đâu
Mùa đông nắng ít
Cúc gom nắng vàng
Vào trong lá biếc

Chờ cho đến Tết
Nở bung thành hoa
Rực vàng hoa cúc
Ấm vui mọi nhà.

(Theo Nguyễn Văn Chương)

Kiến thức, kĩ năng cơ bản môn Tiếng Việt Cấp Tiểu học

1. Kiến thức

- Một số quy tắc chính tả. Cách viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam và nước ngoài.
- Cấu tạo từ (từ đơn, từ phức) ; các từ loại chủ yếu (danh từ, động từ, tính từ, đại từ, quan hệ từ) ; nghĩa của từ.
- Câu đơn và các thành phần của câu đơn (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ) ; câu ghép.
- Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến.
- Các dấu câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang).
- Các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hoá).
- Cấu tạo ba phần của văn bản.
- Các kiểu văn bản : kể chuyện, miêu tả, thư.

2. Kĩ năng

- Đọc và hiểu nội dung, ý nghĩa của văn bản ; nhận biết một số chi tiết nghệ thuật của văn bản (từ ngữ, hình ảnh, nhân vật....).
- Viết đoạn văn, bài văn kể chuyện, miêu tả, viết thư.

Phần Hai

CÁC ĐỀ ÔN LUYỆN



Câu 1. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi.

Về thăm mẹ

Con về thăm mẹ chiều đông
Bếp chưa lên khói mẹ không có nhà
Mình con thơ thẩn vào ra
Trời đang yên vậy bỗng oà mưa rơi
Chum tương mẹ đã đầy rồi
Nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa
Áo tôi qua buổi cày bừa
Giờ còn lùn cùn khoác hồ người rơm
Đàn gà mới nở vàng ươm
Vào ra quanh một cái nơm hồng vành
Bất ngờ rụng ở trên cành
Trái na cuối vụ mẹ dành phần con
Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn
Rung rung từ chuyện giản đơn thường ngày.

(Đinh Nam Khương)

- Hình ảnh ngôi nhà của mẹ hiện ra như thế nào ?
- Người con cảm nhận được điều gì về mẹ khi “mẹ không có nhà” ?
- Nêu cảm nghĩ của em về người mẹ trong bài thơ.

Câu 2. Câu “Nón mê xưa đúng nay ngồi đắm mưa” có mấy cặp từ trái nghĩa ?
Đó là những cặp từ nào ?

Câu 3. Dòng nào dưới đây có từ nhiều nghĩa ?

- a) đàn gà mới **nở** – hoa **nở** – **nở** nụ cười
- b) **vàng ươm** – **vàng xuộm** – **vàng tươi**
- c) ngôi **nhà** – xây **nhà** – vào **nhà**

Câu 4. Các đoạn trong bài văn dưới đây đã bị đảo trật tự. Em hãy sắp xếp lại theo thứ tự đúng.

☐ Tiết trời mùa xuân thật là đặc biệt : rét vẫn còn vương trên ngọn xoan đào, nhưng đất ngoài vườn khô ráo, sạch bong, mịn màng như thể đất rừng Đà Lạt sau một đêm sương, và qua những kẽ lá chòm cây, có những bông hoa nắng rung rinh trong bể nước.

☐ Thế rồi bỗng một ngày, trời tự nhiên đổi gió. Nửa đêm về sáng, trời bắt đầu lạnh lạnh. Hàng cây bên đường vươn những cái thân gầy lên trên trời và mỗi khi có gió thổi thì từng chiếc lá vàng lại rụng xuống, xoay nhiều vòng, rồi mới đậu xuống...

☐ Ngày tháng trôi đi, mùa hạ ồ ồ xuất hiện. Hoa gạo bắt đầu nở đỏ chời ở ven hồ Hoàn Kiếm, rơi xuống nước xanh, rụng xuống cỏ xanh, ve sầu lột cánh đã kêu rền rền vào buổi trưa... Trời nóng như nung như nấu.

☐ Và mùa đông đến. Trời bắt đầu rét, gió bắc bắt đầu thổi se sắt, mưa dầm dề... Ngoài đường, mọi người hối hả bước mau dưới trời mưa để về nhà. Thình thoảng lại có một ngọn gió hơi buồn buồn thổi vù vù từ xa lại làm cho những cành cây thưa lá đập vào nhau và reo lên khe khẽ...

(Theo Vũ Bằng)

Câu 5. Em hãy viết câu mở đoạn và câu kết đoạn cho đoạn văn sau :

Mỗi lần về thăm quê, sau khi ngắm những ngọn cau xanh ngắt, ta sẽ được uống một ngụm nước mưa trong vắt, mát lạnh, đựng trong chum sành đặt ở gốc cau. Nước mưa từ ngọn cau chảy xuống, qua một túm lá cau làm máng, chảy vào chum. Cây cau hứng nước của vòm trời. Nước mưa như còn đọng cả tiếng sấm, tiếng gió và tia chớp, đọng cả bóng mây làm ta sung sướng được trở về thăm lại ngôi nhà xưa có hương cau thoang thoang trong ánh trăng bằng bạc.

(Theo Bằng Sơn)



Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Rừng Tây Nguyên đẹp vì cảnh sắc thiên nhiên. Những tháng ngày mùa thu, và nhất là mùa xuân, trời mát dịu, bên mỗi bước chân ta thoang thoang hương thơm nhiều loại hoa rừng. Cho đến khi những cơn mưa đầu mùa đổ xuống, bầu trời vẫn trong, không mấy khi bị mây vần u ám. Những cơn mưa rừng càng làm cho rừng thêm mát mẻ, xanh tươi. Các đồi gành vươn lên và cỏ non bò lan ra mặt suối, như choàng cho rừng một chiếc khăn lấp lánh kim cương. Mặt trời xuyên qua kẽ lá, sưởi ấm những con suối trong vắt, thì thầm, và các đàn chim đua hót, các đàn công thì múa.

Tây Nguyên có biết bao khu rừng hấp dẫn. Dưới tán cây rậm rạp của rừng già, trên bãi cỏ non của rừng thưa, những đàn thú sinh sôi nẩy nở.

(Theo Ay Dun và Lê Tấn)

- a) Cảnh rừng Tây Nguyên đẹp như thế nào ?
- b) Trong đoạn văn trên, câu văn nào sử dụng cả biện pháp nhân hoá và so sánh ? Nêu tác dụng của các biện pháp đó trong việc miêu tả cảnh vật.
- c) Đặt tên cho đoạn văn.

Câu 2. Tìm tiếng thích hợp điền vào chỗ trống để tạo thành các từ láy âm đầu.

- | | |
|----------------|---------------|
| a) nhanh | c) dếnh |
| b) chậm | d) gấp |

Câu 3. Các câu trong đoạn văn sau đã bị đảo trật tự. Hãy sắp xếp lại cho đúng .

Trời sẽ ngả sang thu. Chẳng còn mấy ngày nữa là mùa xuân đã hết. Rồi mùa hạ cũng qua đi, hoa sen trong đầm nước cũng tàn dần.

(Theo Tô Hoài)

Câu 4. Mỗi đoạn mở bài sau đây được viết theo cách nào và viết cho bài văn kể câu chuyện gì ?

- a) Trong một đêm Nô-en giá lạnh, có một cô bé nghèo, mồ côi mẹ, phải đi bán diêm kiếm sống. Em không dám trở về nhà vì cả ngày không bán được bao diêm nào.

b) Vào đêm Nô-en, khi mọi người vui vẻ đón lễ Giáng sinh, vẫn có những người khốn khổ phải chịu cảnh đói rét, cô đơn, lang thang trên đường phố. Nếu không có lòng thương giữa người với người thì trái đất này chỉ là hành tinh lạnh lẽo, chỉ toàn oán thù và đau khổ. Câu chuyện "Cô bé bán diêm" của nhà văn An-đéc-xen cho ta biết điều đó.

Câu 5. Viết đoạn văn tả cảnh buổi sáng nơi gia đình em sinh sống.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Thanh âm của núi

Ài dà một lần lên Tây Bắc, được nghe tiếng khèn người Mông, sẽ thấy nhớ, thấy thương, thấy vấn vương trong lòng... Âm thanh của cây khèn người Mông có thể làm đắm say du khách khó tính nhất.

Với người Mông, tiếng khèn là sợi dây tâm linh nối người sống và người đã mất, là "cây cầu" bắc lời tỏ tình đôi lứa, là những chuyện cổ được kể bằng âm thanh. Thân khèn được làm bằng gỗ cùng sáu ống trúc lớn, nhỏ, dài, ngắn khác nhau. Sáu ống trúc tượng trưng cho tình anh em tụ hợp. Chúng được xếp khéo léo, song song trên thân khèn. Tưởng tượng thêm một chút sẽ thấy chúng như dòng nước đang trôi. Dòng nước đó chở thú âm thanh tuyệt diệu, chảy từ ngọn nguồn lịch sử đến bến bờ hiện tại.

Mấy ai từng gặp những nghệ nhân dân gian thổi khèn nơi đỉnh núi mênh mang lộng gió, tóc bị gió thổi ngược, hình bóng họ in trên nền trời xanh, hết một tuyệt tác của thiên nhiên. Núi cao, rừng rộng chẳng thể làm chìm đi tiếng khèn đầy khát khao, dạt dào sức sống.

Đến với tiếng khèn một ngày để nhớ tiếng khèn một đời...

(Theo Hà Phong)

a) Tiếng khèn có ý nghĩa như thế nào đối với người Mông ?

- b) Hình ảnh những nghệ nhân thổi khèn được miêu tả như thế nào ? Cách miêu tả đó có gì độc đáo ?
- c) Câu văn cuối bài muốn nói điều gì với người đọc ?

Câu 2. Tìm từ đồng nghĩa với :

- a) khát khao
b) chờ mong
c) vui mừng

Câu 3. Trong các từ in đậm dưới đây, những từ nào là từ đồng âm, những từ nào là từ nhiều nghĩa ?

- a) **đường** làng, lợ **đường**, **đường** biển
b) dòng nước **trôi**, bánh **trôi**, cá **trôi**.
c) **tỏ** thái độ, **tỏ** lòng, sáng **tỏ**

Câu 4. Sắp xếp đoạn văn sau (bằng cách đánh số thứ tự vào ô trống trước mỗi đoạn) để tạo thành bài văn.

☐ Hương hoa dẻ có mùi thơm rất dễ chịu. Thú vị nhất là được thưởng thức hương hoa dẻ từ xa, trên con đường mát rượi bóng cây, đang đi bất chợt ta thấy thoang thoảng một mùi thơm ngan ngát, mát dịu. Có thể ta chưa nghĩ ra đó là hương thơm của hoa dẻ. Ngược mắt lên vòm lá kiếm tìm, ta chợt nhận ra những chùm hoa dẻ đầu tiên đã chín vàng treo lủng lẳng, ẩn hiện trong vòm lá xanh biếc.

☐ Cứ mỗi độ hè về, con đường làng quê tôi vàng một màu hoa dẻ.

☐ Tôi yêu cái vẻ đẹp bình dị, dịu dàng của hoa dẻ. Đã xa tuổi học trò, nhưng cứ mỗi độ hè về, tôi lại bồi hồi nhớ về một mùa hoa dẻ.

☐ Từ đầu hè đã có lác đác vài chùm hoa chín. Hoa dẻ màu vàng ruộm, cái sắc vàng rất tươi, rất trong trẻo. Từng chùm hoa nom giống như những chiếc đèn lồng xinh xinh, các cánh hoa buông dài mềm mại.

(Theo Nguyễn Nhung)

Câu 5. Viết đoạn văn tả một loài hoa em yêu thích.



Câu 1. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi.

Giọt sương kiêu diễm

(Trích)

Có giọt sương kiêu diễm
Tính đồng đánh, kiêu kì
Chẳng coi ai ra gì
Luôn nghĩ mình đẹp nhất.

Khoe mãi không biết chán
Bỗng, nắng ập đến rồi
Đang khoác lác liên hồi
Sương thấy mình tan chảy...

Sương bảo chị Cỏ Mât :
– Đây, chị cứ nghĩ xem
Không có tôi đâu lên
Chị làm sao lấp lánh ?

Cỏ cây càng lộng lẫy
Hạt sương càng nóng ran
Có phải thấy bề bàng
Mà giọt sương trốn biệt ?

(Nguyễn Trọng Hoàn)

Sương còn bảo chị Nấm :
– Nếu tôi không đánh đu
Vành nón chị rất thô
Chú làm sao duyên dáng ?

- a) Trong bài thơ trên, giọt sương được miêu tả bằng cách nào ?
- b) Tính tình giọt sương thế nào ?
- c) Bài thơ khuyên mọi người điều gì ?

Câu 2. a) Tìm bộ phận chủ ngữ trong câu “Vành nón chị rất thô”.

b) Tìm bộ phận vị ngữ trong câu “Sương thấy mình tan chảy”.

Câu 3. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ láy ?

- a) kiểu diễm, đồng danh, kiều kì, lấp lánh
- b) lấp lánh, duyên dáng, khoác lác, cò cây
- c) rạng rỡ, khoác lác, lộng lẫy, bề bàng

Câu 4. Câu chuyện sau đây đã bị đảo trật tự. Hãy sắp xếp lại thứ tự các đoạn cho đúng.

Anh chàng nhà giàu và cơn dông

☐ Trong lúc ai nấy đều khẩn trương lo việc thì anh chàng nhà giàu chỉ biết chấp tay khẩn vái cầu xin thần linh đến cứu mình và hứa sẽ dâng lễ vật rất hậu.

☐ Khi cơn dông tan, mọi người khuyên anh ta : Đừng trông chờ vào những điều viễn vông. Phải lo tự cứu mình trước khi đợi thần đến cứu.

☐ Có một anh chàng nhà giàu đi thuyền qua một con sông rộng cùng với nhiều người.

☐ Ra giữa sông, bỗng một cơn dông ập đến. Thuyền trông chừng sắp bị lật. Mọi người trên thuyền cuống quýt lo hạ buồm, ra sức chèo chống đưa con thuyền vào bờ an toàn.

(Theo Ngụ ngôn thế giới chọn lọc)

Câu 5. Hãy đóng vai một người cùng có mặt trên tàu để kể lại câu chuyện *Anh chàng nhà giàu và cơn dông*.



Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Chiếc thuyền vàng

Trong giấc mơ, tôi thấy mình được làm chủ một chiếc thuyền vàng. Đó là chiếc thuyền đẹp hơn tất thảy những chiếc thuyền tôi nhìn thấy trên thế gian này. Toàn thân thuyền được dát bằng những tấm vàng mỏng. Khi nắng lên, ánh sáng mặt trời chiếu rọi làm cho màu vàng rực sáng. Mũi thuyền là đầu một con

rồng đang tròn xoe đôi mắt bằng hai viên ngọc lớn, sáng rực. Trong đêm hội hoa đăng, chiếc thuyền vàng của tôi bơi giữa những chiếc hoa đăng hình bông sen, ở giữa mỗi đoá sen là một ngọn nến hồng sáng lung linh. Thuyền vàng của tôi cũng thả ngàn ngàn hoa đăng xuống dòng sông Hương để chúc lành cho tất cả những đứa trẻ như tôi. Và tôi đã lấy những mảnh vàng dán trên con thuyền đẹp đẻ của mình tặng cho những người dân nghèo quê tôi cả đời cứ sống theo những con đò. Họ sẽ thôi lênh đênh trên sông nước.

(Theo Khuê Việt Trường)

- Bạn nhỏ trong đoạn văn mơ thấy gì ?
- Giấc mơ của bạn có gì đẹp ?
- Nêu suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc đoạn văn trên.

Câu 2. Tìm lời giải nghĩa cho từ *nhỏ nhắn*. Khoanh tròn vào chữ cái trước lời giải nghĩa đúng.

- nhỏ bé, gợi vẻ yếu ớt
- nhỏ bé, không đáng để chú ý tới
- nhỏ và trông cân đối, dễ thương
- nhỏ và trông đáng thương

Câu 3. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ thích hợp ở cột B và C để tạo thành 3 câu kể theo mẫu *Ai làm gì ?*

A	B	C
Ông ngoại em	bay lượn	ngoài sân trường.
Đàn chim	trống	trên bầu trời xanh.
Bọn trẻ con	chơi bi	nhiều cây ăn quả.

Câu 4. Mỗi đoạn mở bài sau đây được viết theo cách mở bài nào và viết cho bài văn kể câu chuyện gì ?

a) Người xưa đã khuyên nhủ chúng ta phải biết "thương người như thể thương thân". Có biết bao câu chuyện nói về lối sống nhân ái, nghĩa tình để mọi người học tập, noi theo. Truyền "Hai anh em" trong sách Tiếng Việt 2, tập một là bài học quý về sự hoà thuận, lòng thương yêu, đùm bọc của anh em một nhà. Sau đây, tôi xin kể lại câu chuyện này để các bạn cùng nghe.

b) Truyện "Hai anh em" của La-mác-tin (trong sách *Tiếng Việt 2, tập một*) là một câu chuyện rất cảm động về tình anh em.

Câu 5. Em hãy viết đoạn văn nêu suy nghĩ của một loài cây còn sống sót trong một cánh rừng bị chặt phá tan hoang.



Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Cuối đông, lá bàng giống như những tấm thiệp màu đỏ báo tin mùa đông đang tàn và mùa xuân sắp đến. Vậy màu xanh của lá biến đi đâu nhỉ ? Có phải suốt mùa hè, những tán bàng chăm chỉ che mát cho đường phố, chịu cái nắng gắt như lửa nên đến mùa đông, nắng đọng lại thành màu đỏ trên lá ? Còn màu xanh của lá thì bay lên trời ? Rồi mùa xuân đến, màu xanh ấy biến thành những hạt mưa li ti bay về trái đất, đậu xuống những cành bàng khẳng khiu và lớn dần lên thành những búp bàng ? Đầu tiên búp cũng có màu đỏ. Không phải màu đỏ chói mà tím hồng, rồi theo độ lớn, biến thành xanh non. Khi những trận mưa xuân đã hết, cây bàng lại xanh rờn màu xanh của lá mùa hè.

(Theo Băng Sơn)

a) Đoạn văn trên tả gì ? Tác giả đã miêu tả theo trình tự nào ?

b) Cách tả của tác giả có gì độc đáo ?

c) Nêu cảm nghĩ của em khi đọc đoạn văn.

Câu 2. Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ *sùng sốt* ?

a) hoảng hốt

b) ngạc nhiên

c) lo lắng

Câu 3. Điền dấu ngoặc kép vào chỗ thích hợp trong đoạn văn sau :

a) Hát ru là bài hát đầu tiên cho một con người mới cất tiếng khóc chào đời. Bài hát đó được cất lên từ nỗi sung sướng hay cơ cực, hân hoan hay buồn tủi của người mẹ : Đó nghèo đây cũng phận nghèo / Đôi ta như bọt với bèo thương nhau...

(Theo Lê Giang)

b) Dễ thương làm sao giọng ru em lành lốt chớ không ngân dài của miền Nam, những sông dài cá lội..., đĩa muối chấm gừng... vút lên đưa trẻ thơ vào giấc ngủ, đưa con người vào niềm vui...

(Theo Nguyễn Thi)

Câu 4. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi :

Lạc đà

Lần đầu tiên tôi được biết mặt lạc đà không phải ở sa mạc quê hương của lạc đà mà ở trong vườn Giỗ – vườn Bách thú ở Mát-xcơ-va.

Lạc đà đứng cao hơn tôi hẳn hai đầu một vó, trông hiền từ mà lại hiền ngang. Nó có bộ lông màu cát, trắng nhạt, nom oách như áo giáp của tay hiệp sĩ thời xưa. Hai cái vấu trên lưng lạc đà như hai chiếc thùng úp.

Khi lạc đà nhểch mép, trông nó như đang cười, lại như đang nhai gì đó trong miệng. Nó có một cái biu dự trữ cỏ nhai lại giống như trâu. Lúc nào thông thả, nó sẽ ựa cỏ ra "nhai trấu". Lạc đà có thể công những bó củi chất cao gấp ba gấp bốn thân mình. Nặng thế mà lạc đà vẫn lững lững đi, thông thả, bình thường, không một chút mệt nhọc. Lạc đà có tài nhịn nước suốt ngày mà chân vẫn dẻo dai bước đều, lưng vác hàng nặng, khoan thai như lúc mới ra đi.

Ồi ! Tôi thật sung sướng khi được làm quen với lạc đà – anh bạn hiền lành mà kiên cường biết bao !

(Theo Tô Hoài)

a) Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn trên.

b) Phần thân bài có mấy đoạn ? Ý chính của mỗi đoạn là gì ?

Câu 5. Viết đoạn văn ngắn giới thiệu tờ báo hoặc cuốn sách em yêu thích.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Cây nhãn

Nhà tôi có một cây nhãn tơ. Thân nó mập, chắc lẳn. Tán nó xum xuê tròn. Vào cuối mùa xuân, nhìn cây nhãn thật thích. Bắt đầu thì hàng trăm hàng trăm nhánh non màu nâu sẫm đua nhau ngoi lên vượt các lớp lá xanh um. Rồi những chùm hoa nhãn nở lấm tấm. Những đàn ong bắt đầu kéo đến làm bác nhện búng tỉnh sau một giấc ngủ triền miên. Anh chị chim sâu cò ổ con mới nở, tíu tít bay gần cây cau, cây nhãn như đua thoi. Nắng sớm chuyển từ màu vàng sáng sang hồng đào. Tiếng ve sầu đột ngột vang lạnh lớt... Mùa hè đến !

Thoát cái, những chùm nhãn mới đậu đã nhú đều như hạt gạo, hàng nghìn hàng nghìn quả. Như một bà mẹ thương con, cây nhãn dồn tất cả sữa ngọt sữa ngon của mình lên các chùm quả. Thế là quả lớn như thối. Bằng hạt ngô. Rồi bằng hòn bi. Tròn. Và đều, chắc.

Những quả nhãn no đầy sữa mẹ ngày lại ngày dầm mưa hè, phơi nắng hè đã chín ngọt lự. Cây nhãn đang đợi tay người hái.

(Theo Vũ Tú Nam)

- a) Tác giả miêu tả cây nhãn theo trình tự nào ?
- b) Cây nhãn đẹp như thế nào qua lời văn của tác giả ?
- c) Em thích những câu văn nào trong bài văn ? Vì sao ?

Câu 2. Mỗi câu tục ngữ sau khuyên chúng ta điều gì ? Nêu tình huống sử dụng mỗi câu.

- a) Có công mài sắt, có ngày nên kim.
- b) Còn nước còn tát.
- c) Chân cứng đá mềm.
- d) Cây cứng không sợ gió lay.

Câu 3. Dòng nào dưới đây nêu đúng tác dụng của dấu hai chấm (:) trong câu "Na tròn mắt kinh ngạc : không biết Lựa học lúc nào mà đã viết được những dòng chữ ngay hàng thẳng lối..." ?

- a) Dấu hai chấm để dẫn lời nói trực tiếp.
- b) Dấu hai chấm báo hiệu những từ ngữ sau đó là lời giải thích.
- c) Dấu hai chấm báo hiệu những từ ngữ sau đó liệt kê sự vật, sự việc...

Câu 4. Mỗi đoạn kết bài dưới đây được viết theo cách kết bài nào ? Hãy nêu yêu cầu của đề bài.

a) Đứng giữa vườn cây ông trồng thuở nào, những kỉ niệm về ông lại dâng tràn trong lòng tôi...

b) Thời gian lặng lẽ trôi. Cây trong vườn bốn mùa lặng lẽ đơm hoa kết trái. Bọn trẻ chúng tôi cứ hồn nhiên thưởng thức hoa thơm trái ngọt từ vườn cây nhà nội. Để rồi một hôm nào đó như hôm nay đây, tôi ghen ngào tưởng nhớ người đã nhọc nhằn trồng cây cho chúng tôi náo nức hái quả. Người đó là ông nội yêu quý của chúng tôi.

Câu 5. Chọn một trong hai cách kết bài trên, em hãy viết đoạn mở bài và thân bài cho phù hợp.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Tiếng đồng quê

Về mùa xuân, khi cây gạo ngoài cổng chùa, lối vào chợ quê, bắt đầu bật ra những chiếc hoa đỏ hồng, làm sáng bừng lên một góc trời quê, tiếng đàn sáo về ríu ran như một cái chợ vừa mở, như một lớp học vừa tan, như một buổi đàn ca liên hoan sắp bắt đầu...

Ngoài đê, ven ruộng ngô cánh bãi, lại có tiếng chim khác. Nó khoan thai diu dặt, như ngón tay thông thả búng vào dây đàn thập lục, nảy ra tiếng đồng.

tiếng thép, lúc đầu vang to, sau nhỏ dần, rồi tắt lịm. Đó là con chim vít vịt. Nó cứ vang lên như tha thiết gọi một người nào, như mách một điều gì giữa bầu trời trong sáng vừa được rửa sạch sáng nay.

Khác thế, bắt đầu nằng lên, tiếng con chim này mới khác khoải làm sao. Nó thồn thức, da diết. Đó là con chim tu hú. Nó kêu cho nằng về, cho rặng vài ven sông chín đỏ, cho cái chua bay đi, cái vị ngọt còn lại... Nó khát thêm gì nhỉ mà năm nào nó cũng gọi xa gọi gần như thế ?

Con chào mào lịch tích, chí choé. Con sơn ca vút lên lảnh lót như có một sợi tơ nối giữa bầu trời và mặt đất, đó là tiếng hót không thể có gì so sánh. Còn cánh cò thì hoạ hoãn mới cất lên một tiếng thò dài vang tít vào vô tận thăm sâu, mà đôi cánh trắng chớp mãi không đuổi kịp...

Đồng quê êm ả. Đồng quê yêu thương. Có bao nhiêu là tiếng nói, tiếng gọi ta về sống lại một thời thơ ấu êm đềm, dù cho ta đang ở một phương trời nào xa lắc.

(Theo Băng Sơn)

- Vì sao bài văn có tên bài là "*Tiếng đồng quê*" ?
- Trong bài có những hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá nào ? Em thích hình ảnh nào nhất ? Vì sao ?
- Tình cảm của tác giả đối với quê hương được bộc lộ như thế nào ?

Câu 2. Từ ngữ nào trong bảng dưới đây xếp không cùng nhóm ?

a)	b)
Từ ngữ tả vẻ đẹp bên ngoài của con người	Từ ngữ tả vẻ đẹp trong tâm hồn, tính cách của con người
đẹp, xinh, tươi, xinh đẹp, xinh xắn, xinh tươi, khôi ngô, rạng rỡ, tươi tắn, thủy mị, khôi khinh, cân đối, dịu dàng, duyên dáng, vui tính, rục rịch	nết na, hiền dịu, bộc trực, ngoan ngoãn, tráng kiện, mảnh mai, quả cảm, tươi giòn, cần cù, sáng láng, thông minh, đôn hậu, chăm ngoan, kiên trì

Câu 3. Mỗi câu sau khuyên ta điều gì ?

- Ăn có thời, chơi có giờ.
- Ăn tùy nơi, chơi tùy chốn.
- Chọn bạn mà chơi, chọn nơi mà ở.

Câu 4. Ghi lại dàn ý của bài văn sau :

Đàn chim gáy

Ông tôi bảo : "Tháng năm chim gáy đi ăn đôi, tháng mười chim gáy về theo đàn". Thảo nào, bây giờ đang là mùa gặt tháng mười, hàng đàn chim gáy cắn đuôi nhau, lượn vòng rồi sà xuống ruộng gặt.

Đó là những con chim gáy hiền lành, béo nục. Đôi mắt nâu trầm ngăm ngà ngác nhìn xa. Cái bụng mịn mượt, cổ quàng chiếc "tạp dề" công nhân đầy hạt cuồn lấp lánh biêng biếc. Chàng chim gáy nào giọng gáy càng trong càng dài, mỗi mùa càng được vinh dự đeo thêm vòng cuồn đẹp quanh cổ.

Khi ngoài đồng đã đông người gặt thì chim gáy về, bay vẩn quanh trên các ngọn tre, rồi từng đàn sà xuống những thửa ruộng vừa gặt quang. Con mái xuống trước, cái đuôi lái lượn xoè như múa. Con đực còn nán lại trong bờ tre, cất tiếng gáy thêm một thôi dài. Xong rồi anh chàng mới thùng thình bước ra, uốn cái ngực đầy cuồn biếc lượn nhẹ theo.

Chim gáy nhặt thóc rụng. Chim gáy tha thẩn, cặm cùi sau người đi mót lúa.

Tôi rất thích chim gáy. Con chim gáy phúc hậu và chăm chỉ, con chim gáy mơ màng, con chim no ấm của mùa gặt hái tháng mười.

(Theo Tô Hoài)

Câu 5. Em hãy nhớ lại buổi lễ khai giảng đầu năm học và ghi lại vắn tắt diễn biến của buổi lễ đó.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Áo tơi lá

Tôi nhớ chiếc áo tơi lá ngày xưa của mẹ tôi.

Đó là chiếc áo được làm bằng lá cọ. Lá cọ non khâu chổng chổng lớp lớp lên nhau dày hàng đốt tay, đuôi lá tua tủa như bộ lông chim khổng lồ. Khoác áo lên người, giống hệt một con chim lớn. Chiều mưa sa trắng đồng, trên bờ cỏ, một

con cò lửa lông nâu vàng đúng rứt cổ tránh mưa. Và mẹ tôi cũng đúng đó, áo tôi lá trên người. Ngày mưa khoác áo tôi lá ra đồng đã dành. Nhưng ngày gió Lào nắng gắt, cũng khoác áo tôi lá. Áo như tấm lá chắn ngọn gió Lào bỏng rẫy luồn vào da thịt, che cái nắng gắt gao trên tấm lưng mẹ tôi cúi lom khom cấy hái.

Chiếc áo tôi lá treo đầu hiên nhà nông, thân thiết bao đời. Nắng mưa dầu dãi, lá mòn trơ, rạn rách, trông thương lắm, như biểu tượng đời nhà nông. Nếu tôi biết vẽ, tôi sẽ vẽ hình ảnh mẹ tôi mặc áo tôi lá mòn cũ đứng bên con cò lửa giữa chiều mưa sa.

Cho đến nay, chiếc áo tôi lá đã đi vào dĩ vãng. Nhưng với tôi, dù bây giờ có bao nhiêu chiếc áo đẹp, thì mãi mãi hình ảnh chiếc áo tôi lá, cứ nhìn thấy là lòng xao động. Áo tôi lá như có tâm hồn vậy.

(Theo Nguyễn Phan Hách)

- a) Chiếc áo tôi lá có ý nghĩa như thế nào với nhà nông ?
- b) Vì sao hình ảnh người mẹ mặc áo tôi lá gợi liên tưởng tới hình ảnh con cò lửa giữa chiều mưa sa ?
- c) Em thích nhất hình ảnh nào trong đoạn văn ? Vì sao ?

Câu 2. Mỗi thành ngữ, tục ngữ dưới đây nói điều gì ?

- a) Một người lo bằng kho người làm.
- b) Tài đức vẹn toàn.
- c) Tài cao chí lớn.

Câu 3. Đặt câu hỏi để :

- a) Tỏ thái độ khâm phục một bạn học sinh nghèo vượt khó.
- b) Bày tỏ mong muốn có một món quà mình yêu thích trong ngày sinh nhật.
- c) Thể hiện sự khẳng định một nhiệm vụ nào đó học sinh nên làm.

Câu 4. Dưới đây là các đoạn văn trích trong *Tuyển tập văn học thiếu nhi* của nhà văn Tô Hoài. Em hãy cho biết mỗi đoạn văn miêu tả gì ? Em học tập được gì về cách dùng từ, viết câu của nhà văn ?

a) Trời đã bắt đầu mưa. Những hạt nước nặng rơi lộp độp trên mái nhà, trên lá mướp, trên lá chuối. Nó kêu lũng tùng như người ta đánh trống. Mưa càng

ngày càng mạnh, càng nhiều. Nó rào rào như có người đổ nước ở trên trời xuống.

b) Buổi sớm rất mát. Gió thoảng trên cánh đồng lúa rập rờn. Trời xanh trong vắt. Thỉnh thoảng một làn mây trắng trôi qua rất nhanh. Ở đằng chân trời, mấy trái đồi tròn và to nổi lên lưng lũng.

c) Con thuyền lại theo sông xuôi qua những vườn trầu không, lá chín vàng mượt, những rừng bưởi gấc quả chín đỏ, lẫn vườn ổi chín vàng. Từng đàn chim tăng ló bay về những khu vườn thơm lừng mùi ổi chín.

Câu 5. Viết đoạn văn nói về cô em gái của nhân vật "tôi" trong bài thơ sau :

Tôi yêu em tôi

1/ Tôi yêu em tôi
Nó cười rúc rích
Mỗi khi tôi đùa
Nó vui, nó thích

4/ Tôi đi đâu lâu
Nó mong, nó nhắc
Nó nấp sau cây
Oà ra ôm chặt.

7/ Tôi quàng khăn vào
Đến trường học Đội
Nó cứ năn nỉ
"Quàng cho em với !"

2/ Mắt nó đen ngời
Trong veo như nước
Miệng nó tươi hồng
Nói như khướu hót.

5/ Nó thích vẽ lắm
Vẽ thỏ có đôi
Nó sợ thỏ một
Không có bạn chơi.

8/ Có phim, có xiếc
Đắt nó đi xem
Có quà, có bánh
Tôi nhường cho em...

3/ Hoa lan, hoa lí
Nó nhặt cài đầu
Hương thơm theo nó
Sân trước vườn sau.

6/ Nó thích tự giặt
Khăn mặt, mùi soa
Nó thích gấp giúp
Áo mẹ, áo cha...

9/ Kìa, tiếng nó đấy !
Đang ở trường về
Cùng bạn bắt bướm
Cười dưới hàng tre...

(Phạm Hồ)



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Đàn tơ-rưng

Ở Tây Nguyên không lúc nào vắng tiếng đàn tơ-rưng. Chính tiếng đàn rộn rã suốt ngày đêm trên buôn làng, ngoài nương rẫy đã biến Tây Nguyên thành "rừng đàn, suối nhạc".

Đàn tơ-rưng gồm các ống tre hoặc nứa, buộc song song, một đầu kín, đầu kia vát một đoạn. Người chơi đàn dùng hai dùi bằng tre hoặc gỗ gõ vào các ống, làm vang lên những cung bậc âm thanh khi khoan thai, êm ả, khi giục giã, tung bùng, khi trầm hùng như tiếng thác đổ, khi thánh thót, róc rách như suối reo.

Nhà nào cũng có thể tự làm lấy đàn tơ-rưng. Dưới mỗi gắm chòi cao lêu nghêu sát bên chân rẫy ở mỗi góc rừng đều có một chiếc đàn tơ-rưng buộc ở chân cột, cong cong như chiếc võng đưa em. Vào mùa lúa chín, trai làng thay phiên nhau ra chòi canh. Chốc chốc họ lại gõ trên chiếc đàn tơ-rưng, dạo một bản nhạc đánh tiếng đuổi chim muông và thú rừng mon men đến phá rẫy. Người đi rừng qua đây cũng gõ cho chiếc đàn vang lên để họ thêm vững bước vượt qua quãng đường rừng vắng vẻ, u tịch.

(Theo Ay Dun và Lê Tấn)

- a) Đàn tơ-rưng thân thuộc với người Tây Nguyên như thế nào ?
- b) Hình dáng và tiếng đàn tơ-rưng có gì đặc biệt ?
- c) Nêu suy nghĩ của em khi đọc bài văn về đàn tơ-rưng.

Câu 2. Những sự vật nào trong bài thơ dưới đây được nhân hoá ? Chúng được nhân hoá bằng những cách nào ?

Cua Con hỏi mẹ

Đôi mắt lim dim

Dưới ánh trăng đêm :

Mẹ Cua liền đáp :

– Cô Lúa đang hát

– Chú Gió đi xa

Sao bỗng lặng im ?

Lúa buồn không hát.

(Phạm Hồ)

Câu 3. Các câu hỏi trong đoạn văn sau có gì khác nhau ?

Trước mắt tôi là chiếc thuyền rồng đậu sát mép nước. Tôi chạy gần chiếc thuyền rục rồ ấy để nhìn, thậm chí tôi muốn đưa bàn tay nhỏ bé của mình để chạm vào những chiếc vảy rồng óng ánh màu vàng kia. Không hiểu đó là vàng thật hay chỉ là mạ vàng nhỉ ?⁽¹⁾ Chẳng hiểu chiếc thuyền vàng này từ đâu tới ?⁽²⁾ Tôi chưa kịp chạm tay vào những chiếc vảy rồng vàng thì đã nghe một tiếng quát :

– Chú mày định làm gì vậy ?⁽³⁾

Tôi giật bắn người, nhìn lên : một thanh niên vạm vỡ. Tôi đáp ứng :

– Dạ... không ạ ! Những chiếc vảy rồng kia có phải là vàng không hả anh ?⁽⁴⁾

Anh thanh niên phì cười :

– Ngốc ạ ! Vàng đâu mà đem dát lên thuyền như vậy ?⁽⁵⁾

(Theo Khuê Việt Trường)

Câu 4. Dựa vào bài thơ sau, hãy lập chương trình hoạt động của cây cò, muông thú trong rừng chuẩn bị cho ngày hội rừng xanh.

Ngày hội rừng xanh

Chim gõ kiến nổi mõ
Gà rừng gọi vòng quanh
Sáng rồi, đừng ngủ nữa
Nào, đi hội rừng xanh !

Tre, trúc thổi nhạc sáo
Khe suối gảy nhạc đàn
Cây rủ nhau thay áo
Khoác bao màu tươi non.

Công dẫn đầu đội múa
Khướu lĩnh xướng dân ca
Kì không diễn ảo thuật
Thay đổi hoài màu da.

Nấm mang ô đi hội
Tỏi suối, nhìn mê say
Ơ kia, anh cọn nước
Đang chơi trò đu quay.

(Vương Trọng)

Câu 5. Viết bài văn tả cảnh một ngày hội mà em biết.



Câu 1. Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi.

Bố tôi

Tôi đi học dưới đồng bằng. Còn bố tôi, từ nơi núi đồi hiểm trở, ông luôn dõi theo tôi.

Bao giờ cũng vậy, ông mặc chiếc áo kẻ ô phẳng phiu nhất, xuống núi vào cuối mỗi tuần. Ông rẽ vào bưu điện để nhận những lá thư tôi gửi. Lặng lẽ, ông vụng về mở nó ra. Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông. Rồi lặng lẽ như lúc mở ra, ông xếp nó lại, nhét vào bao thư. Ông ngồi trầm ngâm một lúc, khẽ mỉm cười rồi đi về núi.

Về đến nhà, ông nói với mẹ tôi : "Con mình vừa gửi thư về.". Ông trao thư cho bà. Bà lại cẩn thận mở nó ra, khen : "Con mình viết chữ đẹp quá ! Những chữ tròn, thật tròn, những cái móc thật bén. Chỉ tiếc rằng không biết nó viết gì. Sao ông không nhờ ai đó ở bưu điện đọc giùm ?". Ông nói : "Nó là con tôi, nó viết gì tôi đều biết cả.". Rồi ông lấy lại thư, xếp vào trong tủ cùng với những lá thư trước, những lá thư được bóc ra nhìn ngẫm, chạm mặt rồi cất vào, không thiếu một lá, ngay cả những lá đầu tiên nét chữ còn non nớt...

Hôm nay là ngày đầu tiên tôi bước chân vào trường đại học. Một ngày khai trường đầu tiên không có bố. Bố tôi đã mất. Nhưng tôi biết bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi, suốt cả hành trình cuộc đời.

(Theo Nguyễn Ngọc Thuần)

- a) Những lá thư của con được người cha đọc như thế nào ?
- b) Cử chỉ, thái độ của người cha đối với những lá thư của đứa con ra sao ?
- c) Tình cảm của đứa con đối với cha được biểu lộ như thế nào ?

Câu 2. Phân loại các từ phức (được in đậm) trong câu văn dưới đây ra thành từ ghép và từ láy.

Hương vị buổi sáng giữa *núi rừng* thật *trong trẻo*, *ngọt êm* như *mật ong* đầu mùa, *tham tho* như cảnh mặt chín, lạnh như nước suối đầu xuân.

(Nguyễn Bình)

Câu 3. Nêu tác dụng của dấu hai chấm được sử dụng trong mỗi câu sau :

- a) Cảnh vật xung quanh tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học.
- b) Bố dặn bé Lan : "Con phải học xong mới được đi chơi đấy !".
- c) Trên bàn bày đủ thứ : sách, vở, bút, thước, giấy màu,....

Câu 4. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Thân tre đặng ngà có màu vàng óng, màu vàng của hoa cúc, của con chim hoàng yến, của bông hoa mướp. Khi chiếc mo nang rời ra cho thấy măng mọc thành tre, nó đã có màu vàng như được nhuộm từ trong lòng đất, từ trong lòng mẹ tre đã vươn cao. Nhiều đống tre còn có một vài dọc xanh to nhỏ, như còn luyến tiếc màu xanh của họ nhờ tre thường vốn có mặt với mọi người, trong mọi nhà.

(Bằng Sơn)

- a) Đoạn văn trên tập trung tả bộ phận nào của cây ? Bộ phận đó có đặc điểm gì nổi bật ?
- b) Em học tập được gì về cách miêu tả cây cối qua đoạn văn ?

Câu 5. Hãy kể về một giấc mơ của em.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Ai mà chẳng biết cây cau. Thân cây cứ thẳng vút lên, chia thành từng đòng ngắn. Ngọn cau xoè ra như chiếc ô để ngược, còn nõn cau như mũi kiếm đâm vút lên trời.

Hình ảnh những làng xa xanh ngắt màu tre, cao vút là những ngọn cau thưa thớt, rất quen thuộc với mọi người, nhất là những ai từng có một vùng quê để thương, để nhớ.

Thình thoảng về thăm quê, sau khi ngắm những ngọn cau từ xa ấy, ta sẽ được uống một ngụm nước mưa trong vắt, mát lạnh, đựng trong chum sành đặt

ở gốc cau. Nước mưa từ ngọn cau chảy xuống, qua một túm lá cau làm máng, chảy vào chum. Cây cau hứng nước của vòm trời. Nước mưa như còn đọng cả tiếng sấm, tiếng gió và tia chớp, đọng cả bóng mây làm ta sung sướng được trở về thăm lại ngôi nhà xưa có hương cau cứ thoang thoang trong ánh trắng bằng bạc. Và trong bát nước mưa có cả bóng mẹ ta hằng ngày in hình vào chum nước mưa ấy...

(Theo Bằng Sơn)

- a) Tìm những hình ảnh của quê hương được nhắc đến trong bài văn.
- b) Tình yêu quê hương của tác giả được bộc lộ như thế nào ?
- c) Đặt tên cho bài văn.

Câu 2. Điền từ *đã, sẽ hay đang* vào mỗi chỗ trống trong truyện sau :

Khách đi đường và cây ngô đồng

Một đoàn khách đi giữa trưa hè nóng bức. Bỗng họ nhìn thấy cây ngô đồng bèn kéo đến nằm nghỉ dưới bóng mát của nó. Một hồi lâu, thấy khoẻ lại, họ ngược nhìn lên cây và kháo nhau :

– Loài cây này chẳng có trái nên chẳng có ích lợi gì !

Cây ngô đồng đáp lời họ :

– Các người thật vô ơn ! Chính các người còn nương nhờ bóng mát của ta mà lại bảo ta chẳng có ích gì ! Những kẻ vô ơn chẳng bao giờ gặp điều tốt đẹp cả.

(Theo Truyện ngụ ngôn thế giới)

Câu 3. Em hãy nêu tác dụng của dấu ngoặc kép được sử dụng trong các đoạn văn sau :

a) Đọc liền một mạch tập thơ "Nhà thơ và hoa cỏ" của Trần Nhuận Minh (Nhà xuất bản Đồng Nai), tôi dừng lại rất lâu ở bài thơ "Dặn con" rồi tự hỏi : Bài thơ giản dị ấy có gì khiến người ta xúc động và nghĩ suy nhiều đến thế ?

(Nguyễn Nguyên Tản)

b) Dễ thương làm sao giọng đưa em lảnh lót chớ không ngân dài của miền Nam, những "sông dài cá lội...", "đĩa muối chấm gừng..." vút lên đưa trẻ thơ vào giấc ngủ, đưa con người vào niềm vui...

(Theo Nguyễn Thi)

Câu 4. Đọc đoạn truyện sau và trả lời câu hỏi.

"À... ời..."

Con cò mày đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao..."

Tôi co đôi chân như hai ống sậy vào lòng bà tôi. Bà ôm lấy tôi, vỗ nhẹ vào lưng tôi, rồi bà khẽ vuốt má tôi bằng đôi bàn tay khô cứng, sạm đen. Bà vừa ru vừa cúi xuống nhìn tôi âu yếm. Vài sợi tóc bạc lưa thưa dưới vành khăn cũ bay bay theo gió từ chiếc quạt nan bà quạt cho tôi. Mắt tôi đã riu lại. Tôi chìm dần vào giấc ngủ có cánh cò trắng lặn lội bờ sông trong ráng chiều đỏ sẫm. Lời ru như lan dần vào trời đêm sâu thẳm...

(Theo Nguyễn Thanh Giang)

a) Tìm và ghi lại những từ ngữ tả ngoại ngoại hình người bà.

b) Những nét ngoại hình ấy nói lên điều gì về người bà của nhân vật "tôi" ?

Câu 5. Em hãy viết đoạn văn kể về bà của mình.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Hát ru

Hát ru là bài hát đầu tiên dành cho một con người mới cất tiếng khóc chào đời. Điều ru vỗ về ấy hoà tan trong sữa mẹ để nuôi con lớn lên từng ngày.

Trên đất nước chúng ta, tiếng ru vẫn thánh thót trong phum sóc, bản làng, vẫn mủn mủn trong xóm vườn sấm uất hay ở một làng chài ven sông. Có thể trẻ thơ những nơi ấy thiếu thốn mọi bề, nhưng tiếng hát ru thì không thiếu.

Chẳng mấy ai nghĩ rằng mình nên người là nhờ tiếng ru. Và, cũng chẳng mấy ai nhớ câu ru nào mẹ đã ru mình. Nhưng tiếng "ầu ời..." bên nhà lảng giăng

khiến ai cũng mang máng nhớ một tình quê nơi chôn nhau cắt rốn cùng lời ru dịu dàng của mẹ tràn ngập mái ấm thuở ấu thơ.

(Theo Lê Giang)

- a) Vì sao tác giả nói “Điều ru vỗ về ấy hoà tan trong sữa mẹ để nuôi con lớn lên từng ngày” ?
- b) Tác giả khẳng định lời ru có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người ?
- c) Nêu cảm nghĩ của em về lời ru của mẹ.

Câu 2. Cách so sánh trong câu văn dưới đây có gì độc đáo ? Nêu tác dụng của biện pháp so sánh trong việc diễn tả giọng hát dân ca.

Một giọng hát dân ca ngân nga bát ngát như cánh cò trên đồng lúa miền Nam chạy tới chân trời, có lúc rụt rè, e thẹn như khoé mắt người yêu mới gặp, có lúc tinh nghịch, duyên dáng như những đôi chân nhỏ thoăn thoắt gánh lúa chạy trên những con đường làng trồn lẩn bóng tre và bóng nắng.

(Theo Nguyễn Trung Thành)

Câu 3. Hãy xác định bộ phận *chủ ngữ* của các câu sau và nêu tác dụng của dấu phẩy trong mỗi câu.

- a) Chôm chôm, xoài tượng, xoài cát mọc chen nhau.
- b) Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù.
- c) Hoa lá, quả chín, những vật nắm ẩm ướt và con suối chảy thẳm dưới chân đua nhau toả mùi thơm.

Câu 4. Em hãy ghi lại cốt truyện của câu chuyện sau đây :

Cáo và Sơn Dương

Cáo lỡ chân rơi xuống giếng, tìm mọi cách mà không lên được. Sơn Dương đến giếng uống nước, thấy Cáo ngồi dưới đó, bèn hỏi :

– Ngài Cáo, nước giếng có mát, có ngon không ?

Cáo ranh mãnh đáp :

– Nước giếng vừa trong lại vừa mát. Ta thích quá nên xuống tận đây uống cho đã. Nếu thích, chú xuống đây tha hồ uống.

Đang khát, chẳng cần nghĩ ngợi, Sơn Dương nhảy tòm xuống. Khi đã uống no nước, Sơn Dương mới biết không thể lên khỏi đây. Cuống lên, Sơn Dương hỏi Cáo có cách nào thoát lên được không. Cáo nói :

– Chú phải nghe anh mới lên được. Anh lên trước rồi sẽ kéo chú lên.

Cáo bắt Sơn Dương đứng thật vững để nó trèo lên. Chân đạp vào súng Sơn Dương, Cáo leo lên khỏi giếng, chuẩn thẳng.

– Anh vẫn chưa kéo tôi lên cơ mà ? Chớ quên là tôi đã giúp anh lên đấy ! – Sơn Dương hỏi vọng lên.

– Ta chẳng hơi đâu mà kéo anh lên. – Cáo ranh ma lập tức trở mặt.

Sơn Dương đành chịu, hối hận thì đã muộn.

(Truyện ngụ ngôn)

Câu 5. Sau đây là một đoạn của truyện *Đàn kiến con*, hãy hình dung ra các sự việc và kể tiếp câu chuyện. Nêu ý nghĩa của câu chuyện em kể.

Đàn kiến con

Có một bà kiến tuổi cao, sức yếu, ở một mình trong cái tổ nhỏ dưới một mô đất chật hẹp, ẩm ướt. Mấy hôm nay dỏ trời, bề đầu ốm cứ rên hừ hừ. Đàn kiến con đi tha mồi, qua nhà bà kiến, nghe tiếng bà rên...



Câu 1. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi.

Vàm Cỏ Đông

(Trích)

Đây con sông xuôi dòng nước chảy
Bốn mùa soi từng mảng mây trời
Từng ngọn dừa gió đưa phe phẩy
Bóng lồng trên sông nước chơi vơi...

Đây con sông như dòng sữa mẹ
Nước về xanh ruộng lúa, vườn cây
Và ấm áp như lòng người mẹ
Chở tình thương trang trải đêm ngày.

(Hoài Vũ)

- a) Hãy tả lại vẻ đẹp của con sông trong khổ thơ đầu.
- b) Tìm những hình ảnh so sánh có trong khổ thơ thứ hai.
- c) Cách miêu tả con sông trong khổ thơ thứ hai có gì hay ?

Câu 2. Tìm các tính từ có trong đoạn văn sau :

Trong vườn nhà tôi, cây nào cũng xum xuê tán lá, tạo thành một khung trời xanh tươi. Tôi yêu nhất là cây khế mọc cạnh ao. Cành khế sà xuống mặt nước trong vắt. Quả khế chín mọng, vàng rộm như vẫy gọi bọn trẻ chúng tôi.

(Theo Phương Trung)

Câu 3. Hãy xác định bộ phận *vị ngữ* của các câu dưới đây và nêu tác dụng của dấu phẩy trong các câu đó.

- a) Cây hồi thẳng, cao, tròn xoe.
- b) Những làn mây trắng trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn.
- c) Mây bò trên mặt đất, tràn vào nhà, quấn lấy người đi đường.

Câu 4. Ở đoạn văn sau, tác giả đã quan sát cảnh vật bằng giác quan nào ? Cảnh vật được miêu tả theo trình tự nào ?

Những buổi bình minh, mặt trời còn bên lên núp sau sườn núi, phong cảnh nhuộm những màu sắc đẹp lạ lùng. Hòn núi từ màu xám xịt đổi ra màu tím sẫm, từ màu tím sẫm đổi ra màu hồng, rồi từ màu hồng dần dần đổi ra màu vàng nhạt. Cho đến lúc mặt trời chễm chệ ngự trị trên chòm mây, ngọn núi mới trở lại màu xanh biếc thường ngày của nó.

(Thẩm Thệ Hà)

Câu 5. Dựa vào đoạn thơ dưới đây, em hãy viết bài văn miêu tả cánh diều (có mở bài theo kiểu gián tiếp và kết bài theo kiểu mở rộng).

Cánh diều no gió
Sáo nó thổi vang
Sao trời trôi qua
Diều thành trăng vàng.

Cánh diều no gió
Tiếng nó chơi vơi
Diều là hạt cau
Phơi trên nong trời.

Cánh diều no gió
Tiếng nó trong ngần
Diều hay chiếc thuyền
Trôi trên sông Ngân ?

Trời như cánh đồng
Xong mùa gặt hái
Diều em – lưỡi liềm
Ai quên bỏ lại.

(Trần Đăng Khoa)



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Quà của bà

Bà tôi bận lắm, cặm cùi công việc suốt ngày. Nhưng chả lần nào đi chợ mà bà không tạt vào thăm hai anh em tôi, cho chúng tôi khi thì tấm bánh đa, quả thị, khi thì củ sắn luộc hoặc mớ táo. Ăn quà của bà rất thích, nhưng ngồi vào lòng bà nghe bà kể chuyện còn thích hơn nhiều.

Gần đây, bà tôi không được khoẻ như xưa nữa. Đã hai năm nay, bà bị đau chân. Bà không đi chợ được, cũng không đến chơi với các cháu được. Thế nhưng lần nào chúng tôi đến thăm bà, bà cũng vẫn có quà cho chúng tôi : khi thì mấy củ dong riềng, khi thì cây mía, quả na, hoặc mấy khúc sắn dây, toàn những thứ tự tay bà trồng ra. Chiều qua, đi học về, tôi chạy đến thăm bà. Bà ngồi dậy, cười cười, rồi tay bà run run, bà mở cái tay nải của bà, đưa cho tôi một gói quà đặc biệt : ô mai sấu !

Bà ơi bà ! Ô mai sấu bà cho, cháu sẽ chia cho bố cháu, mẹ cháu và anh cháu... Cháu biết rồi, bà ơi... Cứ sáng sớm, sau mỗi đêm mưa gió, bà lại lặn ra sân, bà nhặt những quả sấu rụng ở quanh gốc cây sấu bà trồng từ thời con gái. Rồi bà rửa, bà ngâm muối, bà phơi. Bà gói thành từng gói nhỏ, bà đợi các cháu đến, bà cho...

(Theo Vũ Tú Nam)

- a) Những chi tiết nào trong câu chuyện nói lên tấm lòng của bà đối với con cháu ?
- b) Tình cảm của bạn nhỏ đối với bà như thế nào ?
- c) Tác giả muốn nói điều gì qua tên câu chuyện ?

Câu 2. Chỉ ra các từ ngữ không cùng nhóm trong mỗi dãy từ ngữ sau đây :

- a) học tập, tính toán, thông minh, suy nghĩ, ghi chép
- b) chạy nhảy, nhanh nhẹn, tập luyện, bơi lội, leo trèo
- c) vui vẻ, tươi tắn, rạng rỡ, đẹp đẽ, chờ đón

Câu 3. Tìm *trạng ngữ* của các câu sau và nêu tác dụng của dấu phẩy trong mỗi câu.

- a) Ngoài trời, mưa rào rích không ngớt.
- b) Đêm đêm, bên bếp lửa bập bùng, các cụ già kể lại cho con cháu nghe biết bao kỉ niệm vui buồn.
- c) Ở Tây Nguyên, suốt mùa phát rẫy tria lúa, cho đến khi cây lúa đơm bông, tiếng đàn tơ-rưng luôn vang lên rộn rã.

Câu 4. Trong đoạn thơ sau, những sự vật nào được miêu tả ? Mỗi sự vật có đặc điểm gì ?

Đống làng vương chút heo may
Mắm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng chim
Hạt mưa, mãi miết trốn tìm
Cây đào trước cửa lìm dim mắt cười
Quất gom từng giọt nắng rơi
Làm thành quả – trăm mặt trời vàng mơ.

(Đỗ Quang Huân)

Câu 5. Viết bài văn tả cây cối trong mùa xuân.



Câu 1. Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi.

Bèo

Mưa to, nước dâng ngập đồng, thế là ngày hội của các loài bèo bắt đầu. Bèo tấm, bèo dâu mảnh mai như cánh trấu ; bèo ong, bèo cái, bèo tây phồng phao như cô gái đang tuổi dậy thì. Tất cả, tất cả đều bùng nổ, những cánh bèo vươn dài theo sóng, bờ rẽ thoả thuê bơi trong dòng nước mênh mang.

Ngự trên tấm cao của biển nước dâng, các loài bèo bảo nhau :

– Chỉ vài hôm nữa, cả mặt đất bao la này sẽ là màu xanh sinh sôi của bèo.

Nhưng, hết mưa tuôn là nắng lửa. Đồng ruộng, ao hồ, kênh rạch đều khô cạn, các loài bèo bị tụt xuống đáy và héo khô.

(Theo Dương Văn Thoa)

- a) Các loài bèo khẳng định điều gì khi ngự trên tấm cao của biển nước dâng ?
- b) Câu chuyện kết thúc như thế nào ?
- c) Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì ?

Câu 2. Tìm trong truyện *Bèo* các từ :

- a) Đồng nghĩa với : thanh mảnh, mênh mông.
- b) Trái nghĩa với : kết thúc, tươi tốt.

Câu 3. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Tôi nằm trong vòng tay bà tôi. Bà rung tôi, nâng lên, hạ xuống, quay hết bên này sang bên kia. Cú chốc chốc bà lại cúi xuống, cọ cạp môi ram ráp cắn quết trấu lên má tôi, riu rít : Ôi ! Thằng cu của bà, thằng giống của bà, thằng chó con của bà. Âu !... Bà thương, bà quý thằng cún con của bà nha... Cú thế, bàn trường ca trong đó tôi là thằng cu, thằng giống, thằng chó con, thằng cún,... kéo dài mãi, không ngơi nghỉ, không biết mệt.

(Theo Kao Sơn)

- a) Tìm câu nói của người bà trong đoạn văn.
- b) Theo em, câu nói ấy cần được đặt trong dấu câu gì ?

Câu 4. Đọc đoạn văn sau và cho biết em học tập được gì về cách viết văn miêu tả.

Những con sơn ca bay, về trên nền mây lẩn tẩn những chấm li ti chuyển động. Chúng khép cánh lao xuống như những hòn sỏi rơi đột ngột : tời lung trời chúng bỗng xoè cánh lả lả, rồi vọt lên cao tít nom giống những mảnh chai ai ném thia lia bay lướt trên mặt hồ khổng lồ. Chỉ khác cái là mảnh chai thì im như cá nhảy, còn sơn ca mỗi lần chạm vào màu xanh da trời lại làm rung lên ngàn vạn âm thanh. Tiếng hát sơn ca đan dệt dọc ngang khắp một khoảng trời rộng lớn, nghe rộn lòng người.

(Theo Vũ Tu Nam)

Câu 5. Tả một con vật nuôi trong nhà mà em yêu thích.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Cục nước đá và dòng chảy

Mưa đá. Một cục đá to lông lốc như quả trứng rơi bộp xuống đất. Dòng nước đang rộng tay nói :

– Chào bạn ! Mời bạn nhập vào với chúng tôi !

Cục nước đá lạnh lùng đáp :

– Các anh đục ngầu, bẩn thỉu như thế, tôi hoà nhập với các anh sao được ? Trời cao kia mới là bạn của tôi !

Dòng nước cười xoà rồi ào ào chảy ra sông, ra biển. Cục nước đá trở lại một mình, lúc sau thì tan nát ướt nhoẹt ở góc sân.

(Theo Dương Văn Thoa)

- a) Lời nói của cục đá và dòng nước giúp ta hiểu điều gì về mỗi nhân vật ?
- b) Câu chuyện kết thúc thế nào ?
- c) Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì ?

Câu 2. Tìm các từ :

- a) Tả tiếng sóng. Ví dụ : ào ào
- b) Tả làn sóng nhẹ. Ví dụ : lăn tăn
- c) Tả làn sóng mạnh. Ví dụ : cuốn cuộn

Câu 3. Những câu nào sau đây là câu ghép chỉ mục đích ?

- a) – Buổi chợ nào bà Xoan cũng mua cho cháu nội mấy đồng quà.
– Mơ cố tỏ ra vui vẻ cho cha mẹ yên lòng.
- b) – Bố mẹ cố gắng làm lụng để con cái có tương lai.
– Thằng bé Sinh để quên tất cả sách vở ở nhà.

Câu 4. Đọc bài văn sau và thực hiện theo yêu cầu :

Bọ ngựa

Trên cành chanh có một ổ trứng bọ ngựa vừa nở.

Những chú bọ ngựa bé li ti như con muỗi, màu xanh cỏm, lò cái đầu tinh nghịch có đôi mắt thô lỗ lách khỏi kẻ hở trên ổ trứng, cố trườn ra, thoát được cái đầu, cái mình... rồi nhẹ nhàng tọt khỏi ổ trứng, người treo lơ lửng trên một sợi tơ rất mảnh bay bay theo chiều gió. Mỏi ra khỏi ổ trứng, các chú nằm đờ một lát, rồi ngọ nguậy, các chú càng cứng càng cựa quậy thì sợi tơ càng dài ra, từ từ thả các chú xuống phía dưới.

Chú bọ ngựa con đầu tiên "nhảy dù" trúng một quả chanh non. Chú đứng hiên ngang trên quả chanh tròn xinh, giương giương đôi tay kiếm nhỏ xíu, mình lắc lư theo kiểu võ sĩ, ngược nhìn từng loạt từng loạt đàn em mình đang "đổ bộ" xuống hết sức chính xác và mau lẹ. Chú đứng trên quả chanh, mang đầy đủ dòng máu hiệp sĩ của nòi bọ ngựa, hùng dũng như con sư tử đứng vờn quả cầu...

Đàn bọ ngựa mới nở chạy tíu tít, lập tức dàn quân ra khắp cây chanh, mỗi con một ngả bắt đầu một cuộc sống dũng cảm, tự lập.

(Vũ Tú Nam)

- a) Tìm mở bài, thân bài, kết bài của bài văn trên.
- b) Phần thân bài có mấy đoạn ? Nêu ý của mỗi đoạn.
- c) Em học tập được gì về cách miêu tả con vật qua bài văn trên ?

Câu 5. Hãy kể một câu chuyện theo trí tưởng tượng của em về loài vật.



Câu 1. Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi.

Sự bình yên

Một vị vua nọ treo giải thưởng cho họa sĩ nào vẽ được một bức tranh đẹp nhất về sự bình yên. Nhiều họa sĩ đã tham gia cuộc thi. Nhà vua ngắm tất cả các bức tranh và ông chọn ra được hai bức ưng ý hơn cả.

Một bức tranh vẽ hồ nước yên ả. Mặt hồ là tấm gương lớn có những ngọn núi cao chót vót bao quanh. Bên trên là bầu trời xanh với những đám mây trắng mịn màng. Tất cả những ai ngắm bức tranh đều cho rằng đây là một bức tranh bình yên thật hoàn hảo.

Bức tranh kia cũng có những ngọn núi, nhưng những ngọn núi này trần trụi và lởm chởm đá. Ở bên trên là bầu trời cao giằng dũ đổ mưa như trút, kèm theo sấm chớp. Đổ xuống bên vách núi là dòng thác nổi bọt trắng xóa. Bức tranh này trông thật chẳng bình yên chút nào. Nhưng khi nhà vua ngắm nhìn, ông thấy đằng sau dòng thác là một bụi cây nhỏ mọc lên từ khe nứt của một tảng đá. Trong bụi cây, một con chim mẹ đang xây tổ. Ở đó, giữa dòng thác trút xuống một cách giằng dũ, con chim mẹ đang thản nhiên đậu trên tổ của mình... Bình yên thật sự !

“Ta chấm bức tranh này !”. – Nhà vua tuyên bố.

(Theo Diễm Tuyết)

- Nêu nhận xét của em về hai bức tranh được miêu tả trong câu chuyện trên.
- Theo em, vì sao bức tranh thứ hai giành giải bức tranh đẹp nhất về sự bình yên ?
- Em hiểu thế nào là bình yên ?

Câu 2. Tìm các tính từ trong đoạn văn sau :

Gà Bọ Muồm kia chẳng phải tay vừa. Người gà xanh rục, vạm vỡ. Bắp chân, bắp cẳng bóng nhẫy, mập mạp. Lưng gà gồ lên, rắn chắc. Đôi cánh màu

lá cây làm thành chiếc áo giáp, che kín xuống tận đuôi. Đẳng đuôi mắc thêm lưỡi gươm cong hoắt. Đầu gà lớn, mụt nhọn lại, húc rất khoẻ. Hai vành râu trắng phau. Đôi mắt to hỏ như mắt cá. Hai tầng răng đen và nhọn khoằm khoằm.

(Theo Tô Hoài)

Câu 3. Chuyển đổi các vế câu của các câu sau (theo mẫu).

Mẫu : Bà con nông dân rất phấn khởi vì thời tiết năm nay thuận hoà.

→ *Thời tiết năm nay thuận hoà nên bà con nông dân rất phấn khởi.*

→ *Vì thời tiết năm nay thuận hoà nên bà con nông dân rất phấn khởi.*

→ *Vì thời tiết năm nay thuận hoà cho nên bà con nông dân rất phấn khởi.*

a) Nó bị ngã liên tục vì đường trơn.

b) Cây phát triển tốt vì được chăm bón chu đáo.

c) Chị ấy mang theo áo mưa vì trời âm u.

d) Đồng ruộng nứt nẻ vì nắng nóng kéo dài.

Câu 4. Sau đây là một đoạn văn trích trong truyện *Sao Sao* của tác giả Vũ Hùng, em hãy viết thêm đoạn mở bài và đoạn kết bài để tạo thành bài văn.

Ngay từ lúc lọt lòng, được hươu mẹ liếm khô bộ lông, Sao Sao đã sục tìm vú mẹ. Bú no, nó bỗng thấy da sần, chân cứng hằn lên. Nó nhòm dấy, ngo ngác dịu dàng. Ngó người trên những cặp chân thanh thanh, nó lướt cái mõm ẩm ướt trên lưng, nơi mọc rất nhiều những vì sao trắng.

Trong tuần đầu, Sao Sao bú suốt ngày và nhảy tung tăng bên chân mẹ. Lúc mỏi, nó nằm ngủ dưới bóng cây. Chẳng ai nhận ra Sao Sao là một chú hươu non : bộ lông vàng tươi của nó lẫn vào nền đất và những vì sao trên lưng lẫn với những đốm trắng.

Khi Sao Sao đủ sức đi theo bầy tìm ăn, hươu mẹ dẫn nó trở về với đàn. Thế là từ đây, Sao Sao được cùng gia đình đi khắp nơi : đồng rộng, suối trong, rừng vắng,...

Câu 5. Viết đoạn văn tả cảnh trời mưa.



Câu 1. Đọc truyện sau và trả lời câu hỏi.

Hươu soi mình trong bóng nước

Bên dòng suối trong xanh, có một chú hươu đang đứng soi mình trong bóng nước. Ngắm cặp sừng, chú tự hào : "Cặp sừng của mình mới to và đẹp làm sao ? Tùng nhánh sừng cong vút, vươn lên cao trông thật là đẹp !". Nhưng khi ngắm đến hai đôi chân, chú bỗng thấy buồn vì những chiếc chân trông gầy guộc, khẳng khiu, chẳng đẹp chút nào. Đang buồn rầu, chú bỗng giật mình khi thấy bầy chó săn xuất hiện. Chú vội co cẳng chạy. Cặp sừng to, đẹp lúc này trở nên vương vীu quá. Nó mắc lung tung vào những cành cây làm chú suýt ngã mấy lần. Cũng may nhờ hai đôi chân rắn chắc, nhanh nhẹn mà chú đã thoát khỏi bầy chó săn hung dữ.

Thoát nạn rồi, chú hươu mới tự nói : "Ồi ! Những đôi chân quý giá của ta ! Ta đã nhầm khi không thấy được giá trị thật sự của chúng."

(Theo La-phông-ten)

- a) Ban đầu, chú hươu nghĩ thế nào về cặp sừng và những đôi chân của mình ?
- b) Về sau, chú hươu đã thay đổi suy nghĩ như thế nào ?
- c) Câu chuyện khuyên ta điều gì ?

Câu 2. Tìm các từ láy trong đoạn văn sau :

Ở Gia Lai, khi mùa mưa đến, nước dâng tràn các triền suối. Dòng suối hiền lành trong mùa khô, bỗng trở thành con sông dữ tợn, cuộn cuộn nước. Mưa rào rào tạo nên bản nhạc hào hùng của núi rừng Tây Nguyên.

(Theo Đất nước ngàn năm)

Câu 3. Chuyển đổi các vế câu của các câu ghép sau (theo mẫu).

Mẫu : Ngõ sẽ lên xanh nếu được trận mưa như mấy hôm trước.

→ Nếu được trận mưa như mấy hôm trước, ngõ sẽ lên xanh.

→ Nếu được trận mưa như mấy hôm trước thì ngô sẽ lên xanh.

→ Nếu như được trận mưa như mấy hôm trước, ngô sẽ lên xanh.

a) Tôi sẽ phải thức khuya học bài nếu tôi đi xem phim.

b) Ông Ba sẽ chuyển hướng làm ăn nếu năm nay ao cá vẫn thất thu.

c) Tôi sẽ đi thăm bản Hmông trên núi, nếu trời tạnh ráo.

Câu 4. Các câu văn sau đây tả con chim hồng hạc. Hãy sắp xếp lại thứ tự các câu để tạo thành đoạn văn.

a) Từ tấm lưng dịu dàng trắng muốt, những chiếc lông dài buông rủ xuống đôi cánh phớt hồng kiêu sa.

b) Tất cả hoà với nhau tạo nên một vẻ đẹp thanh cao khiến ai nhìn thấy cũng mê đắm.

c) Hồng hạc là loài chim kiêu diễm nhất trên hành tinh của chúng ta.

d) Hồng hạc có cổ mảnh mai, mỏ đen tuyền, đôi tròng mắt tròn xoe màu vàng trong trẻo.

Câu 5. Viết bài văn kể hoặc tả về một loài chim.



Câu 1. Đọc truyện sau và trả lời câu hỏi.

Bụi

Cục đất bên lề đường hỏi đám bụi :

– Tại sao ô tô chạy ngược, các anh cuốn ngược, ô tô chạy xuôi, các anh cuốn xuôi ?

– Ai muốn thế ? – Đám bụi nói. – Nhưng không làm khác được.

– Không làm khác được ! – Cục đất chì chiết. – Minh phải có bản lĩnh, phải làm chủ mình chứ !

Mấy ngày sau, ô tô chạy đúng vào chỗ cục đất, cục đất tơi ra thành bụi. Và cũng ô tô chạy ngược, đám bụi này cuốn ngược, ô tô chạy xuôi, đám bụi này cuốn xuôi.

(Theo Dương Văn Thoa)

a) Lời nói của cục đất và đám bụi giúp ta hiểu gì về mỗi nhân vật ?

b) Câu chuyện kết thúc thế nào ?

c) Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì ?

Câu 2. Trong mỗi câu sau đây, những sự vật nào được nhân hoá ? Chúng được nhân hoá bằng cách nào ? Hãy nêu tác dụng của biện pháp nhân hoá trong các câu văn.

a) Con dê quê tôi đã phơi mình ra cấn cù hàng ngàn năm mà không hề mệt mỏi.

b) Cỏ may sao lưu luyến bước chân người như vậy ? Hẳn là cỏ may đứng mãi ở chân dê nên muốn theo người về nhà sưởi ấm, ăn bắp ngô non nướng thơm lừng quanh bếp hay một nồi rang hạt dẻ bùi.

c) Xưa, dân tộc Hmông vốn sống du cư và khèn chính là người bạn làm vui cho cảnh đời rong ruổi.

Câu 3. Chuyển đổi các vế câu của các câu dưới đây theo mẫu.

Mẫu : Nó mặc áo mưa nhưng người nó ướt sũng.

→ Người nó ướt sũng dù nó mặc áo mưa.

⇒ Người nó ướt sũng cho dù nó mặc áo mưa.

a) Chị ấy năng tưới bón mà ruộng rau vẫn cằn.

b) Gia đình nó sống ở vùng biển nhưng nó không biết bơi.

c) Trời lạnh công nhưng cậu ta chỉ mặc áo cộc tay.

Câu 4. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi.

Ngủ rồi

Gà mẹ hỏi gà con :

– Đã ngủ chưa đấy hả ?

Cả đàn gà nhao nhao :

– Ngủ cả rồi đấy ạ !

(Phạm Hồ)

- a) Câu trả lời của đàn gà con có gì ngộ nghĩnh ?
- b) Theo em, gà mẹ sẽ đáp lại lời các con như thế nào?
- c) Em hãy viết giúp gà mẹ nội quy để quy định giờ giấc sinh hoạt cho đàn gà con.

Câu 5. Trong cuốn sách *Chuyện của mùa hạ* có viết : Loài chim mỏ dài rất buồn phiền vì mỏ của chúng quá to và dài nên khi bay trong rừng rất hay bị va chạm, dễ gây ra tai nạn giao thông.

Trong rừng có một bác khí rất khéo tay. Bác mới mở một xưởng chuyên sửa chữa mỏ cho các chú chim mỏ dài. Bác khéo léo chữa mỏ chim bằng cách bào đi một lớp rồi đánh bóng lại như cũ. Bác đang suy nghĩ để viết một thông báo mời các chú chim mỏ dài đến xưởng của mình.

Em hãy viết giúp bác khí bản thông báo ấy.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Cây sim

Cây sim chắc là có họ với cây mua, chúng đều mọc ở vùng trung du, trên những mảnh đất cằn cỗi.

Cây sim được mọi người nhắc nhớ chính vì vẻ đẹp của màu hoa. Hoa mua tím hồng, hoa sim tím nhạt có màu phơn phớt như má con gái. Tuy nó không thơm nhưng lại tươi non như một niềm vui cứ lan toả làm cho sườn đồi sỏi đá cũng thêm đáng yêu, đáng mến.

Quả sim giống hệt một con trâu mộng tí hon, béo tròn múp míp, còn nguyên cả lông tơ, chỉ thiếu chiếc khoáy. Cái sừng trâu là cái tai quả, nó chính là đài hoa đã già. Con trâu mộng ấy chỉ bằng đốt ngón tay, ngọt lịm và có dư vị một chút chần chát nơi đầu lưỡi. Hạt sim thì thật nhiều, không nhai được, đành nuốt chửng. Ăn sim xong, cả môi, cả lưỡi, cả răng ta đều tím. Chắc khi hoa sim tàn đi làm quả, màu tím đọng lại thành thứ mật ngọt tím thắm ấy.

Đi chơi trên đồi, leo dốc này vượt dốc khác, tìm thấy bụi sim, hái quả chín mà ăn, đúng là bất được thú của trời cho, đầy ngon lành, hứng thú, có khi hàng chục năm sau vẫn nhớ.

(Theo Băng Sơn)

- a) Cách miêu tả hoa sim và quả sim có gì hay ?
- b) Em thích chi tiết, hình ảnh nào nhất trong bài văn ? Vì sao ?
- c) Tình cảm của tác giả đối với cây sim được bộc lộ qua những chi tiết nào trong bài ?

Câu 2. Tìm danh từ, động từ, tính từ trong các câu văn sau :

Đối với tuổi trẻ Tây Nguyên, nhà Rông như cái tổ chim êm ấm. Trai gái tới đây vui chơi, hẹn hò, ca hát. Con trai cùng bạn bè quen thân đến nhà Rông ngủ như nhà mình. Con gái đến nhà Rông ngồi dệt vải, hong sợi, quay sa... Đêm nào tiếng hát, tiếng đàn, tiếng trò chuyện cũng râm ran đến tận khuya.

(Theo Ay Dun và Lê Tấn)

Câu 3. Chuyển các câu đơn sau thành câu ghép.

- a) Cảnh vật thơ mộng. Lòng người phơi phới.
- b) Người đứng đợi dưới bến đã đông. Thuyền vẫn chưa sang.
- c) Ông trồng cây ngoài vườn. Bà nấu cơm dưới bếp.

Câu 4. Đọc các câu trong đoạn văn sau và cho biết đâu là câu đơn, đâu là câu ghép.

Ai mà chẳng biết cây cau. Thân cây cứ thẳng vút lên, chia thành từng đòng ngắn. Ngọn cau xoè ra như chiếc ô để ngược, còn nõn cau như mũi kiếm đâm vút lên trời.

(Bằng Sơn)

Câu 5. Em hãy đọc đoạn truyện sau đây rồi viết lời đối thoại cho các nhân vật trong truyện để chuyển đoạn truyện thành màn kịch.

Bài học cho Trống Choai

Trống Choai là một cậu gà rất đẹp trai với chiếc mào đỏ chói trên đầu. Trống Choai rất kiêu ngạo. Mỗi sáng sớm, cậu ta đã vươn cổ gáy inh ỏi cả một vùng. Bác Mái Vàng sợ đàn con mình thức dậy nên bảo Trống Choai làm ơn hạ giọng xuống một chút. Nhưng Trống Choai không nghe, cậu ta bảo tuổi trẻ phải gáy vang mới oai chủ. Rồi Trống Choai lại cất tiếng gáy rõ thật to, cậu ta còn khoe khoang với bác Mái Vàng mình đã học hết các thế võ của họ nhà gà, bọn cáo đối với cậu ta chỉ như một con dế... Vừa lúc đó, trong bụi cây có một con cáo nhảy ra định vồ Trống Choai, Trống Choai sợ quá chưa biết phải làm gì thì bỗng "bộp, xoẹt, xoẹt...", bác Mái Vàng vùng móng sắc nhọn cản đường Cáo. Cáo liền lùi mất.

Khi hoàn hồn, Trống Choai vội cảm ơn bác Mái Vàng và xin lỗi vì việc lúc sớm. Bác Mái Vàng ôn tồn khuyên nhủ Trống Choai. Từ đó, Trống Choai hiểu ra và sống vui vẻ, chan hoà với mọi người.

(Theo Nguyễn Đức Huy)



Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Bỗng nhiên trời đang nắng đỏ mà tối sầm ngay lại. Ông mặt trời sợ gì mà trốn đâu mất. Thấy vậy, lũ gà nhao nhác chạy vào chuồng vì tưởng trời sắp tối. Từ phía xa xa, em đã nghe thấy tiếng gió rào rào chạy lại. Mây đen cũng rù

nhau ùn ùn kéo đến. Mây như mang hơi nước nặng trĩu che kín đen cả một góc trời. Gió mỗi lúc một giạt mạnh, bốc từng đám cát bụi mù mịt tấp vào mặt người đi đường ran rát. Lúc đầu, chỉ một vài hạt lách tách, càng về sau mưa càng to. Nước như thể có bao nhiêu trên trời là đổ xuống hết cả. Cây bông bẽ lũ con đầu tròn trọc lốc múa may quay cuồng trong gió. Hàng cau nghiêng ngả như người say rượu. Ngoài vườn, những con ếch nhái thi nhau đuổi theo những con mồi bị vớ tổ. Trên đường, lũ trẻ thi nhau đuổi chạy tắm mưa. Hai bên đường, loáng thoáng bóng người trú mưa. Chỉ một lúc sau, sân nhà em đã lung nước.

(Theo Hoàng Thị Ngọc Anh)

- Đoạn văn trên miêu tả hiện tượng thời tiết gì ? Những yếu tố thời tiết nào được nhắc đến trong đoạn văn ?
- Tác giả sử dụng biện pháp nhân hoá để tả cảnh. Em hãy chỉ ra những hình ảnh nhân hoá trong đoạn văn.
- Em thích nhất hình ảnh nào trong đoạn văn trên ? Vì sao em thích hình ảnh đó ?

Câu 2. Gạch dưới những từ láy trong đoạn văn sau :

Rồi, sấm nổ đùng đoàng. Chớp như xé toạc bầu trời đen kịt. Mưa bắt đầu rơi lộp bộp trên mái tôn. Tiếng mưa loong boong trong chiếc thùng hứng nước, đồm độp trên phiến nứa, gõ chan chát vào tàu lá chuối...

(Theo Hoàng Thị Ngọc Anh)

Câu 3.

- Tìm bộ phận chủ ngữ trong câu "Hàng cau nghiêng ngả như người say rượu."
- Tìm bộ phận vị ngữ trong câu "Trên đường, lũ trẻ thi nhau đuổi chạy tắm mưa."

Câu 4. Câu chuyện dưới đây đã bị đảo trật tự. Hãy sắp xếp lại thứ tự các đoạn cho đúng.

Cáo và Quạ

☐ Cáo gọi Quạ : "Chị Quạ ơi, chị thật là xinh đẹp và duyên dáng. Tôi chưa thấy ai đẹp như chị. Tôi đoán chị hát cũng rất hay. Chị hát thử cho tôi nghe

được không ? Nếu chị hát tôi dám chắc không có một con chim nào trong khu rừng này có thể sánh được với chị ”.

☐ Cáo cười to : “ Chị Quạ này, mặc dù chị rất xinh đẹp, nhưng trong đầu chị chẳng có gì cả !”.

☐ Quạ nghe Cáo nói như vậy thì vui lắm. Nó bắt đầu hát cho Cáo nghe. Nhưng khi nó vừa há mỏ ra thì mẩu thức ăn đã rơi thẳng vào chiếc mõm của Cáo đang há to ở dưới gốc cây.

☐ Một con quạ ở trên cây, mỏ ngậm một mẩu thức ăn. Một con cáo đói ngồi ở dưới gốc cây, nghĩ cách làm sao lấy được mẩu thức ăn đó.

(Theo Ngũ ngôn thể giới chọn lọc)

Câu 5. Hãy đóng vai con quạ để kể lại câu chuyện *Cáo và Quạ*.



Câu 1. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi.

Đất nước mến yêu ơi

Người đã cho chúng con lũy tre cội có cây đàn bầu dân tộc

Với cung thẳng, cung trăm ngân lên như tiếng khóc ;

Đêm mùa hè trắ, ầu tiếng ai ru,

Cô Tấm ngày xưa còn sống đến bây giờ

Cũng từng đi qua chiếc cầu tre mới trở thành hoàng hậu.

À ơi... à ơi... Lời ru không bao giờ là huyền thoại

Hoàng hậu cũng ru con mình bằng tiếng hát ru.

Tôi xin cảm ơn đất nước đã cho tôi dòng máu Lạc Hồng

Để tôi được nghe tiếng trống đồng rung lên trong lồng ngực.

Thằng Lý Thông, mày làm sao hiểu được

Vì sao công chúa không cười, không nói giữa hoàng cung !

Đất nước của tôi ơi ! Đất nước anh hùng
Cỏ Trường Sơn sau lưng, cỏ biển Đông trước mặt
Chàng Thạch Sanh dịu dàng dùng tiếng đàn đánh tan quân giặc
Sông nước ngàn xưa còn vọng đến bây giờ.

(Theo Hồ Tĩnh Tâm)

- a) Qua đoạn thơ, tác giả muốn nói lên tình cảm gì với quê hương đất nước ?
- b) Đoạn thơ nhắc đến những nhân vật cổ tích nào ?
- c) Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ ? Vì sao ?

Câu 2. Hãy tìm 2 cặp từ trái nghĩa xuất hiện trong đoạn thơ trên.

Câu 3. Gạch dưới các động từ trong đoạn văn sau :

Hàng trăm người Bãi Lữ, trai gái vừa làm vừa hát – hát ví ăn giải đây. Đắng kia, các cụ lão bà đương dỡ ra những nải đại cơm gạo ré thơm phức. Lá chuối ngụ đã hơi sẵn xếp lên những chiếc mo cau mỏng vàng căng như khăn lá mộc. Rồi từng nắm cơm mịn bọc lá chuối mở ra đặt lên mâm bồng chen cạnh một chồng bánh dày trắng mỡ, bên những chiếc bánh chưng vuông vắn.

(Theo Tô Hoài)

Câu 4. Em hãy viết tiếp câu kết đoạn cho đoạn văn sau :

Từ hôm có chú chim, cu Dững quên tất cả để chăm sóc chim. Dững xin bà đồ xanh, đem ngâm nước tróc vỏ cho chim ăn. Cu cậu còn bắt cào cào, châu chấu, bọ ngựa hoặc đi kiếm ổi và chuối chín để tắm bổ cho chim. Được như vậy còn sướng hơn ở rừng. Vậy mà chim vẫn buồn. Những con châu chấu béo mẫm vật căng, chim chẳng buồn ngó tới. Nó nằm ủ rũ trong lồng nhìn ra khoảng không gian trong xanh quen thuộc. Chắc nó nhớ rừng, nhớ bố mẹ, nhớ bạn bè. Những khi nghe tiếng hót vang lên như gọi nhớ, chim lại bật dậy nhảy khắp lồng, mong tìm được một chỗ trống. Những thanh tre độc ác đã ngăn chim đến với tự do. Rồi một hôm, có đôi chim từ đâu bay tới kéo theo một đàn chim cùng lứa với chú chim non trong lồng...

(Theo Trương Huyền Chi)

Câu 5. Em hãy tưởng tượng mình là chú chim non trong câu chuyện trên và kể lại câu chuyện đó.

Đề 24

Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Ra khỏi lạch, thuyền kéo buồm bắt con gió tây nam chạy thẳng ra khơi. Chiếc thuyền, dáng hơi nặng nề, lù đù tiến, hai mắt tròn trăn trăn nhìn về trước. Khi một ngọn sóng kéo đến, nó chồm dậy rồi đâm chúi xuống, làm tung nước bạc trắng xoá. Càng xa bờ, sóng càng bớt mạnh, chỉ còn là những cái lượn, lưng cong và rộng, kéo lù đù nhưng hùng cường. Những mảnh nước lớn thốc vào dưới mũi thuyền khiến bọt trắng toé, rồi tự rẽ đôi chảy róc rách hai bên mạn. Các bác chài đã gác chèo ngồi bên dây neo, quai chèo và tán chuyện, có vẻ không biết đến sự nhối lắc của sóng. Gió lồng lộng, thuyền chạy phăng phăng, để lại sau một vạch phăng lì, vì nước đã bị khối nặng của thuyền dằn ra. Nhưng chẳng bao lâu, những làn sóng lô nhô hai bên mép tiến vào và xoá mất vạch phăng. Càng xa bờ, gió càng mạnh, như dậy từ bốn phương của khoảng rộng. Nắng vàng và gay gắt thêm. Khi mặt trời đứng bóng, biển biếc ngả sang màu lục.

(Theo Bùi Hiển)

- a) Cảnh thuyền ra khơi trong đoạn văn trên được miêu tả theo trật tự gì ? Hãy lấy dẫn chứng để giải thích.
- b) Những hiện tượng thiên nhiên nào được miêu tả trong đoạn văn ?
- c) Những hình ảnh nào cho thấy vẻ đẹp dũng mãnh của con thuyền lướt sóng ra khơi ?

Câu 2. Sắp xếp các từ dưới đây thành 3 nhóm :

gay gắt, lô nhô, nặng nề, trăn trăn, tung toé,
róc rách, lồng lộng, phăng phăng, lù đù.

Từ láy âm đầu và vần	Từ láy âm đầu	Từ láy vần
.....		
.....		
.....		

Câu 3. Gạch dưới các tính từ trong đoạn văn sau :

Thế nhưng bây giờ, vẻ đẹp ấy dường như đã dần đổi thay : Thay vì những cánh tay cuộn cuộn bắp, giờ đây chỉ còn là một dáng người gầy gầy, teo teo. Đôi mắt sâu dưới hàng lông mày rậm, hai gò má cao cao lại dần nổi lên trên khuôn mặt sạm đen vì sương gió. Tuy vậy, bệnh tật không thể làm mất đi tính cách bên trong của bố, bố luôn là một người đầy nghị lực, giàu tự tin và hết lòng thương yêu gia đình.

(Theo Nguyễn Thị Hậu)

Câu 4. Mỗi phần mở bài dưới đây được viết theo cách nào và viết cho bài văn kể câu chuyện gì ?

a) Hôm nay là một ngày rất vui đối với em vì em gặp lại một người bạn thân thiết từ khi còn học mẫu giáo.

b) Trong cuộc sống của em, ngày nào cũng có niềm vui. Hôm thì em vui vì được điểm cao, hôm thì em vui vì được bố mẹ cho đi chơi công viên, đi mua sách. Lại có hôm em vui vì mẹ cho em ăn món bánh pizza – món ăn em thích nhất trên đời. Hôm nay cũng là một ngày rất vui đối với em – không phải vì điểm cao, không phải vì pizza, mà vì em gặp lại một người bạn rất thân từ khi còn học mẫu giáo.

Câu 5. Em hãy tưởng tượng em gặp lại người bạn thân đã xa cách lâu ngày. Hãy viết bài văn miêu tả cuộc gặp gỡ đó.



Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Làng ven sông

Làng tôi nằm cạnh con sông Châu Giang. Sông nhỏ nhưng nước trong xanh quanh năm và nhiều tôm cá. Phía bên kia là bãi ngô xanh non mỡ màng nằm cạnh vườn đu đủ quả sai lúc lỉu, là những cây đa cổ thụ toả bóng râm mát

cho người chò đó có chỗ trú chân, là bụi rậm bụi nở hoa thắm đỏ như chào đón người qua lại.

Khi những cây bồ kết bên ấy rụng xuống từng chùm quả già khô đen mẩy, chị tôi sang sông nhặt đem về phơi khô để lên gác bếp, thì thoáng mang ra đun nước gội đầu. Khi nhà thờ bên sông ngân tiếng chuông chiều đầu tiên là tội trẻ con chúng tôi lại hò nhau vác cây chuối tươi ra sông tập bơi.

Làng tôi nước sông trong lắm. Bạn có thể vừa đứng trên đê đón gió vừa soi mình vào trong làn nước. Rất có thể tâm hồn bạn sẽ dạt dào thi tú giữa cảnh sông nước mênh mông và những thanh âm yên bình trong tiếng xôn xao mưa bán chợ chiều.

(Theo Trương Thị Oanh)

- a) Hình ảnh con sông Châu Giang được miêu tả như thế nào ?
- b) Trong đoạn văn, cảnh đẹp con sông được tôn lên bởi những cây cối hai bên sông. Em hãy tìm những câu văn tả cây cối trong đoạn văn.
- c) Con sông gợi lên những kỉ niệm gì về những người thân của tác giả ?

Câu 2. Tìm :

- a) 3 từ đồng nghĩa chỉ *màu vàng*.
- b) 3 từ đồng nghĩa chỉ *màu đỏ*.
- c) 3 từ đồng nghĩa chỉ *màu xanh*.

Câu 3. Gạch dưới trạng ngữ trong những câu sau. Chúng là những trạng ngữ thuộc loại nào ?

- a) Lúc về nhà, thế nào bà cũng mua về cho ba chị em mấy quả nhót chín đỏ hồng, vài cái bánh đa, không thì dăm ba lạng mận.
- b) Những hôm được nghỉ học, tôi thường theo bà đi bán cá.
- c) Buổi chiều, tôi theo các anh, chị đi gánh nước.

Câu 4. Em học được những gì về cách tả con vật ở đoạn văn sau :

Trong những cánh rừng già Trường Sơn sương phủ quanh năm, nơi có những nguồn suối không bao giờ cạn, những bãi chuối ngút ngàn rực trời hoa đỏ, những rừng lau bát ngát ngày đêm giữ lá rào rào, đó là xứ sở của loài voi. Nơi đây, voi sống thành từng bầy rất đông. Chúng ăn rất khoẻ. Mỗi ngày, mỗi con

cần đến bốn, năm trăm cân cây cỏ. Vì thế mà chúng phải đi liên tục để tìm ăn : từ trên núi chúng xuống đồng cỏ, rồi từ đồng cỏ chúng lại lên núi. Ban ngày chúng trú nắng trong các cánh rừng rậm ; chiều xuống, đi tắm ở những quãng sông vắng rồi lững thững lên bãi tìm ăn. Vào lúc rạng sáng và chiều tà hoặc những lúc xuống bến nước, chúng rống rền vang, sang sảng, oai nghiêm và đầy uy lực khiến người đi rừng phải ngừng bước và thận trọng lắng nghe.

Trong rừng không có con vật nào hùng tráng, thông minh và có nghĩa hơn con voi. Chúng tận tâm và thương mến bầu bạn chẳng khác gì con người. Một con đau yếu thì cả bầy biếng ăn, ngo ngác. Một con sa bầy thì cả bầy tìm cách cứu giúp, dù có vì thế mà phải chịu đói khát hoặc ngừng dõ chuyển đi.

Câu 5. Hãy viết bài văn miêu tả một buổi sinh hoạt tổ của em.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Tôi tìm thấy ở thiên nhiên...

Tôi tìm thấy ở thiên nhiên vị ngọt sắc của những trái mít, ngọt lịm của trái vải quê hương và cái ngọt dịu dàng của nắng chiều tà. Rồi tôi cũng tìm thấy ở thiên nhiên cả vị chua gắt của những trái sấu, màu xanh đầy sức sống của cây lá... Hương vị thiên nhiên chan chứa bao nét đặc trưng mà ở đâu ta cũng có thể đưa nó vào đầu lưỡi, nhắm nháp và thưởng thức một cách thích thú.

Tôi tìm thấy ở thiên nhiên tiếng sáo diều vi vu trên những con đê lộng gió và tiếng tu hú từng đàn theo nhau bay đậu khắp các ngọn cây vải. Âm thanh thiên nhiên lúc rộn ràng niềm vui, lúc lại êm đềm sâu lắng như giai điệu của một bản đàn.

Ở thiên nhiên, tôi tìm thấy những hương vị, âm thanh, màu sắc và cả những đường nét thật đẹp đẽ. Quan trọng hơn là tôi tìm thấy tâm hồn tôi hoà

hợp với cây cỏ, chim muông, sông nước, đất trời hay bất cứ thứ gì mà tạo hoá đã ban tặng cho thế giới này.

(Theo Nguyễn Minh Châu)

- a) Tác giả tìm thấy những mùi vị gì trong thiên nhiên ?
- b) Tác giả tìm thấy những âm thanh gì trong thiên nhiên ?
- c) Theo tác giả, điều quan trọng mà tác giả tìm thấy ở thiên nhiên là gì ?

Câu 2. Xếp các từ sau thành ba nhóm từ đồng nghĩa :

bao la, nhỏ nhắn, ồn ào, mệnh mông, bé bỏng,
ấm i, thênh thang, tí xiu, ầm ầm, bát ngát.

Câu 3. Đặt dấu ngoặc kép vào những chỗ thích hợp trong đoạn văn sau :

Bác Các-lô vừa bước vào vừa nói : Chào bác Giô-dép, bác làm gì mà bỏ lê bò càng thế ? Bác Giô-dép vừa đáp vừa nhìn thanh củi : Bác ạ, mất cái đỉnh ốc nhỏ rồi, rơi chỗ quái nào chẳng biết nữa ! Còn bác, dạo này ra sao ? Bác Các-lô trả lời : Khổ lắm bác ạ. Đờ nghi nát óc mà chẳng biết sống cách nào. Bác xem có cách gì giúp tôi, hay mách hộ ý kiến... Bác Giô-dép vui vẻ bảo bạn : Khó gì ! Khó gì ! ...

(Theo A-lếch-xây Tôn-xtôi)

Câu 4. Đoạn văn sau đây tả cảnh một bạn nhỏ về quê ông nội chơi và tổ chức sinh nhật ở đó. Em hãy viết phần mở đoạn và phần kết đoạn cho đoạn văn.

Từ sáng sớm, các bạn đã tập trung ở nhà ông tôi để cùng nhau làm quà tặng tôi, nào chong chóng, nào diều... Trẻ con nông thôn rất khác với trẻ con thành phố, mọi người thân thiện, dễ làm quen lắm, "thời trang" sang nhà nhau chơi cũng đơn giản và thoải mái cực kì.

Buổi tối, mặt trăng vừa ló, tiếng gọi tên tôi í ới rộn vang. Bữa tiệc giản dị nhưng đầy niềm vui. Những món quà tôi nhận được thật giản dị nhưng khiến tôi vui lắm, vì đó là quà do chính tay các bạn và cả tôi cùng làm. Tất cả những thứ đó rất khác và có ý nghĩa hơn nhiều so với những món quà mua vội trong cửa hàng với giấy hoa sắc sỡ.

(Theo Nguyễn Thị Huyền)

Câu 5. Viết đoạn văn miêu tả một buổi tiệc sinh nhật của em.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Sắc tím bằng lăng

Không rộn rã tung bùng hay khoa trương sắc sỡ, nhưng khi nở, bằng lăng tím rực một góc trời. Cũng như những cánh phượng hồng, bằng lăng là loài hoa “nữ hoàng của mùa hạ”.

Hoa bằng lăng chỉ đẹp nhất khi khoe sắc tím trên cây cùng những chiếc lá xanh căng tràn sức sống.

Không biết sao cả tôi và bạn đều thích cái màu tím ấy, đó là màu thời gian xa xôi. Vì bằng lăng tím có bao giờ tím mãi, cứ đến hẹn lại lên, những cánh bằng lăng thi nhau nở bung một góc trời, nắng mưa qua ngày, sắc tím phai dần, phai dần theo thời gian. Đã không biết bao nhiêu buổi chiều tôi và bạn đứng ngẩn ngơ nhìn những bông hoa tím đang chuyển sang màu tím nhạt, rồi màu trắng...

Một ngày kia, những bông hoa cứ rụng dần rụng dần, thay vào đó là mùa quả, những mùa quả tròn căng mọc thành từng chùm từng chùm... để rồi năm sau lại khô xác đi rụng xuống, nhường chỗ cho những lớp lá non mới nhú.

Con gái chúng mình hình như đứa nào cũng có một góc để thương để nhớ. Và tôi biết, màu tím bằng lăng sẽ khiến chúng mình không bao giờ quên được tuổi học trò hồn nhiên một thuở.

(Theo Nguyễn Thị Thu Hà)

- Theo tác giả, hoa bằng lăng đẹp nhất khi nào ?
- Hoa bằng lăng được miêu tả theo các sắc độ màu tím và theo thời gian như thế nào ?
- Tác giả dùng những hình tượng nào để nói về hoa bằng lăng và màu tím bằng lăng ?

Câu 2. Viết tiếp các câu so sánh sau :

- Đỏ như
- Lù đù như
- Vui như
- Mưa như
- Nóng như
- Buồn như

Câu 3. Điền từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn vào mỗi chỗ trống để các câu trong đoạn văn được liên kết với nhau.

(thành phố, em, quê, trẻ em, lớn)

Em được sinh ra và lớn lên ở thành phố nhưng em cũng có quê nội, quê ngoại như bao bạn nhỏ khác. Mỗi lần về chơi, em thường nghe các bác, các cô và cả các bạn bằng tuổi mình chép miệng : "Đúng là người sướng thật. Người lớn thì ăn mặc đẹp, đi xe máy, còn chỉ việc lo học, chẳng phải lo việc đồng áng, chăn nuôi". Khi còn nhỏ, nghe vậy, thấy tự hào và hạnh phúc lắm về cái "mặc thành phố" của mình. Nhưng khi rồi, em thấy sự so sánh này không hẳn đã đúng.

(Theo Phượng Hồng)

Câu 4. Tìm các quan hệ từ có tác dụng liên kết từ ngữ và các vế câu trong đoạn văn trên.

Câu 5. Viết tiếp đoạn văn ở câu 3, nêu các lí do giải thích tại sao có ý kiến cho rằng "Người thành phố sướng thật" không hẳn đã đúng.



Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Nếu mùa xuân rực rỡ các loài hoa có mưa bay ầm tóc..., mùa hè chói chang nắng chói, ngút lửa trên cành phượng, tím ngắt trên ngọn bằng lăng, mùa thu có gió heo may nhẹ như nổi nhỏ... thì mùa đông tuy khắc nghiệt vẫn có sắc thái riêng làm lòng người như muốn xích lại gần nhau cho thêm ấm áp. Vào những ngày rét ngọt hanh khô, đi qua phố Tràng Thi, tưởng như nghe thấy tiếng sột soạt của từng trang sách mở ra, trong khi trên đường rộng bằng tung những tờ lá đỏ, như tấm thư trời gửi cho người báo hiệu mùa đông sắp hết, mà đây là những ánh nắng cuối cùng. Hàng phượng vĩ đường Thanh Niên đã tắt hết đèn chỉ còn lại những quả khô như những sợi bắc đen chĩa đứng trong đó cái hạt nâu vân vân, đựng lửa cho mùa sau. Hàng cơm nguội phố Lý Thường Kiệt hình như mẫn cảm với sương đông trước hết. Chúng chỉ còn trơ lại những cành trong bằng bạc màu trời.

(Theo Băng Sơn)

- Đặc điểm riêng của thời tiết từng mùa được miêu tả như thế nào ?
- Những hình ảnh gì trong đoạn văn được coi là đặc trưng của mùa đông Hà Nội ?
- Em hãy tìm những từ ngữ chỉ màu sắc xuất hiện trong đoạn văn.

Câu 2. Tìm những cặp từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ sau. Giải thích ý nghĩa của những thành ngữ, tục ngữ đó.

- Trên kính dưới nhường.
- Khôn nhà đại chợ.
- Chết vinh hơn sống nhục.

Câu 3. Trong đoạn văn sau, những câu nào sử dụng biện pháp so sánh ? Em thích hình ảnh so sánh nào nhất ? Vì sao ?

Chúng tôi dắt con Luốc đi dọc theo mé nước, rình đập những con cá thòi lòi biển. Những con cá thòi lòi to bằng ngón chân cái, cặp mắt ốc nhồi

mọc trên đầu giống như hai hột mồng tơi, hễ nghe bước chân chúng tôi đến gần là y như chúng giương cái kì ngũ sắc trên lưng thành một cánh bướm, phóng ngay trên mặt nước. Giống cá gì mà tinh như quỷ. Bay trên mặt nước như cá thia lia, lặn cũng giỏi, bơi cũng giỏi còn nhảy trên bờ thì thật không thua gì một con ếch.

(Theo Đoàn Giỏi)

Câu 4. Em hãy lập dàn ý cho bài viết sau :

Quê ngoại tôi ở Hải Dương – nơi có những con người đôn hậu, thật thà và những chiếc bánh gai, bánh đậu thắm ngọt tinh người.

Để có được chiếc bánh gai ngon, người ta phải chọn gạo nếp hoa vàng, thơm, đem về vo sạch rồi ngâm nước lạnh qua đêm, gạo vớt ra cho vào rá để vào nơi thoáng cho ráo nước rồi đem xay thành bột mịn.

Lá gai phơi khô, tước bỏ hết gân, thái nhỏ đem luộc rồi vắt kiệt nước, cho vào cối giã thật nhuyễn, trộn với bột và đường kết tinh làm vỏ bánh, khi trộn bột phải vắt nhiều lần cho thật dẻo.

Nhân bánh cũng phải chọn nguyên liệu và gia công rất cầu kì : đỗ xanh, lạc, dừa, mít bí, vừng, mỡ lợn, hạt sen, hương liệu thơm như dầu chuối... Mỡ lợn dày khổ đem pha rồi luộc chín, thái con chì, trộn đường. Đến khi những miếng mỡ trắng, trong, giòn mới đem dùng. Đậu xanh cũng phải chọn loại ngon, hạt nhỏ, xay vỡ, ngâm đãi sạch vỏ, nấu chín giã nhuyễn.

Nếu các bạn muốn được thưởng thức đặc sản quê tôi, hãy một lần ghé thăm vùng quê hiền hoà, mến khách, tôi sẽ đãi bạn thoải thích...

(Theo Ngô Thu Phương)

Câu 5. Tưởng tượng em là một phóng viên và muốn phỏng vấn người làm bánh gai. Hãy đóng vai phóng viên và ghi lại cuộc phỏng vấn đó.



Câu 1. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi.

Đẹp Hậu Giang

Hậu Giang ơi ! Hậu Giang !
Đây là khúc ruột của miền Nam
Nằm trong lòng đất, trong lòng nước...
Đất của miền Tây, nước Hậu Giang.

Hậu Giang ơi ! Hậu Giang !
Con sông yêu quý của miền Nam,
Đây dòng nước bạc dài rung cảm,
Khôi sương vương vương dáng xóm làng.
Nơi đây dân sống no lành lắm,
Với đất miền Tây, nước Hậu Giang,
Với trái Cần Thơ, rau Bàu Núi,
Với khô Rạch Giá, lúa miền Nam.
Muối Bạc Liêu mặn tình biển cả,
Tiêu Hà Tiên nồng ý quê hương,
Thơm tho khỏi thuốc mùi Cao Lãnh,
Cá chày bùi ngon : vị Sóc Trăng.

(Theo Kiên Giang)

- a) Hậu Giang được so sánh với hình ảnh nào ?
- b) Những sản vật nổi tiếng nào của Hậu Giang được giới thiệu trong bài thơ ?
- c) Tác giả thể hiện tình cảm như thế nào với Hậu Giang ? Tình cảm đó được thể hiện qua những từ ngữ nào ?

Câu 2. Liệt kê các danh từ riêng xuất hiện trong đoạn thơ trên.

Câu 3. Gạch dưới các danh từ chung trong khổ thơ sau :

Hòn Tre, Phú Quốc dù xa bãi
Vẫn nhớ phù sa, mảnh đất liền,
Nước biển người ơi là máu đất,
Máu nào mà chẳng trở về tim !...

Nếu thiếu bóng dừa soi bóng nước,
Thiếu bông lúa trổ, búp măng tre;
Biển không nổi sóng, rừng không gió...
Ta thiếu trong hồn nét đẹp quê.

(Theo Kiên Giang)

Câu 4. Em hãy viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một loài vật em yêu thích dựa theo cách giới thiệu về con rùa ở đoạn văn sau :

Bác rùa đã đang nằm im như một tảng đá, thò đầu ra khỏi mai lim dim mắt đón nhận từng giọt âm thanh tươi mát của buổi sớm mai. Có việc phải đi đâu là bác đi mãi miết cho kịp. Bác đi cả ngày cả đêm, cả mưa cả nắng... Dọc đường, ai gặp khó khăn bác đều dừng lại giúp đỡ. Bác đem theo cả một mái nhà thì đâu chẳng là nhà !

(Theo Văn Long)

Câu 5. Hãy viết lại một truyện ngụ ngôn hoặc cổ tích mà em biết.



Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Trước mắt chúng tôi là những đôi cò sữa của trung tâm bò giống Môn-ca-da, thú cò có sức sống mãnh liệt và có hương vị đặc biệt do nước bạn Cu-ba giúp ta gây giống và gieo trồng. Vào ban đêm, mùi cò, vốn bị nắng nung khô tái suốt

ngày, toả ra mùi hương nồng say, thấm đậm trong không gian, khiến bất kì ai đi qua đây cũng thấy nao lòng. Buổi sớm, sương còn đọng long lanh trên những ngọn cỏ, hương thơm vẫn nồng nàn khiến ta cứ ngỡ chính những giọt sương kia đã toả ra cái hương vị lạ lùng ấy ! Nhưng rồi mặt trời lên, sương tan. Sự hào nhoáng của những giọt sương mỏng manh tan biến ngay dưới ánh nắng mặt trời nhưng hương cỏ thì vẫn nồng đượm, vẫn lắng đọng, quanh quất đâu đây, êm dịu luồn lách vào tận da thịt, như nhắc ta đừng bao giờ quên cái hương vị diệu kì này. Nhưng làm sao có thể quên, dù chỉ một lần qua đây ?

(Theo Khuất Quang Thụy)

- a) Đoạn văn miêu tả đặc điểm gì nổi bật của những đồi cỏ sữa ?
- b) Hương cỏ vào ban đêm có gì đặc biệt ? Vì sao hương cỏ ban đêm lại đặc biệt như vậy ?
- c) Hương cỏ vào ban ngày được tác giả miêu tả như thế nào ?

Câu 2. Tìm từ trái nghĩa với :

- a) nhanh nhẹn
- b) lạ lùng
- c) đặc biệt

Câu 3. Chọn các cặp quan hệ từ trong khung rồi điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau cho thích hợp :

mặc dù ... nhưng ... ; càng ... càng ... ; sở dĩ ... là vì ... ; không chỉ ... mà ...

Và tôi khâm phục bởi bố là một người giỏi giang, là một người cao cả, đứng đắn, lòng kiên trì, chịu khó bởi cách sống lạc quan, vô tư của bố. những thời gian rảnh rỗi của bố còn lại rất ít bố vẫn trồng và chăm sóc khu vườn trước nhà để cho nó bao giờ cũng xanh tươi.

Câu 4. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Mặc chiếc áo dài đỏ rực đến xem ca nhạc là Hoa Phượng. Hoàng Diệp đội chiếc nón vàng tươi đi cạnh Ô Môi che cây dù tím lịm. Chị em Hoa

Giấy mặc áo đủ màu sắc. Hoa Sứ đơn giản mà thơm ngát. Hoa Trang dịu dàng và Hoa Quỳnh vô cùng thanh khiết. Sầu Riêng ngổn tit đắng xa vì e các hoa đang phơi phới ấy vô tình chạm phải gai mình sẽ đau. Mít Tố Nữ cũng kín đáo ngổn trong một góc vườn. Dù vậy mùi thơm của hai trái cây này vẫn bắt mọi người đặc biệt chú ý. Kéo đến dự đông nhất, từng chùm, từng chùm là Dâu Da, Bòn Bon, Mận, Khế. Máng Cọt đếm đủ một chục, Xoài chỉ đi một cặp thôi.

(Theo Lý Lan)

- a) Cách miêu tả các loại hoa trái trong đoạn văn trên có gì độc đáo ?
- b) Đặc điểm riêng của từng loại hoa trái được tác giả miêu tả như thế nào ?
- c) Em hãy viết phần mở đầu và phần kết cho đoạn văn trên.

Câu 5. Tả một loài hoa em biết.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Con suối bản tôi

Bản tôi chạy dọc hai bên bờ suối, trên hai sườn núi tương đối bằng phẳng. Con suối khá to từ những dãy núi xa lác xa lác chảy về.

Con suối chảy qua bản tôi bốn mùa nước xanh trong. Những ngày lũ, suối cũng chỉ đục vài ba ngày. Để tiện đi lại, người dân bản tôi bắc khá nhiều cầu qua suối. Cầu ghép bằng đôi thân cây to hoặc một thân cây cổ thụ. Gần đây, chiếc cầu bằng xi măng cốt thép đã được bắc qua con suối quê tôi. Mặt cầu rộng rãi. Trẻ nhỏ thường tụ tập hai bên thành cầu nhìn xuống nước xem những con cá lượn đỏ, cá lưng xanh.... Cá bơi lên thác ngựa bụng trắng xoá. Cá bơi lượn lấp loáng, như hàng trăm, hàng nghìn ngôi sao rơi xuống lòng suối.

Đoạn suối chảy qua bản tôi có hai cái thác, nước chảy khá xiết. Nước gặp những tảng đá ngấm chồm lên thành những con sóng bạc đầu. Hết đoạn thác dài gần chừng trăm mét lại đến vực. Vực khá sâu, nước lững thững như kẻ nhàn rỗi dạo xuôi dòng.

Con suối đơn sơ, bình dị ấy đã đem lại cho bản tôi vẻ thanh bình trù phú với bao nhiêu điều hữu ích.

(Theo Vi Hồng – Hồ Thủy Giang)

- a) Những cảnh đẹp gì của suối được tác giả miêu tả trong bài văn ?
- b) Hình ảnh những đàn cá bơi lội trong suối được miêu tả như thế nào ?
- c) Trong bài văn, tác giả sử dụng biện pháp so sánh để gợi nên vẻ đẹp hoang sơ của dòng suối, đó là những hình ảnh nào ? Em thích hình ảnh so sánh nào nhất ?

Câu 2. Tìm từ trái nghĩa với từ in đậm để hoàn thành các thành ngữ, tục ngữ sau :

- a) **No** đốn góp.
- b) **Xa** thương thương.
- c) Áo **lành** đùm áo

Câu 3. Gạch dưới các trạng ngữ trong những câu sau và cho biết chúng là trạng ngữ thuộc loại nào (Chỉ nơi chốn ? Chỉ thời gian ? Chỉ nguyên nhân ? Chỉ mục đích ? Chỉ phương tiện ?).

- a) Những ngày lũ, suối cũng chỉ đục vài ba ngày.
- b) Để tiện đi lại, người dân bản tôi bắc khá nhiều cầu qua suối.
- c) Gần đây, chiếc cầu bằng xi măng cốt thép đã được bắc qua con suối quê tôi.

Câu 4. Lập dàn ý cho bài văn *Con suối bản tôi*.

Câu 5. Hãy tả một loài cây hoặc loài hoa đặc trưng cho ngày Tết mà em yêu thích.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Rừng mùa thu

Mọi khu rừng đều đẹp với không khí phảng phất mùi nấm và tiếng lá rì rào. Nhưng những khu rừng trên núi và gần biển mới thật là đẹp. Đứng ở đó ta nghe rõ cả tiếng sóng vỗ bờ. Sương mù từ biển cả thường xuyên tràn vào và vì khí ẩm quá nhiều nên rêu mọc rậm rịt. Rêu từ trên cành cây như những mô tóc xanh xoà dài trên mặt đất.

Vào mùa thu, nếu như ta có thể lấy hết đồng và vàng trên trái đất đem đánh đổi thành muôn vàn những chiếc lá cây thật tinh xảo thì những chiếc lá đó cũng chỉ có thể làm thành một phần rất nhỏ tấm áo choàng mà mùa thu đang trải lên trên những ngọn núi kia mà thôi. Và lại những chiếc lá nhân tạo nọ sẽ rất thô kệch nếu so với những chiếc lá thật, nhất là những lá liễu hoàng diệp.

(Theo K. Pau-tốp-xki)

- a) Trong bài văn trên, đặc điểm chung của mọi khu rừng mùa thu là gì ?
- b) Theo tác giả, những khu rừng trên núi và gần biển có điểm gì khác biệt, làm nên vẻ đẹp độc đáo của chúng ?
- c) Tác giả đã sử dụng hình ảnh tượng tượng nào để miêu tả vẻ đẹp kì diệu của những chiếc lá trong rừng mùa thu ?

Câu 2. Chọn từ láy thích hợp trong khung, điền vào chỗ trống trong đoạn thơ sau :

rào rào, hồi hả, lim dim, thưa thớt, lất phất

Mầm non mắt

Cố nhìn qua khe lá

Thấy mây bay

Thấy mưa phún

..... trợn lá tuôn
Rải vàng đầy mặt đất
Rừng cây trông
Như chỉ cội với cành
(Theo Võ Quảng)

Câu 3. Ghép danh từ ở cột A với tính từ ở cột B cho hợp nghĩa.

A	B
Mắt	đen kịt
Tóc	đen láy
Trời đêm	đen thui
Da	đen óng

Câu 4. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Gặt lúa

Những bông lúa vàng mới cắt xong xếp đều rải rác từng hàng trên bờ ruộng, trong đám cỏ xanh mà dày. Mỗi khi gặt được vài lượm lúa, người thợ hái ôm sát bó lúa thêm vào người đem ra xếp vào chỗ lúa trước. Rồi họ lại trở vào ruộng lúa đứng theo hàng với những người gặt. Tiếng hái của vào gốc lúa xào xạc như tiếng trâu bò ăn cỏ.

Chăm chú vào việc làm, Tân không để ý đến cảnh vật chung quanh. Anh cũng không thấy mệt nữa, tuy ánh nắng chiếu trên lưng nóng rát và mồ hôi đổ từng giọt trên trán xuống. Tân chú ý đến cái hái cho nhanh nhẹn, mỗi lần bông lúa rung động chạm vào mặt người, mùi lúa chín thơm đó làm cho lòng anh say sưa như men rượu.

Cánh đồng lúa chín loé vàng dưới mặt trời buổi trưa. Từng chỗ ở thửa ruộng nào gặt rồi, gốc rạ lấp lánh như dát bạc. Phía xa, làng mạc ở chân trời rung động trong ánh nắng.

(Theo Thạch Lam)

- a) Hoạt động gặt lúa được miêu tả theo trật tự từng bước như thế nào?
- b) Tác giả sử dụng những chi tiết nào để miêu tả cảnh nhân vật chính (Tân) đứng giữa nắng ? Em học được gì từ cách miêu tả này ?
- c) Hình ảnh bông lúa chín được miêu tả trong bài với những chi tiết nào (Ví dụ : màu sắc, mùi vị.) ?

Câu 5. Hãy viết một đoạn văn tả cảnh trưa hè ở quê hương em.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Mùa xuân đã về

Sương mù tan dần. Mây như một đàn cừu tản đi và dưới bầu trời quang đãng mùa xuân thực sự hiện ra. Mặt trời chói lọi mọc lên, nuốt dần lớp băng mỏng phủ trên mặt nước. Bầu không khí ấm áp rung rinh khắp nơi, mặt đất như hồi sinh, và cỏ già năm ngoái xanh tốt lại. Cỏ non năm nay như những chiếc kim đâm tua tủa trên mặt đất. Những chồi cây sục nức mùi hương căng phồng những nhựa. Và quanh những cây liễu tắm trong ánh nắng vàng tươi, đàn ong thoát ra khỏi túp lều bằng cành cây mà người ta nhốt chúng trong mùa đông lại vo ve bay lượn. Đàn chim sơn ca tuôn tiếng hót trên những đồng cỏ nhưng to và những ruộng rạ phủ băng.

Tít trên trời xanh, đàn sếu và ngỗng trời bay qua, cất tiếng kêu mừng xuân. Đàn súc vật trụi lông mới có đôi chỗ mọc lại vừa rống lên vừa đi đến nơi ăn cỏ. Những chú cừu non chân cẳng leo khéo nhay lon ton chung quanh đàn cừu

mẹ đã bị gọt lông đang kêu be be. Lũ trẻ nhanh nhẹn chạy dọc theo những đường nhỏ. Tiếng nói vui vẻ của tốp phụ nữ vang lên bên bờ đầm nơi họ đang giặt vò, và tiếng riu của bác nông dân đang chữa lại cày bừa vang lên trong các sân nhà.

Mùa xuân thực sự đã về.

(Theo Lép Tôn-xtôi)

- Những hình ảnh về thiên nhiên nào cho thấy mùa xuân thực sự đã về ?
- Cảnh mùa xuân trở nên sinh động bởi hoạt động của côn trùng, chim muông, gia súc. Em hãy tìm trong bài văn những hình ảnh miêu tả điều đó.
- Những hình ảnh nào cho thấy con người cũng đang đón mùa xuân đến ?

Câu 2. Tìm ở cột B lời giải nghĩa thích hợp cho từ *đầu* trong mỗi câu ở cột A :

A

a) *Đầu* voi đuôi chuột

b) *Đầu* bạc răng long

c) *Đầu* năm buồn muối,
cuối năm buồn vôi.

B

1) Vị trí, thời điểm trên nhất, trước nhất hoặc là điểm xuất phát.

2) Phần trên cùng có chứa nào của cơ thể người, cơ thể một số động vật hoặc phần trước nhất của cơ thể động vật.

3) Tóc, mái tóc.

Câu 3. Tìm 2 danh từ, 2 động từ, 2 tính từ trong đoạn thơ sau :

Chăn trâu đốt lửa trên đồng
Rạ rơm thì ít, gió đông thì nhiều
Mải mê đuổi một con diều
Củ khoai nướng để cả chiều thành tro

(Theo Đồng Đức Bốn)

Câu 4. Em hãy lập dàn ý chi tiết cho câu chuyện kể về giấc mơ của một bạn nhỏ dựa theo gợi ý sau :

- Một bạn nhỏ ngại học bài, ngủ gật, mơ thấy mình bay lên trời.
- Cảnh trên trời rất đẹp. Người nhà trời ai cũng vui vẻ làm công việc của mình.
- Bạn định ở lại trời nhưng thấy nhớ bố mẹ, nhớ bạn bè,... đã bay về nhà mình.

Câu 5. Viết đoạn văn miêu tả một người thân của em.



Câu 1. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi.

Con và mẹ

Con sẽ là giọt nước
Còn mẹ là dòng sông
Nước ào vào mênh mông
Ồi, chứa chan lòng mẹ.

Con sẽ là giọt nắng
Còn mẹ là mây bay
Nắng rong chơi mệt nhoài
Mây làm mưa dịu mát.

Con là thuyền nhỏ bé
Mẹ sẽ là đại dương
Thuyền lướt đi muôn phương
Biển lặng thấm nâng bước.

Con sẽ là lời hát
Mẹ là nốt nhạc hồng
Hoà lời ca mênh mông
Ồi, thiết tha lòng mẹ !

(Theo Đỗ Quỳnh Liên)

Con là hoa thược dược
Mẹ là ánh bình minh
Mỗi sớm mai trong lành
Bình minh hôn hoa thắm.

- a) Trong bài thơ, tình cảm thắm thiết giữa người mẹ và người con được so sánh với những cặp hình ảnh nào ?
- b) Những cặp hình ảnh trong bài thơ luôn luôn gắn bó với nhau. Hãy nêu những chi tiết trong bài thơ nói lên điều đó.
- c) Em có cảm nghĩ gì về lòng mẹ qua những hình ảnh trong bài thơ ?

Câu 2. Tìm các cặp từ trái nghĩa nhau :

- | | |
|-------------------|--------------------------|
| – Tả hình dáng : | Ví dụ : cao – thấp |
| – Tả hành động : | Ví dụ : khóc – cười |
| – Tả trạng thái : | Ví dụ : ồn ào – yên tĩnh |

Câu 3. Tìm quan hệ từ trong đoạn trích dưới đây và cho biết mỗi quan hệ từ nối những từ ngữ nào trong câu :

Tôi nhớ mãi ngày mẹ mua cho tôi chiếc áo mới vào ngày Tết, chiếc áo vải dày nhưng sờ vào rất mát. Những bông hoa vàng nhụy đỏ làm niềm vui của tôi trong năm mới râm ran. Cả đêm đó, dù không phải thức canh nồi bánh chưng nhưng tôi vẫn cố canh cho mình đừng ngủ. Tôi chỉ sợ nếu nhắm mắt vào thì chiếc áo mới sẽ bị ai đó lấy mất, hoặc rất có thể nó sẽ không cánh mà bay.

(Theo Vũ Thị Huyền Trang)

Câu 4. Đây là một đoạn trích từ truyện *Điều ước đầu năm*. Em hãy viết tiếp nội dung truyện theo ý của em. Nêu ý nghĩa em muốn nêu lên trong truyện.

Nga chơi thân với Thảo từ đầu năm học. Hồi mới chuyển vào lớp Nga, Thảo là cô bé rất trầm, ít tiếp xúc với mọi người. Nga rất bất ngờ khi biết Thảo mới bằng tuổi Nga mà phải vừa đi học vừa phụ mẹ ra chợ bán đậu phụ. Mặc dù bận rộn với công việc giúp mẹ nhưng Thảo vẫn học rất giỏi. Không chỉ có thế, Thảo còn rất chân thành và tốt bụng với bạn bè. Có lần, cả lớp Nga đi lao động dọn cỏ phía sau sân trường, Nga bị rắn độc cắn, chính Thảo đã dùng miệng hút máu độc từ vết cắn nơi chân Nga...

(Theo Nguyễn Thị Thanh Loan)

Câu 5. Viết đoạn văn tả về một người bạn thân của em.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Nắng tháng Tư

Năm nay, mùa hè đến sớm. Nắng tháng Tư tràn trề đổ xuống khắp nơi, dát vàng từng khóm tre già, chan hoà những gốc rạ với đất cày đến nỗi nhìn xa khó có thể phân biệt được đâu là rạ, đâu là đất màu nhuộm nắng. Không khí thơm thơm mùi mật hoa, cây cỏ. Lá tươi xanh hơn hờ chuyện trò xôn xao với gió. Con đường nhỏ bao quanh làng sáng lên như một dải bạc, vòng vèo rồi mất hút vào lũy tre sẫm màu, xa tít.

Tôi ngồi trên đám cỏ tóc tiên mềm mại. Tôi chờ mặt trời xuống. Cái mâm đồng rực rỡ kia còn chói chang trên bầu trời xanh ngắt. Bây giờ, nó đang sáng ngời như một tấm kính lửa hồng hực, nhưng lát nữa đây, những tia lửa ấy sẽ thu lại, màu vàng chói sẽ dịu đi, đậm hơn rồi chuyển thành màu vàng cam. Cái vành tròn mặt trời hiện rõ như vành nón lá và sẽ không còn hắt vào mắt tôi những sợi vàng nóng bỏng. Rồi sung sướng biết bao khi nó thua cuộc lần trốn dần sau ngọn núi Phước Tường. Cảnh tượng tuyệt vời ấy, niềm vui bí ẩn ấy thu hút tôi không rời cho đến khi bầu trời chỉ còn màu xanh ngụ trị với những đám mây vàng đầu núi chuyên chở chút hào quang còn sót lại.

(Theo Kim Hải)

- Hình ảnh nắng tháng Tư bao trùm cảnh vật được tác giả miêu tả như thế nào ?
- Hình ảnh mặt trời được tác giả miêu tả theo trình tự nào ?
- Tìm trong bài văn những hình ảnh so sánh để miêu tả mặt trời ở mỗi thời điểm khác nhau. Em thích hình ảnh nào nhất ? Vì sao ?

Câu 2. Chọn danh từ thích hợp trong khung điền vào chỗ trống.

vườn bách thảo, thị thành, hồ nước, bầu trời,
phố phường, người người, mọi người

Sau cơn mưa, (1) quang đãng, (2)
tấp nập, (3) đông vui. Hà Nội những đêm hè,
(4) dạo bộ ven hồ và trong các công viên,
(5) để hít thở khí trời sau một ngày bận rộn. Những
(6) trong veo mang lại nét thanh bình êm ả cho chốn
(7) đông đúc, bon chen.

(Theo Võ Thị Ánh Hồng)

Câu 3. Gạch dưới bộ phận vị ngữ trong mỗi câu sau :

a) Kênh Vĩnh Tế dài gần 100km, nối liền tỉnh Châu Đốc (cũ) với vịnh Thái Lan.

b) Đây là kênh đào đầu tiên ở nước ta, cũng là con kênh lớn nhất và quan trọng nhất miền Nam.

c) Công việc chỉ huy đào kênh được giao cho Thoại Ngọc Hầu, tức Nguyễn Văn Thoại, quan trấn thủ Vĩnh Thanh (gồm các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long và Kiên Giang ngày nay).

d) Ông là một danh tướng thời Nguyễn, cũng là người có công mở mang nhiều vùng đất ở miền Nam.

e) Ngày nay, khu lăng mộ Thoại Ngọc Hầu và phu nhân nằm không xa dòng kênh Vĩnh Tế.

Câu 4. Em hãy viết phần mở đầu và phần kết cho đoạn văn sau :

Bức tường yêu thương

Bức tường là nơi tôi quay mặt vào "ăn vạ" mỗi khi không được bố mẹ mua cho đồ chơi mới.

Bức tường chính là "người" nghe tôi nói những từ "ma ma", "bà bà" đầu tiên và cũng là nơi để tôi trốn bố mẹ mà mút tay chùn chụt.

Bức tường là chiếc bảng để tôi tập viết những chữ cái đầu tiên cùng đủ hình thù ngộ nghĩnh mà tôi có thể nghĩ ra được.

Bức tường là người bạn luôn lắng nghe những tâm sự của tôi mà không bao giờ kêu ca, phàn nàn gì hết.

(Theo Nguyễn Mai Phương)

Câu 5. Viết bài văn miêu tả ngôi nhà thân yêu của em.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Mùa ổi

Đầu thu có cảnh ổi ngoài cửa sổ, ruột đỏ hồng đào, thơm đến ngẹt mũi. Có những quả ổi chín vàng chim ăn dở thì thoảng rụng bị bồm xuống mặt cái ao nhỏ ngày mưa nước dập dềnh... Ngay lối đi là cây ổi mỡ cao gấp hai, ba đầu người, thân trơn nhẵn thín, vỏ quả xanh nhạt, ruột trắng như mỡ, cắn một miếng chín mềm, giòn ngọt... Ba cây ổi Tầu thấp lè tè, quả to hơn vốc tay, xanh thô xù xì như da cóc, cắn giòn sần sật. Cây ổi kia quả nhỏ hơn, chả biết gọi là ổi gì, cắn vào thịt quả ương ương giòn giòn, vỏ xanh, thấy còn hơi chát chát. Vừa ăn vừa nhả vỏ ra vườn. Thình thoảng ném vèo vèo vài quả còn xanh, rần cằng cằng xuống dưới mặt ao tòm tòm. Nghe như tiếng cá chuối đập mỗi...

Ổi củ thế chín đến hết mùa thu, cho đến những ngày dứt hẳn những cơn mưa rào, đàn chào mào bỏ đi, đàn chim ngói bay về, và cánh đồng trước nhà đã trơ khô những gốc rạ. Khi heo may hanh hao bắt đầu thổi qua những khu vườn, những mái ngói, khi người già bắt đầu quàng thêm khăn, khi trời chớm lạnh... thì những mùa ổi qua đi.

(Theo Phạm Trung Kiên)

- Đoạn văn miêu tả mấy loại ổi khác nhau ? Là những loại ổi nào ?
- Tác giả sử dụng những từ ngữ chỉ màu sắc nào để miêu tả các loại ổi ?
- Những hình ảnh nào trong đoạn văn cho thấy tiết thu đã trôi qua và mùa đông đến ?

Câu 2. Tìm các từ láy trong đoạn văn sau và xếp chúng vào các nhóm :

(a) Láy âm đầu và vần ; (b) Láy âm đầu ; (c) Láy vần.

Ba cây ổi Tàu thấp lè tè, quả to hơn vốc tay, xanh thô xù xì như da cóc, cắn giòn sần sật. Cây ổi kia quả nhỏ hơn, chả biết gọi là ổi gì, cắn vào thịt quả ương ương giòn giòn, vỏ xanh, thấy còn hơi chát chát. Vừa ăn vừa nhả vỏ ra vườn. Thỉnh thoảng ném vèo vèo vài quả còn xanh, rần cằng cằng xuống dưới mặt ao tôm tôm. Nghe như tiếng cá chuối đập mỗi...

Câu 3. Gạch dưới trạng ngữ trong các câu sau. Cho biết những trạng ngữ nào là trạng ngữ chỉ thời gian ?

Với tôi, chỉ riêng cây mít ấy đã đủ là một khu vườn. Ông tôi bảo nó được trồng từ thời cụ tôi. Khi tôi lớn lên, cây mít đã vươn cao lừng lững giữa vườn. Thân cây to đến độ phải hai, ba đứa trẻ dang tay ôm mới kín. Mùa đông, lá vàng rụng xuống san sát trên nền đất. Mùa xuân, lá non bắt đầu ra. Đến mùa hạ, lá mít xanh đen toả kín một góc vườn.

(Theo Nguyễn Tinh Xuyên)

Câu 4. Đoạn văn sau tả gì ? Đoạn văn có mấy ý chính ? Em hãy viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng để tạo thành bài văn.

Đến mùa lúa chín, người ta dựng những người rơm đầu đội nón lá, mình mặc áo, dang hai tay, lắc qua lắc lại theo gió để đuổi chim. Mỗi người rơm đứng một góc ruộng, lỗ nhố đầy đồng. Từ người này qua người khác có chuyển một sợi dây và dưới bụng mỗi người rơm có buộc một chùm lon.

Những bầy chim chẳng biết từ đâu nghe hương lúa chín kéo đến đen đặc cả trời. Nếu không có ai đuổi chim, chúng sẽ sà xuống và chẳng mấy chốc cả cánh đồng sẽ chỉ còn trơ những nhánh không. Nếu có người rơm, từ xa người ngồi trong chòi giật dây, những người rơm xập xụng hai cánh tay, rồi như hò la dậy lên bằng những chùm lon khua. Bầy chim giật mình kêu ré, rồi như một đám lá bị bão thổi ngược lên, bay tan tác tả tơi.

(Theo Nguyễn Quang Sáng)

Câu 5. Viết đoạn văn miêu tả ngày Tết ở gia đình em.



Câu 1. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi.

Cây đại trước hiên nhà

Này, cây đại trước hiên nhà
Lặng lẽ xanh và lặng lẽ hoa
Có ông lão nhìn cây ướm tuổi
Ai biết đời cây lặng lẽ già.

Lặng lẽ cả khi vượn trời cơn bão
Cái cây vẫn đứng như là bình yên
Bầy trẻ nhỏ nhặt hoa rơi quanh gốc
Nhặt cả xác ve sầu ướt sũng mưa đêm.

Lặng lẽ cả khi mùa lá úa
Chiếc lá rơi tiếc nuối trong chiều
Cây gầy guộc khô cằn quá thể
Gió run cành lạnh công tiếng chim kêu.

Ngôi nhà cũ thay cổng và thay mái
Cây đại già vẫn đó chẳng dời đi
Lặng lẽ đời cây chìm vào góc khuất
Có thể nhìn cây gạn lọc được điều gì.

(Theo Nguyễn Đức Mậu)

- a) Đặc tính nổi bật nhất của cây đại trong bài thơ là gì ? Vì sao em biết điều đó ?
- b) Hình ảnh cây đại mùa đông và cây đại mùa mưa bão được miêu tả như thế nào ?
- c) Tác giả muốn nói điều gì qua câu thơ "Có thể nhìn cây gạn lọc được điều gì." ?

Câu 2. Những từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ "thanh bình" ?

thanh thản, thanh tịnh, hoà bình, bình dị, thái bình, bình yên, bình thường

Câu 3. Tìm những câu ghép có dùng quan hệ từ trong đoạn văn sau, và cho biết những quan hệ từ đó biểu thị ý nghĩa gì.

Tên thật của nó là Nguyễn Minh Long. Nhưng sau lần nghe nó thổ lộ những mơ ước tương lai, Quý "ròm" liền hứng chí sửa tên nó thành... Tiểu Long. Thằng Quý sửa tên nó cốt để chế giễu nhưng tại bạn bắt chước gọi theo, riết thành quen miệng. Tiểu Long chẳng lấy thế làm buồn phiền. Nếu có buồn thì nó chỉ buồn một nỗi là chẳng thể kết hợp một học sinh giỏi với một võ sinh xuất sắc trong một con người. Ông bà nói "Văn ôn võ luyện". Nhưng nó chỉ khoái mỗi khoản "luyện võ", còn chuyện "ôn văn" đối với nó chẳng khác nào một cục hình.

(Theo Nguyễn Nhật Ánh)

Câu 4. Đọc đoạn truyện sau và trả lời câu hỏi:

Sáng sớm, Vịt Trắng và Vịt Nâu lạch bạch đến nhà Gà, gõ cửa gọi :

– Ban Gà ơi, dậy đi ! Mau ra bờ ao chúng tớ giúp bạn tập bơi !

Tiếng Gà nói vọng ra :

– Tớ không có ở nhà đâu !

(Theo Vũ Tú Nam)

a) Lời đáp của Gà nói lên điều gì về nhân vật này ?

b) Theo em, Vịt Trắng và Vịt Nâu nên đáp lại câu trả lời của Gà thế nào ?

Câu 5. Em hãy kể lại câu chuyện đã nghe, đã đọc, sau đó ghi lại dàn ý câu chuyện vừa kể.



Câu 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Buổi sáng mùa hè trong thung lũng

Rừng núi còn chìm đắm trong màn đêm. Trong bầu không khí đầy hơi ẩm và lạnh lạnh, mọi người đang ngon giấc trong những chiếc chăn đơn. Bỗng một con gà trống vỗ cánh phành phạch và cất tiếng gáy lanh lảnh ở đầu bản. Tiếp đó, rí rác khắp thung lũng, tiếng gà gáy râm ran. Mấy con gà rừng trên núi cũng thức dậy gáy te te.

Trên mấy cây cao cạnh nhà, ve đua nhau kêu ra rả. Ngoài suối, tiếng chim cuốc vọng vào đều đều... Bản làng đã thức giấc. Đó đây, ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rí rầm, tiếng gọi nhau í ới.

Tầng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượi. Khoảng trời sau dãy núi phía đông ửng đỏ. Những tia nắng đầu tiên hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi phía tây những vệt sáng màu lá mạ tươi tắn...

Nắng vàng lan nhanh xuống chân núi rồi rải vội lên đồng lúa. Bà con xã viên đã đổ ra đồng. Trên những ruộng lúa chín vàng, bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô, tiếng nói tiếng cười rộn ràng.

Mặt trời nhô lên cao, ánh nắng mỗi lúc một gay gắt. Dọc theo những con đường mới đắp, vượt qua một chiếc cầu gỗ bắc qua suối, từng tốp nam nữ thanh niên thoăn thoắt gánh lúa về sân phơi, tiếng cười giòn tan vọng vào vách đá.

(Theo Hoàng Hữu Bội)

- Những chi tiết nào trong đoạn văn cho ta biết đây là khung cảnh “buổi sáng”, “mùa hè”, “trong thung lũng” ?
- Buổi sáng mùa hè trong thung lũng bắt đầu bằng rất nhiều âm thanh. Em hãy tìm những câu văn miêu tả các âm thanh đó.

- c) Khung cảnh thiên nhiên không thể thiếu bóng dáng con người. Em hãy tìm những hình ảnh miêu tả hoạt động của người dân vùng thung lũng trong bài văn.

Câu 2. Gạch dưới các từ láy tượng thanh trong nhóm từ sau :

phành phạch, bộp bùng, nhấp nhô, lạnh lạnh, thoăn thoắt, râm ran, te te, ra rà, gay gắt, đều đều, rì rầm, í ới, tươi tắn, rộn ràng, mênh mông.

Câu 3. Điền *nhỉ* hoặc *nhé* vào các câu sau cho thích hợp, sau đó phân biệt : Câu nào là câu hỏi ? Câu nào là câu khiến ?

- a) Phương làm món gì mà thơm thế ?
b) Mai, bạn đến đây rồi ta cùng đi !
c) Hoa ơi, đến chợ Ngọc Hà thì rẽ phải ở ngã tư thứ hai, đúng không ?
d) Khi nào đi thư viện, nhớ báo trước để mình biết với !
e) Tuần sau, anh em mình sẽ đi thăm bác An, Lan ?
g) Mẹ cho con mua quyển "Đồ rê mon" !

Câu 4. Tìm ý của đoạn văn sau :

Động Phong Nha

Động Phong Nha có rất nhiều nhánh với chiều dài lên đến khoảng trên 20km. Cửa động rộng khoảng 20m, cao 10m, có nhiều nhũ đá. Bơi thuyền qua cửa động, bên trong động rộng như một cái bát úp trên mặt nước. Nước sông trong và phẳng lặng như mặt gương. Động chính của động Phong Nha gồm 14 buồng nối liền nhau bởi một hành lang nước dài đến 1500m. Từ buồng thứ 14, ta còn có thể theo những hành lang hẹp khác đi vào sâu hơn nữa. Thuyền ngược dòng độ 800m thì đến chỗ cạn gọi là Hang nước cạn : nước biến đi nhường chỗ cho đá và cát. Nhũ đá từ trên rủ xuống, măng đá từ dưới nhô lên như cây rừng với nhiều hình dáng kì lạ kích thích trí tưởng tượng của con người.

(Theo Tạp chí Du lịch)

Câu 5. Viết phần mở đoạn và phần kết đoạn cho đoạn văn trên.



Câu 1. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi.

Chợ hoa

Chợ hoa có đủ sắc màu
Bao nhiêu hoa thắm từ đâu tụ về ?
Cúc vàng đọng nắng miền quê
Cành đào chớm nụ như khoe với người
Hoa đồng tiền tựa môi cười
Hoa huệ trắng dáng áo dài thướt tha
Hoa hồng níu bước người qua
Đâu đây cơn gió như là tấm hương
Này hoa thược dược, lay đơn
Chợ hoa kết những chuỗi cườm đẹp xinh
Bé theo chân mẹ vòng quanh
Hoa theo chân bé nổi thành đường hoa.

(Theo Nguyễn Đức Mậu)

- Bài thơ giới thiệu mấy loài hoa ? Là những loài hoa nào ?
- Hãy tìm những câu thơ sử dụng biện pháp nhân hoá. Biện pháp này có tác dụng gì khi miêu tả các loài hoa ?
- Trong bài thơ, tác giả liên tưởng hình ảnh “cúc vàng” với “nắng miền quê”; “hoa đồng tiền” với “môi cười”, “hoa huệ trắng” với “áo dài thiết tha”. Dựa vào đâu tác giả có được những liên tưởng như vậy ?

Câu 2. Em hãy cho biết, câu nào dưới đây dùng từ *cánh* với nghĩa gốc, câu nào dùng từ *cánh* với nghĩa chuyển ?

- a) Lại không, rõ ràng hai đồ vật vừa vào sới, vươn cái lưng to bè như *cánh* phan, đương vồn lượn mình, cùng móc tay rồi múa lên đình.
- b) Chiếc hoa tím, *cánh* cụp thì đậm, *cánh* nở thì phai.
- c) Trên trời, một đàn chim đang *cánh* bay mãi miết.

Câu 3. Xếp các từ in đậm trong đoạn văn sau vào bảng phân loại ở bên dưới.

Hai bà cháu đã **đi** đến cây đa đầu làng. Mỗi hôm nào, giữa **trưa** nắng hè, những quả đa **chín vàng** rụng lộp độp, **rơi** cả xuống đất. **Nhưng** không phải tự dưng có **quả đa** rơi đâu. Trên cao cao kia, những con **chim** bồ các **đứng** len lỏi rúc trong những đám lá đa **tìm** ăn quả đa chín. Thế mà **gió bắc** về lúc nào không biết. Cây đa **cổ thụ** kia đã **trơ trọi** cả lá chỉ còn nghe tiếng gió ả ả. Những con quạ **phờ phạc** trong hốc đa **tung** cánh bay ra, thế là lại đến Tết.

(Theo Tô Hoài)

Động từ	Danh từ	Tính từ	Quan hệ từ
Ví dụ : đi ,	trưa ,	trơ trọi ,	nhưng ,
.....			
.....			
.....			

Câu 4. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Hai ông cháu tôi đang tưới cây thì bà đi chợ về. Trong làn kiu kịt bao nhiêu là thứ. Bà thở dốc, mặt tái tái và trán lấp dấp mồ hôi. Ông bảo bà bị cảm nắng và cuống quýt lấy khăn ẩm lau mồ hôi, đánh gió cho bà. Một lúc thì bà bảo : " Tôi đỡ nhiều rồi. Để tôi dậy đi làm cơm cho lũ trẻ kéo chúng đói lắm rồi !". Ông cháu tôi cùng đáp : "Bà nằm nghỉ đi ! Thù để cho ông cháu tôi trở tài nấu bếp một hôm xem nào !". Bà đồng ý, nhưng rồi đến bữa, bà phải cười chảy nước mắt

vì những món đặc sản có một không hai của mấy ông cháu tôi : món thịt chiên cháy đen, món cá rán nát nhừ, món canh thừa muối, mặn đến rớt lưỡi... Bà bảo : " Lỗi tại bà rồi. Để bà phải dạy lũ cháu gái môn nữ công gia chánh mới được.". Ông gật gù : "Bà nói có lí. ".

(Theo Lê Duy)

- a) Đoạn văn trên là văn miêu tả hay văn kể chuyện ?
- b) Nhân vật chính trong đoạn văn là những ai ? Tính cách các nhân vật được miêu tả như thế nào ?
- c) Viết phần mở đoạn và phần kết đoạn cho đoạn văn.

Câu 5. Viết một đoạn văn kể lại một kỉ niệm đáng nhớ trong gia đình em.



Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Đang kia, các cụ lão bà đương dỡ ra những nải đại cơm gạo ré thơm phức. Lá chuối ngự đã hơi sẫm xếp lên những chiếc mo cau mỏng vàng cứng như khăn lá mộc. Rồi từng nắm cơm mịn bọc lá chuối mở ra đặt lên mâm bông chen cạnh một chồng bánh dày trắng mịn, bên những chiếc bánh chưng vuông vắn. Hàng chục cái cối gỗ mít lớn còn đương bi bạch già thêm bột bánh. Chè kho quấy xong đổ ra để nguội trên những chiếc nia lớn để cắt khúc. Bánh dày ăn với chè kho mát mía ráo như ngói phẳng phất mùi thảo quả. Bánh dày chè kho rắc vừng để dành đến cả tháng, bánh vẫn dẻo, chè vẫn vàng óng... Cối giò hoa, giò lụa, giò mỡ, gói thành chiếc, kẹp hai thanh tre nẹp, treo như lợn con lủng liểng đều một chuỗi dài từng trăm chiếc. Chỉ trông màu lạt tươi lạt chín mới phân biệt được giò luộc rồi hay chưa. Còn chả ướp quế thì đặc biệt không rán. Miếng chả quế đắp vòng quanh cái ống bương to như cột. Bếp xếp từng thanh

cùi núi đá than hoa đượm cả buổi đương rực hồng. Cái ống đắp miếng chả quế cú quay đều trên lửa cho đến khi màu vàng hoa sẫm rộp lên, toả thơm ngọt mùi quế ngậy sánh như mật ong.

(Theo Tô Hoài)

- Đoạn văn miêu tả những món ăn truyền thống nào của người Việt Nam ? Hãy tìm những chi tiết tả đặc điểm riêng của từng món ăn.
- Tìm những hình ảnh so sánh xuất hiện trong đoạn văn. Em thích hình ảnh nào nhất ? Vì sao ?
- Dựa vào đoạn văn, em hãy miêu tả cách làm giò và cách làm chả quế.

Câu 2. Tìm từ trái nghĩa với các từ sau :

- | | | |
|-------------|-------------|-------------------|
| a) (lá) non | b) may mắn | c) được mùa |
| d) giàu có | e) tươi tốt | g) (mặt trời) mọc |

Câu 3. Những từ (cụm từ) in nghiêng trong các câu sau, từ (cụm từ) nào là bộ phận vị ngữ ? Đánh dấu ✓ vào ☐ đúng :

Bộ phận vị ngữ

- | | |
|---------------------------------------|--------------------------|
| – Trời hôm nay <i>rất xanh</i> . | ☐ |
| – <i>Bạn Hoà</i> cao bằng bạn Quang. | ☐ |
| – Em đi cửa hàng <i>để mua sách</i> . | ☐ |
| – Tôi <i>đi học bằng xe đạp</i> . | ☐ |
| – Bà ngoại em <i>là nông dân</i> . | ☐ |

Câu 4. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.

Chiếc áo mới ngày xuân

Tôi nhớ mãi ngày mẹ mua cho tôi chiếc áo mới vào ngày Tết, chiếc áo vải dày nhưng sờ vào rất mát.

Cả đêm đó, dù không phải thức canh nồi bánh chưng nhưng tôi vẫn cố canh cho mình đừng ngủ. Tôi chỉ sợ nếu nhắm mắt vào thì chiếc áo mới sẽ bị ai đó lấy mất, hoặc rất có thể nó sẽ không cánh mà bay.

Đêm giao thừa, mẹ bảo mặc áo mới trước giò bố thắp hương. Tôi cầm cái áo trên tay hít hà mùi vải mới, vừa muốn mặc lên người mà vừa không nỡ. Cứ tần ngần đến lúc bố phải nhắc đến lần thứ ba. Dù chiều đã đun nước hương bưởi để tắm gội tất niên, nhưng từ khi mặc áo mới, tôi chỉ ngửi thấy trên cơ thể mình một mùi thơm rất lạ. Có lẽ đó là mùi của niềm vui trong trẻo thào lên mười.

Sau này, khi cuộc sống đã bớt khó khăn, Tết nào mẹ cũng sắm cho ba anh em tôi quần áo mới. Tuy nhiên, dù giá những bộ quần áo đó có cao hơn, chất vải có tốt hơn, tôi vẫn yêu chiếc áo mới thời khó, năm nào.

(Theo Vũ Thị Huyền Trang)

- a) Tìm phần mở bài và phần kết bài của bài văn. Phần mở bài được viết theo kiểu trực tiếp hay gián tiếp ? Phần kết bài được viết theo kiểu mở rộng hay không mở rộng.
- b) Ghi lại các ý chính của phần thân bài.

Câu 5. Hãy viết một đoạn văn kể về niềm vui của em khi được bố mẹ mua cho một chiếc áo (đồ chơi, đồ dùng học tập) mới.

GỢI Ý GIẢI ĐÁP – ĐÁP ÁN

PHẦN MỘT ÔN TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CUỐI CẤP TIỂU HỌC

I – CẤU TẠO CỦA TIẾNG

Bài tập 1. Câu a, b (Học sinh tự làm.).

Câu c :

Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh
rùng	r	ưng	huyền
vắc	v	ắc	sắc
vè	v	e	hỏi
yên		yên	ngang
ắc		ắc	sắc

Bài tập 2. Cấu tạo vần của từng tiếng trong câu ca dao :

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
gió		o	
đưa		ưa	
cành		a	nh
trúc		u	c
la		a	

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
đà		a	
tiếng		iê	ng
chuông		uô	ng
Trấn		ã	n
Vũ		u	
canh		a	nh
gà		a	
Thọ		o	
Xương		ươ	ng

Bài tập 3. Các tiếng bắt vần với nhau : chẳng – khăng khăng.

II – CẤU TẠO CỦA TỪ

1. Từ đơn – Từ phức

Bài tập 1. a) Rung rinh/ chùm/ quả/ mùa xuân

Nhìn/ xa/ thì/ ấm./ nhìn/ gần/ thì/ no

Quả/ nào/ quả/ ấy/ tròn vo

Cành/ lá/ cành/ bông/ thơm tho/ khắp/ vườn.

b) Các từ đơn : chùm/ quả/ nhìn/ xa/ thì/ ấm/ nhìn/ gần/ thì/ no/ quả/ nào/ quả/ ấy/ cành/ lá/ cành/ bông/ khắp/ vườn.

c) Các từ phức : rung rinh/ mùa xuân/ thơm tho/ tròn vo.

d) Từ phức *mùa xuân*, *tròn vo* do các tiếng có nghĩa tạo thành ; từ phức *rung rinh*, *thơm tho* do những tiếng có âm đầu lặp lại tạo thành.

Bài tập 2. M : – Từ đơn : nóng, lạnh, rét, ấm, mát.

– Từ phức : nóng bức, lạnh giá, rét buốt, ấm áp, mát mẻ.

Bài tập 3. (Học sinh tự làm.)

Bài tập 4. M : a) *mưa* gió, b) nắng *nôi*, c) *gió* bão, d) mưa *bão*.

2. Từ ghép – Từ láy

Bài tập 1. Từ ghép : núi rừng, chào đón.

từ láy : lạnh lạnh, chót vót, rộn rã.

Bài tập 2. M :

Tiếng	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy
nhỏ	nhỏ bé, nhỏ xinh	nhỏ nhắn, nhỏ nhỏ
đẹp	tốt đẹp, tươi đẹp	đẹp đẽ, đẽm đẹp
chăm	chăm ngoan, chăm sóc	chăm chỉ, chăm chăm

Bài tập 3. (Học sinh tự làm.)

Bài tập 4. Phân loại như sau :

Từ ghép có nghĩa tổng hợp	Từ ghép có nghĩa phân loại
hoa quả, hoa lá	hoa hồng
ruộng vườn	vườn rau, vườn cây
mưa gió, mưa bão	mưa rào
lúa gạo, lúa ngô	lúa nếp

Bài tập 5. Các từ láy : chon von, thấp thoáng, lóc cóc, len lỏi, chênh vênh.

Bài tập 6. Phân loại như sau :

Từ láy âm	Từ láy vần	Từ láy cả âm và vần
lạ lùng, thênh thang, bập bênh, xù xì, ngo ngác, chen chúc, mập mạp, hồng hào, lỏng lánh, rục rĩ	lác đác, lất phất, lộp độp, lẩn tẩn	nhè nhẹ, thênh thênh, lành lạnh, lỏng lẻo, lay láy, mạn mớn

Bài tập 7. Các từ *mệt mỏi, nóng nực, sấm sét; dẫn dắt* đều là từ ghép.

III – CÁC TỪ LOẠI CHỦ YẾU

1. Danh từ

Bài tập 1. Phân loại như sau :

Danh từ chỉ sự vật	Danh từ chỉ hiện tượng	Danh từ chỉ khái niệm	Danh từ chỉ đơn vị
tiếng, sè, ve, đồng, lúa, cầu	mưa	hè, mùa	cơn, bông

Bài tập 2. Các danh từ chỉ khái niệm : giao thừa, Tết, quá khứ, tương lai, xuân, thu.

Bài tập 3. (Học sinh tự làm.)

Bài tập 4. (Học sinh tự làm.)

Bài tập 5.

Câu	Danh từ chung	Danh từ riêng
a	khúc, sông, sách, xưa	(Sông) Rừng, Bạch Đằng Giang, Vân Cù
b	ngày, chợ phiên, người, bản làng, rừng, chợ	Trường Sơn, (người) Nguồn, (người) Sách, (người) Vân Kiều, (người) Xô, (người) Xêk, (người) Bru
c	dưa hấu, giống, dưa, gốc, cát	Nam Bộ, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Biên Hoà, Trảng (Trảng Bàng, Tây Ninh)

Bài tập 6. (Học sinh tự làm.)

2. Động từ

Bài tập 1. – Động từ chỉ hoạt động : vác, đẩy, đi về, làm, vật.

– Động từ chỉ trạng thái : quay, thua.

Bài tập 2. (Học sinh tự làm.)

Bài tập 3. – Một con cáo *đang* bị thợ săn đuổi bắt.

- Tao đã cứu mày thoát chết mà sao chẳng nghe được một lời cảm ơn ?
- Tôi sẽ đời ơn ông vô cùng, nếu lời nói và cử chỉ của ông không khác nhau.

Bài tập 4. Các từ không cùng nhóm (được in đậm) :

- a) hát, múa, thêu, đan, vẽ, viết, đọc, **vui**
- b) chạy, nhảy, **mệt**, tìm, xếp, dọn, quét, giặt
- c) ăn, uống, nấu, khâu vá, cày, cấy, **lúa**
- d) nghe, nhìn, **việc**, nhìn, nắm, nắm, đoán

Bài tập 5. Khác nhau : nặn, cuốc là các động từ chỉ hoạt động ; bay, trôi là các động từ chỉ trạng thái.

Bài tập 6. (Học sinh tự làm.)

3. Tính từ

Bài tập 1. Các tính từ : nóng bức, ngọt ngào, mát, nhẹ tênh, đầy, sạch sẽ, thoáng mát, dễ chịu, đồ bưng, nặng.

Bài tập 2. Cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất trong mỗi câu :

Câu	Thêm <i>rất, quá, lắm</i>	Tạo ra các từ ghép hoặc từ láy	Tạo ra phép so sánh
a		xanh nõn nà	thêm đỏ chói
b	rất dễ thương	nhỏ li ti	
c			rục rở hơn
d	rất kiêu ngạo		đẹp nhất

Bài tập 3. M :

Từ	Thêm các từ <i>rất, quá, lắm,...</i>	Tạo ra các từ ghép hoặc từ láy	Tạo ra phép so sánh
<i>tròn</i>	rất tròn, tròn quá, ...	- tròn xoe, tròn vo - tròn tròn, tròn trịa	tròn như bi, tròn như quả bóng,...
<i>chậm</i>	rất chậm, chậm lắm,...	- chậm rãi, chậm trễ - chậm chạp, chậm chạp	chậm hơn, chậm nhất, chậm như sên,...
<i>hiền</i>	rất hiền, hiền lắm	- hiền thảo, hiền lành - hiền hiền	hiền như hạt lúa củ khoai, hiền như Bụt
<i>sáng</i>	sáng quá, sáng lắm	- sáng chói, sáng quắc - sang sáng, sáng sủa	sáng hơn, sáng nhất, sáng như sao,...

Bài tập 4. M :

- a) Trăng đêm rằm *sáng* vằng vặc.
- b) Cánh đồng mùa gặt *vàng* rực.
- c) Toà nhà mới xây *cao* ngất trời.

Bài tập 5. (Học sinh tự làm)

4. Đại từ

Bài tập 1. Đại từ xưng hô (được in đậm) :

Thằng Chiến mãi mê kể chuyện cô giáo diu dặt **nó** học văn. **Nó** khoe :

– Cô giáo bày cho **tớ** làm thơ nữa nhé. **Tớ** làm được khối bài. Nhưng mà thôi, **cậu** xem làm gì, **tớ** viết dở lắm !

Kệ **nó** nói, **tôi** cứ giờ ra. Một bài, hai bài, ba bài... Ái chà ! Khá thật ! **Nó** làm được hơn hai chục bài rồi.

Bài tập 2. Những đại từ có trong đoạn văn ở bài tập 1 :

- a) Những đại từ chỉ mình (người nói) : **tớ**, **tôi**.
- b) Đại từ chỉ người nghe : **cậu**.
- c) Đại từ chỉ người được nhắc đến : **nó**.

Bài tập 3. Đại từ có trong mỗi câu như sau :

Câu a : đại từ **nó** được dùng để thay thế cho từ **nước**.

Câu b : có đại từ **tôi** (được dùng 2 lần) và đại từ **vậy**. Đại từ **vậy** được dùng thay thế cho cụm động từ **thích chơi bóng bàn**.

Câu c : đại từ **thế** được dùng để thay thế cho từ **tim tím**.

Bài tập 4. Những danh từ chỉ người (in đậm) đã được dùng làm đại từ :

Sáng chủ nhật, Phong xách chiếc đài bán dẫn tới trước mặt bố khoe :

– **Bố** ơi ! **Con** vừa tháo đài ra rồi lắp vào để tìm hiểu bên trong thế nào.

Bố Phong hốt hoảng nhìn con, hỏi :

– Vậy **con** có đánh rơi mất linh kiện nào không ?

– Không hề mất một linh kiện nào cả. – Phong xoè bàn tay có đến hơn chục linh kiện ra trước mặt bố. – **Con** đã lắp xong tinh tươm rồi mà vẫn còn thừa chỗ này, **bố** thấy **con** giỏi không ?

Bài tập 5. M : ông – cháu, bà – cháu, bố – con, mẹ – con, bác – cháu, cậu – cháu, dì – cháu, chị – em, anh – em,...

5. Quan hệ từ

Bài tập 1. Các từ được in đậm là quan hệ từ.

- a) Em tôi đã viết được đoạn văn dài **và** hay.
- b) Về đến nhà, tôi mới biết mình cầm nhầm vở **của** bạn.
- c) Nó với tay lấy cuốn truyện **để** đọc.
- d) Tôi ở lại mảnh đất này **với** mẹ tôi.

Bài tập 2. M :

- a) Hồ **tuy** đẹp **nhưng** bất chợt thường có những xoáy nước rất mạnh.
- b) **Mặc dù** đã sang thu **nhưng** bãi biển Sầm Sơn vẫn đông người.
- c) Thủy Tinh dâng nước lên **bao nhiêu**, Sơn Tinh lại nâng núi cao **bấy nhiêu**.
- d) **Vì** trời nắng như đổ lửa **nên** cây cối trong vườn héo rũ.

Bài tập 3. – Câu a : từ **và** là quan hệ từ ; câu b : từ **hay** là quan hệ từ. (Quan hệ từ trong câu a và b dùng để nối các từ hoặc cụm từ trong câu.)

– Câu c : từ **nhưng** là quan hệ từ ; câu d : từ **vậy mà** là quan hệ từ. (Quan hệ từ trong câu c và câu d dùng để nối 2 câu với nhau.)

Bài tập 4. (Học sinh tự làm.)

Bài tập 5. (Học sinh tự làm.)

IV – NGHĨA CỦA TỪ

1. Từ đồng nghĩa

Bài tập 1. Các dòng a, c, d chỉ gồm các từ đồng nghĩa :

a) buồn, sầu, tủi ; c) nhiều, đông, đầy ; d) êm đềm, êm ả, êm dịu.

Bài tập 2.

a) Tranh phố Hà Nội của họa sĩ Bùi Xuân Phái được **nhiều** người yêu thích.

b) Hôm nay là Chủ nhật, Viện Bảo tàng rất **đông** khách tham quan.

c) Vào cuối hè, đầu thu, những trái sấu chín rơi **đầy** hè phố Hà Nội, lăn tròn theo những bước chân.

d) Đến với Viện Bảo tàng Mĩ thuật Hà Nội, người xem được chiêm ngưỡng **nhiều** hiện vật gốc, hiện vật phục chế và những phiên bản nghệ thuật.

Bài tập 3.

a) Tiếng ru **dịu êm** của mẹ nuôi dưỡng tâm hồn con suốt thuở ấu thơ.

b) Tôi đã ngủ say trong chăn đệm **êm ả**.

c) Ngọn khò lam chiều gợi về **êm đềm** của cuộc sống nơi làng quê.

Bài tập 4.

ít	Không thấy hoặc ít thấy cò (người).
thưa	Có ít và cách xa nhau.
vắng	Có số lượng nhỏ hoặc ở mức thấp.

Bài tập 5. Có 2 nhóm từ đồng nghĩa :

- Nhóm từ đồng nghĩa chỉ thái độ đối xử : lạnh nhạt, lạnh lùng, ghẻ lạnh.
- Nhóm từ đồng nghĩa chỉ thời tiết : lạnh lẽo, lạnh buốt, giá lạnh, rét buốt, giá rét.

2. Từ trái nghĩa

Bài tập 1. Câu d chứa 2 cặp từ trái nghĩa : chết – sống ; trong – đục.

Bài tập 2. – Lành ít dữ nhiều. (Có 2 cặp từ trái nghĩa : lành – dữ ; ít – nhiều)

- Kê cười người khóc. (Có 1 cặp từ trái nghĩa : cười – khóc)
- Nguồn đục, dòng cũng đục. (Không có từ trái nghĩa)
- Trong ấm ngoài êm. (Có 1 cặp từ trái nghĩa : trong – ngoài)

Bài tập 3. sướng – khổ ; đói – no ; lớn – bé ; nặng – nhẹ ; may – rủi ; nhiều – ít.

Bài tập 4.

- a) khiêm tốn – kiêu căng / kiêu ngạo / tự kiêu ;
- b) tiết kiệm – hoang phí / lãng phí / ... ;
- c) cẩn thận – cầu thả / ... ;
- d) nhọc nhằn – an nhàn / nhàn nhà / ...

Bài tập 5. (Học sinh tự làm.)

3. Từ đồng âm

Bài tập 1.

- a) *bấy*
 - Mẹ *bấy* các món ăn trên mâm trông rất đẹp mắt.
 - *Bấy* hươu nai rủ nhau ra suối uống nước.

b) *bàn*

- Lọ hoa loa kèn được đặt giữa *bàn*.
- Bố mẹ tôi *bàn* chuyện xây nhà mới.

c) *vây*

- Máy cò cá cảnh trong bể mùa *vây* rất yếu điệu.
- Bức tranh vẽ cảnh các em thiếu nhi *vây* quanh Bác Hồ.

d) *và*

- Em tôi biết *và* cơm bằng đũa.
- Tôi *và* Mạnh đều thích đá bóng.

e) *đổ*

- Anh tôi *đổ* đại học với số điểm rất cao.
- Chỉ sau mấy ngày hạt *đổ* đã nảy mầm.
- Xe *đổ* lại đón thêm khách.

g) *đông*

- Mùa *đông* sắp đến.
- Biển chiều nay *đông* người.
- Mẹ nấu món thịt *đông* rất ngon.
- Mặt trời mọc ở phương *đông*.

Bài tập 2. Từ đồng âm ở mỗi câu :

a) Bác bác trứng, tôi tôi voi.

Các từ *bác* và các từ *tôi* trong câu là những từ đồng âm :

-- Từ *bác* thứ nhất là từ xưng hô, từ *bác* thứ hai là động từ (làm chín thức ăn bằng cách đun nhỏ lửa và quấy cho đến khi sền sệt).

-- Từ *tôi* thứ nhất là từ xưng hô, từ *tôi* thứ hai là động từ (đổ nước vào để làm cho tan).

b) Ruối đầu mâm xôi đậu / Kiến bỏ đĩa thịt bò.

Động từ *đậu* trong “*ruối đậu*” (dừng ở chỗ nhất định) đồng âm với danh từ *đậu* trong “*xôi đậu*” (hạt đậu/ đồ để ăn).

c) Bún chả ngon.

Có 2 cách hiểu do sử dụng từ đồng âm :

- *chả* có nghĩa là *chẳng, không*
- *chả* có nghĩa là món ăn (nem chả, giò chả,...)

d) Hồ mang bò lên núi.

Có 2 cách hiểu do sử dụng từ đồng âm :

- (Rắn) hồ mang (đang) bò lên núi.
- (Con) hồ (đang) mang (con) bò lên núi.

e) Một nghề cho chín, còn hơn chín nghề.

Từ *chín* trong “*Một nghề cho chín*” là *tính thông* (tính từ) đồng âm với danh từ chỉ số lượng *chín* trong “*còn hơn chín nghề*”.

g) Con ngựa đá con ngựa đá, con ngựa đá không đá con ngựa.

– Trong câu, từ *đá* có lúc là động từ (hành động đưa nhanh chân và hất mạnh làm tổn thương đối phương), có lúc là danh từ (chất rắn cấu tạo nên vỏ trái đất, trong câu trên có nghĩa là : con ngựa bằng đá). Do vậy có thể hiểu theo những cách sau :

- Con ngựa (thật) đá con ngựa (bằng) đá, con ngựa (bằng) đá không đá con ngựa (thật).
- Con ngựa (bằng) đá, con ngựa (bằng) đá, con ngựa (bằng) đá không đá con ngựa (thật).

Trong những cách hiểu trên, cách hiểu thứ nhất là hợp lí hơn cả.

Bài tập 3. Các câu của bài tập 2 dùng từ đồng âm để chơi chữ : 2 câu của bài tập 3 chơi chữ bằng cách dùng từ cùng trường nghĩa (có thể hiểu là dùng các từ cùng chủ điểm).

4. Từ nhiều nghĩa

Bài tập 1. Nói 1 – b ; 2 – a ; 3 – d ; 4 – c.

Bài tập 2. a) Từ *biển* ở câu thứ nhất (Chiều nay *biển* lặng sóng) và từ *biển* ở câu thứ hai (Một *biển* người đi xem biểu diễn nhạc Rock) thể hiện hai nghĩa

khác nhau của một từ nhiều nghĩa. Hai từ nhiều nghĩa này đồng âm với từ *biển* ở câu thứ ba (Tấm **biển** quảng cáo trang trí rất bắt mắt).

b) Từ *tra* ở câu thứ nhất (Mọi người lên nương **tra** ngô cho kịp vụ mùa) và từ *tra* ở câu thứ hai (Bà **tra** muối vào canh rất vừa) thể hiện hai nghĩa khác nhau của một từ nhiều nghĩa. Hai từ nhiều nghĩa này đồng âm với từ *tra* ở câu thứ ba (Hà đang **tra** tù điển).

Bài tập 3. M : a) *ăn*

- Gióng *ăn* bảy nong cơm, ba nong cà.
- Tàu vào cảng *ăn* than.
- Nước *ăn* chân.

b) *mang*

- Cô giáo dẫn chúng em ngày mai *mang* giấy màu và hồ dán đến lớp.
- Cầu thủ *mang* áo số 7 đã sút thủng lưới đội bạn.
- Kết quả học tập của Dũng *mang* lại niềm vui cho cả nhà.

c) *đi*

- Bé Hoa mới biết *đi*.
- Bà tôi *đi* chợ.
- Hải *đi* một nước cờ rất thông minh.

V – CÂU TIẾNG VIỆT

1. Câu và các thành phần của câu

Bài tập 1. Nối : 1 – a ; 2 – c ; 3 – b.

Bài tập 2. Các bộ phận câu như sau :

a) Nơi đây, từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn. / trời / nóng hầm hập.
TR CN VN

b) Để trở thành kiên tướng bại lồi, / chi ấy / tập luyện rất chăm chỉ.

TR

CN

VN

c) Anh ấy / vượt qua mọi khó khăn, gian khổ / bằng nghị lực phi thường.

CN

VN

TR

d) Nhờ những lời động viên của mẹ, / tôi / đã biến ước mơ thành hiện thực.

TR

CN

VN

Bài tập 3. Bộ phận *trạng ngữ* của các câu :

a) Ngoài trời, / mưa rào rích không ngớt.

TR

b) Đêm đêm, / bên bếp lửa bập bùng, / các cụ già kể lại cho con cháu nghe ...

TR1

TR2

c) Ở Tây Nguyên, / suốt mùa phát rẫy tria lúa, cho đến khi cây lúa đơm bông, /

TR1

TR2

tiếng đàn

Bài tập 4. Câu kể *Ai làm gì ?* có trong đoạn văn :

- Mặt trời / từ từ nhô lên phía đằng đông, toả những tia nắng... xuống làng quê.

CN

VN

- Chi cô / vươn vai choàng tỉnh giấc.

CN

VN

- Chi / khẽ mỉm cười với món quà mà tao hoá ban tặng chi đêm qua.

CN

VN

Bài tập 5. Phân loại như sau :

Câu kiểu <i>Ai làm gì ?</i>	Câu kiểu <i>Ai thế nào ?</i>
- Cheo cheo dũi mũi xuống đất đào giun hoặc măm măm. - Có động, cheo cheo vểnh tai lên nghe ngóng.	- Cheo cheo hiền lành, nhút nhát nhưng xinh xắn nhất rừng. - Loài cheo cheo đi ăn cả ngày lẫn đêm.

Bài tập 6. Phân loại như sau :

Câu kể Ai là gì ? (câu giới thiệu)	Câu kể Ai là gì ? (câu nêu nhận định)
a) Chị tôi là vận động viên bơi lội. b) Sa Vỹ và Mùi Ngọc là hai đầu của đảo Trà Cổ.	c) Mẹ tôi là người phụ nữ quên mình vì chồng con.

Bài tập 7. M : a) Thiếu nhi là tương lai của đất nước.

b) Tre là loài cây có sức sống bền bỉ, kiên cường.

c) Đại bàng là một loài chim lớn.

d) Vịnh Hạ Long là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng.

2. Các kiểu câu theo cấu tạo (Câu đơn – Câu ghép)

Bài tập 1. Phân loại như sau :

– Các câu đơn :

a) Chôm chôm, xoài tương, xoài cát / mọc chen nhau.

CN

VN

b) Hoa lá, quả chín, những vật nấm ẩm ướt và con suối chảy thấm dưới chân/

CN

đưa nhau toả mùi thơm.

VN

– Các câu ghép :

c) Tiếng mưa / êm, // sợi mưa / đều như dệt.

CN1

VN1

CN2

VN2

d) Ở mảnh đất ấy, tháng giêng, tôi / đi đốt bãi, đào ổ chuột //; tháng tám nước

CN1

VN1

lên, tôi / đánh giã, úp cá, đơm tép... //

CN2

VN2

Bài tập 2. Xác định các vế câu như sau :

Câu	Vế câu thứ nhất	Từ nối 2 vế câu	Vế câu thứ hai
a	Chúng ta cần chọn thóc giống từ trước khi thu hoạch và phải bảo quản cẩn thận	để	lúa mùa sau có năng suất cao.
b	Chúng ta cần đổ khoai thành từng khoang xuống sàn đất	cho	khoai chóng khô ráo.

Bài tập 3. Những câu dưới đây là câu ghép chỉ mục đích :

- b) Mơ cố tỏ ra vui vẻ cho cha mẹ yên lòng.
- c) Tôi gắng làm lụng để con tôi có tương lai.
- e) Ngày nào ông tôi cũng làm cỏ, tưới nước cho cây mau lớn.

Bài tập 4. Xác định vế câu như sau :

- a) Dù trời mưa rất to/ nhưng học sinh lớp 5A vẫn đi học đủ.

Vế câu thứ nhất

Vế câu thứ hai

(Các vế câu được nối với nhau bằng cặp quan hệ từ *dù... nhưng...*)

- b) Cây cam tuy nhỏ/ nhưng quả rất sai.

Vế câu thứ nhất

Vế câu thứ hai

(Các vế câu được nối với nhau bằng cặp quan hệ từ *tuy... nhưng...*)

Bài tập 5. Chuyển đổi các vế câu như sau :

- a) Nó bị ngã liên tục vì đường trơn.
- Đường trơn nên nó bị ngã liên tục.
 - Vì đường trơn nên nó bị ngã liên tục.
 - Vì đường trơn cho nên nó bị ngã liên tục.

b) Cây phát triển tốt vì chúng tôi chăm bón chu đáo.

→ *Chúng tôi chăm bón chu đáo nên cây phát triển tốt.*

→ *Vì chúng tôi chăm bón chu đáo nên cây phát triển tốt.*

→ *Vì chúng tôi chăm bón chu đáo cho nên cây phát triển tốt.*

c) Chị ấy mang theo áo mưa vì trời âm u.

→ *Trời âm u nên chị ấy mang theo áo mưa.*

→ *Vì trời âm u nên chị ấy mang theo áo mưa.*

→ *Vì trời âm u cho nên chị ấy mang theo áo mưa.*

d) Đồng ruộng nứt nẻ vì nắng nóng kéo dài.

→ *Nắng nóng kéo dài nên đồng ruộng nứt nẻ.*

→ *Vì nắng nóng kéo dài nên đồng ruộng nứt nẻ.*

→ *Vì nắng nóng kéo dài cho nên đồng ruộng nứt nẻ.*

Bài tập 6. Chuyển đổi các vế trong câu như sau :

a) Ngô sẽ lên xanh nếu được trận mưa như mấy hôm trước.

→ *Nếu được trận mưa như mấy hôm trước, ngô sẽ lên xanh.*

→ *Nếu được trận mưa như mấy hôm trước thì ngô sẽ lên xanh.*

→ *Nếu như được trận mưa như mấy hôm trước, ngô sẽ lên xanh.*

b) Hồ cá sẽ thiếu nước nếu nắng nóng kéo dài.

→ *Nếu nắng nóng kéo dài, hồ cá sẽ thiếu nước.*

→ *Nếu nắng nóng kéo dài thì hồ cá sẽ thiếu nước.*

→ *Nếu như nắng nóng kéo dài, hồ cá sẽ thiếu nước.*

c) d) (Cách làm tương tự như trên.)

Bài tập 7. M : a) Trời tối sầm lại **và** gió thổi ào ào.

b) Cậu bé ra cổng trường đợi mẹ **nhưng** mẹ cậu vẫn chưa đến.

c) Người mẹ làm việc quần quật **còn** đưa con đi ăn với chơi.

d) Người đứng đợi dưới bến đã đông **mà** thuyền vẫn chưa sang.

Bài tập 8. M : a) Tiếng ve kêu râm ran. Hoa phượng nở đỏ rực.

b) Mùa hè đã hết. Nhưng hoa sen vẫn còn nở trong đầm.

c) Anh tôi cầm dây diều chạy trước. Tôi lịch lịch chạy theo sau.

d) Cảnh vật thơ mộng. Lòng người phơi phới.

3. Các kiểu câu theo mục đích nói

(Câu kể – Câu hỏi – Câu cảm – Câu khiến)

Bài tập 1. a) Hỏi đáp lửa chưa ? *(Câu hỏi, cuối câu đặt dấu chấm hỏi)*

b) Hỏi đáp lửa đi ! *(Câu khiến, cuối câu đặt dấu chấm than hoặc dấu chấm)*

c) Hỏi chưa đáp lửa. *(Câu kể, cuối câu đặt dấu chấm)*

Bài tập 2. Có thể viết được nhiều câu khác nhau.

M : (1) Trời mưa rồi. (2) Trời ! Mưa rồi ! (3) Trời ! Mưa rồi. (4) Mưa rồi, trời !
(5) Mưa rồi ! Trời ! (6) Trời mưa rồi ? (7) Mưa rồi ? Trời !

Bài tập 3. Giải thích như sau :

(1) Bạn tên là gì ?	– Đây là câu hỏi. Cuối câu hỏi phải đặt dấu chấm hỏi.
(2) Hãy nói cho cho tớ biết bạn tên là gì.	– Đây là câu khiến. Cuối câu khiến đặt dấu chấm hoặc dấu chấm than.

Bài tập 4. a) Cô ơi, cô có biết nhà bác Hạnh ở đâu không ạ ? *(Câu hỏi)*

b) Cô làm ơn chỉ giúp cháu nhà bác Hạnh ở đâu ạ. *(Câu khiến)*

Bài tập 5. a) Bạn có biết đây là cây gì không ? *(Câu hỏi)*

b) Mình không biết đây là cây gì. *(Câu kể)*

Bài tập 6. Phân loại như sau :

- Câu : Bà ơi, chú Cuội là ai hả bà ? ⁽¹⁾ (*Câu hỏi dùng để hỏi người khác*)
- Các câu : Chú Cuội ngồi đâu nhỉ ? ⁽²⁾ Con trâu đâu ? ⁽³⁾ Ông trời là ai mà ác thế ? ⁽⁴⁾ (*Câu hỏi để tự hỏi mình*)

Bài tập 7. Câu hỏi *Hôm nào đó ngài có thể cho phép tôi lại được mời ngài đến dùng bữa, được không ạ ?* được dùng để bày tỏ nguyện vọng, mong muốn.

VI – DẤU CÂU

Bài tập 1. Đánh dấu √ vào ô thứ hai, trước câu : *Dấu hai chấm dùng để báo hiệu những từ ngữ sau đó là lời giải thích.*

Bài tập 2. Điền dấu câu như sau :

Đêm rằm Trung thu, có tiếng hát từ rất xa vọng lại :

Chú Cuội ngồi gốc cây đa

Để trâu ăn lúa gọi cha ời ời...

Tôi hỏi bà :

- Bà ơi, ai hát đấy hả bà ?
- Chị Hằng hát đấy ! – Bà tôi thì thầm.
- Chị Hằng là ai hả bà ? – Tôi tò mò.
- Chị Hằng cũng là người nhà trời, nhưng chị Hằng thương chú Cuội bị phạt nên hát cho chú Cuội nghe đỡ buồn đấy.

Bài tập 3. Trong câu văn, dấu ngoặc kép đánh dấu tên tác phẩm được trích dẫn, dấu ngoặc đơn đánh dấu bộ phận chú thích nguồn trích dẫn.

Bài tập 4. a) Câu hỏi dùng để hỏi : Nguyên nhân nào đã thúc đẩy lão làm chuyện đó ? : câu hỏi dùng vào mục đích khác : Có phải lão mơ làm giàu nhanh chóng hay lão chán ngán cuộc sống lầm lụi, bấp bênh của cuộc đời cày cuốc ?

b) Câu hỏi dùng vào mục đích khác : Sau này lớn lên, cháu biết lấy gì đến đáp lại tấm lòng thương cháu của bà ?

Bài tập 5. a) Càng về khuya, bầu trời càng xanh trong, trăng càng sáng.

b) Bông tối dày đặc, bốn bề im ắng : đêm đã khuya.

c) Mở gói quà, Hà tròn mắt ngạc nhiên : một con búp bê đẹp tuyệt !

d) Mở gói quà, Hà thấy có một con búp bê, chiếc cặp tóc và một cuốn truyện cổ tích.

Bài tập 6. Cùng là dẫn lời nói của nhân vật nhưng cách trình bày và cách dùng dấu câu khác nhau vì :

– Lời nói của nhân vật ở đoạn a không phải lời nói trực tiếp mà được tác giả kể lại.

– Lời nói của nhân vật ở đoạn b là lời nói của nhân vật trong đối thoại trực tiếp.

VII – LIÊN KẾT CÂU TRONG ĐOẠN VĂN, BÀI VĂN

Bài tập 1. Mỗi đoạn văn có cách liên kết câu khác nhau :

– Đoạn a : Các câu trong đoạn liên kết với nhau bằng cách lặp từ ngữ :

+ Câu 1 : vườn rau, luống.

+ Câu 2 : luống, loại rau.

+ Câu 3 : lá rau.

– Đoạn b : Các câu trong đoạn liên kết với nhau bằng cách thay thế từ ngữ :

+ Câu 1 : Nét-len

+ Câu 2 : Anh

+ Câu 3 : anh

– Đoạn c : Các câu trong đoạn liên kết với nhau bằng các từ nối : Và, Nhưng.

Bài tập 2. a) Tính biết lập của mỗi ngôi làng trước đây được thể hiện ở lũy tre làng. **Lũy tre làng** bao trùm xung quanh làng. **Đó** là một thành lũy rất kiên cố, 'đốt không cháy, treo không được, đào không qua'.

b) Tiếng tu hú mới khác khoải làm sao. **Nó** kêu cho nắng về, cho rặng vài ven sông chín đỏ, cho cái chua bay đi, cái vị ngọt còn lại. **Nó** khát thern gì nhi mà năm nào nó cũng gọi xa gọi gần như thế ?

c) Ở chợ Gò quê tôi ngày ấy có quán cháo bà Mùi và vài ba hàng cháo khác nữa. **Nhưng** bất kì cháo cá ở đâu cũng không ngon bằng cháo cá bà Mùi

Bài tập 3. M : a) Ngày nay, con người tìm ra nhiều loại vật liệu xây dựng mới. **Nhưng** cây rừng vẫn là một vật liệu quan trọng để làm nhà.

b) Trống Choai là một cậu gà rất đẹp trai với chiếc mào đỏ chói trên đầu. Trống Choai rất kiêu ngạo. Mới sáng sớm, **cậu ta** đã vươn cổ gáy inh ỏi cả một vùng.

c) Gia đình nhà kiến rất đông. Kiến Mẹ có những chín nghìn bảy trăm con. Tôi nào **Kiến Mẹ** cũng dỗ dành và tham yêu từng đứa con :

– Chúc con ngủ ngon ! Mẹ yêu con.

VIII – BIỆN PHÁP SO SÁNH, NHÂN HOÁ

Bài tập 1. a) dòng sông – tấm gương sáng loá

b) đồng cỏ – tấm thảm nhung xanh ngắt

c) dòng suối – dải lụa mềm mại

d) hoa phượng – quầng lửa

Bài tập 2. a) cái trống – chiếc vai lớn (giống nhau về hình dáng)

b) tiếng đàn tơ-rưng – tiếng thác đổ, suối reo (giống nhau về cung bậc âm thanh)

c) nhà Rông – cái tổ chim (giống nhau về chức năng, tác dụng)

d) ngọn cau – chiếc ô để ngược ; nón cau – mũi kiếm (giống nhau về hình dáng)

Bài tập 3.

Câu	Sự vật được nhân hoá	Cách nhân hoá	Tác dụng của việc sử dụng biện pháp nhân hoá
a	con đê	Kể, tả sự vật bằng những từ ngữ để kể, tả về người. (cần cù, mệt mỏi)	Sử dụng biện pháp nhân hoá để kể, tả các sự vật khiến chúng trở nên sống động và thân thương với con người hơn.
b	cò may	Kể, tả sự vật bằng những từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động của người. (lưu luyến, đứng, muốn theo người về nhà sưởi ấm, ăn bắp ngô non,...)	
c	khèn	Gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi con người. (người bạn)	

Bài tập 4. Câu a : sử dụng biện pháp so sánh ; câu b : sử dụng cả hai biện pháp so sánh và nhân hoá ; câu c : sử dụng biện pháp nhân hoá.

IX – TẬP LÀM VĂN

1. Viết văn kể chuyện

Bài tập 1. a) *Người kể chuyện* trong câu chuyện trên là nhân vật “tôi”.

b) Trong câu chuyện trên, đoạn đầu truyện (từ đầu đến *dở buồn đấy* là thực, đoạn truyện còn lại là những sự việc diễn ra trong giấc mơ của nhân vật “tôi”.

c) (Học sinh tự trả lời.)

d) (Học sinh tự trả lời.)

Bài tập 2. (Học sinh tự làm.)

2. Viết văn miêu tả

Bài tập 1.

a) Bài văn gồm 3 phần :

– Mở bài : Từ đầu đến “của dân tộc ta” – Giới thiệu bao quát về chùa Tây Phương.

– Thân bài : Từ “Chùa gồm ba toà...” đến “... càng hấp dẫn” – Miêu tả đặc điểm chùa Tây Phương.

– Kết bài : Còn lại – Ca ngợi chùa Tây Phương – một công trình nghệ thuật đầy sáng tạo của cha ông ta.

b) Thân bài có 3 đoạn :

– Đoạn 1 : Tả bao quát về bề ngoài của ngôi chùa.

– Đoạn 2 : Tả các bộ phận của mỗi toà nhà trong ngôi chùa.

– Đoạn 3 : Tả các pho tượng trong chùa.

c) (Học sinh tự làm.)

Bài tập 2. a) Mở bài giới thiệu cây khế.

b) Đó là mở bài gián tiếp.

c) Để giới thiệu cây khế, người viết đã bắt đầu từ giấc mơ về một trái đất không có bóng cây xanh. Cách giới thiệu đó gây ấn tượng mạnh và có sức cuốn hút người đọc.

Bài tập 3. (Học sinh tự làm.)

PHẦN HAI

CÁC ĐỀ ÔN LUYỆN

Đề 1

Câu 1.

a) Hình ảnh ngôi nhà của mẹ hiện ra đơn sơ, mộc mạc và rất đời thân thương với chum tương đã đầy, chiếc nón mê cũ, cái áo phơi qua bao buổi cày bừa đã ngả ngùn, đàn gà con vào ra quanh cái nơm hồng vành,... Mọi đồ vật đều nói lên chủ nhân của ngôi nhà là một người chất chiu, tảo tần.

b) Mặc dù “mẹ không có nhà” nhưng nhìn vào bất cứ thứ gì trong ngôi nhà của mẹ, người con hiểu được rằng :

– Mẹ đã sống đạm bạc, dành dụm, chất chiu.

– Mẹ tảo tần, chịu thương chịu khó : thứ gì, vật gì cũng mang dấu ấn của bàn tay mẹ hay lam hay làm (bếp chưa lên khói vì mẹ không có nhà, chum tương mẹ đầy, đàn gà mẹ chăm,...).

– Mẹ luôn nhớ mong con (trái na để dành trên cây chờ con về).

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Câu “Nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa” có 2 cặp từ trái nghĩa, đó là :
xưa - nay, đứng - ngồi.

Câu 3. Dòng có từ nhiều nghĩa : a) đàn gà mới **nở** – hoa **nở** – **nở** nụ cười.

Câu 4. Sắp xếp các đoạn để thành bài văn như sau :

Tiết trời mùa xuân thật là đặc biệt : rét vẫn còn vương trên ngọn xoan đào, nhưng đất ngoài vườn khô ráo, sạch bong, mịn màng như thể đất rừng Đà Lạt sau một đêm sương, và qua những kẽ lá chòm cây, có những bông hoa nắng rung rinh trong bể nước.

Ngày tháng trôi đi, mùa hạ ồ ạt xuất hiện. Hoa gạo bắt đầu nở đỏ chói ở ven hồ Hoàn Kiếm, rơi xuống nước xanh, rụng xuống cỏ xanh, ve sầu lột cánh đã kêu rền rền vào buổi trưa... Trời nóng như nung như nấu.

Thế rồi bỗng một ngày, trời tự nhiên đổi gió. Nửa đêm về sáng, trời bắt đầu lạnh lạnh. Hàng cây bên đường vươn những cái thân gầy lên trên trời và mỗi khi có gió thổi thì từng chiếc lá vàng lại rụng xuống, xoay nhiều vòng, rồi mới đầu xuống...

Và mùa đông đến. Trời bắt đầu rét, gió bắc bắt đầu thổi se sắt, mưa dầm dề... Ngoài đường, mọi người hối hả bước mau dưới trời mưa để về nhà. Thình thoảng lại có một ngọn gió hơi buồn buốt thổi vù vù từ xa lại làm cho những cành cây thưa lá đập vào nhau và reo lên khe khẽ...

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 2

Câu 1. a) Rừng Tây Nguyên vào mùa xuân rất đẹp :

- Không khí mát dịu, thoang thoang mùi thơm của nhiều loại hoa rừng.
- Cảnh vật tươi đẹp : những cơn mưa rừng làm cho rừng càng thêm mát mẻ, những dải cỏ gianh xanh tươi lấp lánh những hạt nước mưa, ánh mặt trời xuyên qua kẽ lá, sưởi ấm những con suối trong vắt, chim chóc đua nhau hót,...

b) Câu "Các dải gianh vươn lên và cỏ non bò lan ra mặt suối, như choàng cho rừng một chiếc khăn lấp lánh kim cương" đã được tác giả sử dụng cả biện pháp nhân hoá và so sánh khiến cảnh vật càng thêm tươi đẹp và sinh động.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Ví dụ : a) nhanh nhẹn,... b) chậm chạp,... c) dềnh dàng,... d) gấp gáp,...

Câu 3. Sắp xếp các câu như sau :

Chẳng còn mấy ngày nữa là mùa xuân đã hết. Rồi mùa hạ cũng qua đi, hoa sen trong đầm nước cũng tàn dần. Trời sẽ ngả sang thu.

Câu 4. Hai đoạn mở bài được viết cho bài văn kể chuyện *Cô bé bán diêm* của An-déc-xen. Đoạn a : Mở bài theo kiểu trực tiếp. Đoạn b : Mở bài theo kiểu gián tiếp.

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 3

Câu 1. a) Đối với người Mông, tiếng khèn là sợi dây tâm linh nối người sống và người đã mất, là "cây cầu" bắc lời tỏ tình đôi lứa, là những chuyện cổ được kể bằng âm thanh.

b) Hình ảnh những nghệ nhân thổi khèn được miêu tả : Mấy ai từng gặp những nghệ nhân dân gian thổi khèn nơi đỉnh núi mênh mang lồng gió, tóc bị gió thổi ngược, hình bóng họ in trên nền trời xanh, hết một tuyệt tác của thiên nhiên.

Cách miêu tả trên khiến hình ảnh nghệ nhân như được tạc vào đất trời, trở thành tác phẩm tuyệt vời của thiên nhiên.

c) Câu văn cuối bài muốn khẳng định sức cuốn hút và sức hấp dẫn kì diệu của tiếng khèn người Mông.

Câu 2. Ví dụ : a) Từ đồng nghĩa với khát khao là *mong ước*. b) Từ đồng nghĩa với chò mong là *trông đợi*. c) Từ đồng nghĩa với vui mừng là *phấn khởi*.

Câu 3. a) Từ **đường** trong *lọ đường* là từ đồng âm với từ **đường** trong *đường làng* và *đường biển*.

b) Các từ **trôi** trong *đồng nước trôi*, *bánh trôi*, *cá trôi* là các từ đồng âm.

c) Các từ **tỏ** trong *tỏ thái độ*, *tỏ lòng*, *sáng tỏ* là từ nhiều nghĩa.

Câu 4. Sắp xếp các đoạn để thành bài văn như sau :

Cứ mỗi độ hè về, con đường làng quê tôi vàng một màu hoa dẻ.

Từ đầu hè đã có lác đác vài chùm hoa chín. Hoa dẻ màu vàng ruộm, cái sắc vàng rất tươi, rất trong trẻo. Từng chùm hoa nom giống như những chiếc đèn lồng xinh xinh, các cánh hoa buông dài mềm mại.

Hương hoa dẻ có mùi thơm rất dễ chịu. Thú vị nhất là được thưởng thức hương hoa dẻ từ xa, trên con đường mát rượi bóng cây, đang đi bất chợt ta thấy thoang thoảng một mùi thơm ngan ngát, mát dịu. Có thể ta chưa nghĩ ra đó là hương thơm của hoa dẻ. Ngược mắt lên vòm lá kiếm tím, ta chợt nhận ra

những chùm hoa dẻ đầu tiên đã chín vàng treo lủng lẳng ẩn hiện trong vòm lá xanh biếc.

Tôi yêu cái vẻ đẹp bình dị, dịu dàng của hoa dẻ. Đã đã xa tuổi học trò, nhưng cứ mỗi độ hè về, tôi lại bồi hồi nhớ về một mùa hoa dẻ.

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 4

Câu 1. a) Trong bài thơ, giọt sương được miêu tả bằng cách nhân hoá.

b) Tính tình giọt sương : kiêu kì, đồng đánh, không coi ai ra gì, luôn cho mình là đẹp nhất.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. a) Bộ phận chủ ngữ : *Vành nón chị*. b) Bộ phận vị ngữ : *thấy mình tan chảy*.

Câu 3. Dòng chỉ gồm các từ láy là : c) rạng rỡ, khoác lác, lộng lẫy, bệ bàng.

Câu 4. Sắp xếp để tạo thành câu chuyện như sau :

Anh chàng nhà giàu và cơn dông

Có một anh chàng nhà giàu đi thuyền qua một con sông rộng cùng với nhiều người.

Ra giữa sông, bỗng một cơn dông ập đến. Thuyền trông tránh sắp bị lật. Mọi người trên thuyền cuống quýt lo hạ buồm, ra sức chèo chống đưa con thuyền vào bờ an toàn.

Trong lúc ai nấy đều khẩn trương lo việc thì anh chàng nhà giàu chỉ biết chấp tay khấn vái cầu xin thần linh đến cứu mình và hứa sẽ dâng lễ vật rất hậu.

Khi cơn dông tan, mọi người khuyên anh ta : Đừng trông chờ vào những điều viễn vông. Phải lo tự cứu mình trước khi đợi thần đến cứu.

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 5

Câu 1. a) Bạn nhỏ trong đoạn truyện trên mơ thấy mình được làm chủ một chiếc thuyền vàng.

b) Giấc mơ của bạn đẹp vì :

– Con thuyền hiện ra trong mơ rất đẹp.

– Bạn nhỏ có cử chỉ, hành động đẹp.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Lời giải nghĩa cho từ *nhỏ nhắn* : c) nhỏ và trông cân đối, dễ thương.

Câu 3. Ba câu kể theo mẫu *Ai làm gì ?*

– Ông ngoại em trồng nhiều cây ăn quả.

– Đàn chim bay lượn trên bầu trời xanh.

– Bọn trẻ con chơi bi ngoài sân trường.

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 6

Câu 1. a) Đoạn văn miêu tả sự biến đổi màu sắc lá bàng theo các mùa : đông – xuân – hạ – thu.

b) Tác giả đã miêu tả sự biến đổi của màu lá bàng bằng biện pháp so sánh, nhân hoá, kết hợp với cách lí giải bằng trí tưởng tượng, tạo ra những hình ảnh sinh động, hấp dẫn.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. b) ngạc nhiên.

Câu 3. Đặt dấu ngoặc kép trong các đoạn văn như sau :

a) Hát ru là bài hát đầu tiên cho một con người mới cất tiếng khóc chào đời. Bài hát đó được cất lên từ nỗi sung sướng hay cơ cực, hân hoan hay buồn tủi của người mẹ : “Đó nghèo đây cũng phận nghèo/ Đời ta như bọt với bèo thương nhau...”.

b) Dễ thương làm sao giọng ru em lành lốt chớ không ngân dài của miền Nam, những “sông dài cá lội...”, “đĩa muối chấm gừng...” vút lên đưa trẻ thơ vào giấc ngủ, đưa con người vào niềm vui...

Câu 4.

a) Mở bài : từ đầu đến "... ở Mát-xcơ-va."

Thân bài : từ "Lạc đà đứng cao hơn" đến "... như lúc mới ra đi."

Kết bài : đoạn còn lại.

b) Phần thân bài có 2 đoạn văn. Đoạn 1 chủ yếu miêu tả hình dáng của lạc đà ; đoạn 2 chủ yếu miêu tả hoạt động, tính tình của lạc đà.

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 7

Câu 1. a) Tác giả miêu tả cây nhãn từ mùa xuân sang mùa hạ, từ khi là cây nhãn tơ tới lúc cây ra hoa, đậu quả và quả chín đợi tay người hái.

b) Cây nhãn hiện ra rất đẹp qua lời miêu tả của nhà văn :

– Cây nhãn tràn trề sức sống từ khi là cây nhãn tơ cũng như khi cây nhãn ra hoa, đậu quả.

– Cây nhãn đẹp giống như một người mẹ, dồn toàn bộ sức lực của mình nuôi con khôn lớn.

– Cây nhãn càng đẹp hơn trong một không gian tươi đẹp cùng với nắng sớm, nhện, ong, bướm, chim sâu, ve,...

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Ví dụ : a) *Có công mài sắt, có ngày nên kim* khuyên chúng ta kiên trì, nhẫn nại sẽ có ngày thành công.

b) *Còn nước còn tát* khuyên chúng ta chớ vội nản lòng, còn một chút hi vọng cũng quyết tâm thực hiện đến cùng.

c) *Chân cứng đá mềm* khuyên chúng ta vững vàng, quyết tâm thì khó khăn phải nhường bước.

d) *Cây cứng không sợ gió lay* khuyên chúng ta làm việc đúng đắn, ngay thẳng thì không sợ gì kẻ dèm pha (khuyên chúng ta biết kiên định, vững vàng thì không sợ bị cám dỗ, lung lạc).

Câu 3. b) Dấu hai chấm báo hiệu những từ ngữ sau đó là lời giải thích.

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 8

Câu 1. a) Bài văn miêu tả những thanh âm vang lên ở làng quê, chỉ có thể nghe thấy ở đồng quê.

b) – Những hình ảnh so sánh :

+ "... tiếng đàn sáo về riu ràn như một cái chợ vừa mờ, như một lớp học vừa tan, như một buổi đàn ca liên hoan sắp bắt đầu..."

+ "... lại có tiếng chim khác. Nó không thoi đưa dật, như ngón tay thông thả búng vào dây đàn thập lục, nảy ra tiếng đồng, tiếng thép,... Đó là con chim vít vít. Nó cứ vang lên như tha thiết gọi một người nào, như mách một điều gì ...".

+ "Con sơn ca vút lên lảnh lót như có một sợi tơ nối giữa bầu trời và mặt đất, đó là tiếng hót không thể có gì so sánh."

– Những hình ảnh nhân hoá :

+ "...tiếng con chim này mới khác loài làm sao. Nó thốn thúc, da diết. (...) Nó kêu cho nắng về, cho rừng vài ven sông chín đỏ, cho cái chua bay đi, cái vị ngọt còn lại... Nó khát thêm gì nữa mà năm nào nó cũng gọi xa gọi gần như thế ?

+ "Còn cánh cò thì hoạ hoàn mới cất lên một tiếng thở dài vang tít vào vô tận thăm sâu, ...".

c) Tình cảm của tác giả đối với quê hương được bộc lộ qua :

– Những từ ngữ trực tiếp thể hiện cảm xúc như : Đồng quê êm ả. Đồng quê yêu thương

– Hình ảnh của quê hương sống mãi trong niềm thương, nỗi nhớ của tác giả. Tác giả lắng nghe và thấu hiểu những âm thanh vang lên từ đồng quê yêu thương.

Câu 2. Từ ngữ (in đậm) xếp không cùng nhóm :

a)

Từ ngữ tả vẻ đẹp bên ngoài của con người	Từ ngữ tả vẻ đẹp trong tâm hồn, tính cách của con người
đẹp, xinh, tươi, xinh đẹp, xinh xắn, xinh tươi, khôi ngô, rạng rỡ, tươi tắn, thùy mị , khôi khinh, cần cù, địu dàng , điểm đậm , vui tính , rục rờ	nết na, hiền dịu, bộc trực, ngoan ngoãn, tráng kiện , mảnh mai , quả cảm, tươi giòn , cần cù, sáng láng, thông minh, đôn hậu, chăm ngoan, kiên trì

Câu 3. (Học sinh tự làm.)

Câu 4. Dàn ý của bài *Đàn chim gáy* :

- Mở bài : Giới thiệu đàn chim gáy trong mùa gặt.
- Thân bài (gồm 3 ý thể hiện qua 3 đoạn văn) :
 - + Đoạn 1 : Tả vẻ bề ngoài của chim gáy (hình dáng, đôi mắt, cái bụng, cổ).
 - + Đoạn 2 : Tả hoạt động của chim gáy khi mùa gặt đến.
 - + Đoạn 3 : Tả tính tình của chim gáy.
- Kết bài : Nêu nhận xét về loài chim gáy và bày tỏ tình cảm đối với chim.

Câu 5. (Học sinh tự làm)

Đề 9

Câu 1. a) Chiếc áo tôi đơn sơ, bình dị, dễ làm mà có ích biết bao đối với nhà nông. Nó che mưa sa gió lạnh và che cả gió Lào bỏng rát tẩm lưng mẹ cúi lom khom cấy hái trên đồng.

b) Hình ảnh người mẹ mặc áo tôi lá gợn liên tưởng tới hình ảnh con cò lữa giữa chiều mưa là bởi :

– Có sự giống nhau về hình dáng của con cò lữa lông nâu vàng đứng rụt cổ tránh mưa với người mẹ mặc tấm áo tôi lá dẫu dãi mưa nắng đã ố màu.

– Con cò vốn là biểu tượng của sự cần mẫn nhọc nhằn, do vậy, hình ảnh mẹ sớm trưa đội mưa đội nắng, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời càng dễ khiến tác giả liên tưởng đến hình ảnh con cò lặn lội trong bao câu ca dao, dân ca thuở nào.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. a) Một người lo bằng kho người làm (Đề cao sức mạnh trí tuệ). b) Tài đức vẹn toàn (Đề cao người có cả tài lẫn đức). c) Tài cao chí lớn (Đề cao người có tài và có ý chí).

Câu 3. Ví dụ :

a) Tô thái độ khâm phục một bạn học sinh nghèo vượt khó : Khó khăn, gian khổ như thế mà sao bạn ấy vẫn học tập tốt thế nhỉ ?

b) Bày tỏ mong muốn có một món quà mình yêu thích trong ngày sinh nhật : Không biết lần sinh nhật này mình có được mẹ tặng món quà đó không nhỉ ?

c) Thể hiện sự khẳng định một nhiệm vụ nào đó học sinh nên làm : Là học sinh, không lẽ chúng ta lại không cố gắng học hành ?

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 10

Câu 1. a) Đàn tơ-rưng rất thân thuộc với người Tây Nguyên :

– Tiếng đàn vang lên rộn rã suốt ngày đêm trong buôn làng, ngoài nương rẫy.

– Đàn tơ-rưng có mặt trong mỗi mái nhà và ở mỗi góc rừng.

– Nhà nào cũng có thể tự làm lấy đàn tơ-rưng, ai cũng có thể đánh đàn tơ-rưng...

b) Đàn tơ-rưng có dáng cong cong như chiếc võng đưa em, tiếng đàn tơ-rưng khi khoan thai, êm ả, khi giục giã, tung bừng, khi trầm hùng như tiếng thác đổ, khi thánh thót, róc rách như suối reo.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Những sự vật được nhân hoá : Cua Con, Cua Mẹ, cô Lúa, chú Gió. Chúng được nhân hoá bằng cách :

– Gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi con người.

– Kể, tả sự vật bằng những từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động của người.

Câu 3. Các câu hỏi trong đoạn văn có sự khác nhau :

a) Câu hỏi dùng để hỏi :

– Câu hỏi dùng để tự hỏi mình : Không hiểu đó là vàng thật hay chỉ là mạ vàng nhỉ ?⁽¹⁾ Chẳng hiểu chiếc thuyền vàng này từ đâu tới ?⁽²⁾

– Câu hỏi dùng để hỏi người khác : Những chiếc vảy rồng kia có phải là vàng không hả anh ?⁽⁴⁾

b) Câu hỏi dùng vào mục đích khác :

– Câu hỏi thể hiện yêu cầu : - Chú mày định làm gì vậy ?⁽³⁾ ((Yêu cầu dừng tay lại.))

– Câu hỏi thể hiện sự phủ định : Vàng đâu mà đem dát lên thuyền như vậy ?⁽⁵⁾

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Bài văn tham khảo :

Năm nào em cũng được về quê ngoại dự hội Lim. Hội Lim quê em diễn ra vào ngày 11 đến ngày 13 tháng Giêng âm lịch hằng năm.

Mọi người từ nhiều miền quê về dự hội rất đông vui. Cũng như các hội khác, hội Lim cũng có đủ các phần từ lễ rước đến lễ tế cùng nhiều trò vui dân gian. Đặc biệt, lễ hội này gắn liền với một truyền thống văn hoá nổi tiếng của đất Kinh Bắc là hát quan họ. Các liền anh mặc áo the, đội khăn xếp, các liền chị đội nón quai thao, mặc áo mớ ba mớ bảy hát đối đáp từng cặp rất duyên dáng. Họ hát trên đồi Lim, hát trên thuyền, hát sau chùa,... với đủ các làn điệu quan họ du dương, trầm bổng...

Ngoài những tiết mục hát quan họ, hội Lim còn có nhiều trò chơi dân gian như trò đu quay, cờ người, róc mía nấu cơm, đánh trống mặc áo the khăn xếp,... Không khí các sân chơi thật là náo nhiệt. Ở sân chơi kéo co, hai đội chơi ra sức kéo sợi dây thừng lớn, bắp tay nổi cuộn cuộn, gương mặt người chơi ánh lên niềm vui chiến thắng. Sới vật cũng không kém phần sôi nổi. Hai đấu sĩ mình dẻo dai, đấu quần khăn đang thi tài quyết liệt. Mọi người vỗ tay, reo hò cổ vũ như sấm rền.

Hội Lim đã để lại trong lòng mọi người những cảm xúc đẹp đẽ.

Đề 11

Câu 1. a) Những lá thư của con được người cha lặng lẽ mở ra, xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của mình.

b) Đối với những lá thư của đứa con, người cha nâng niu, gìn giữ như vật báu : xếp vào trong tủ tất cả những lá thư của con – những lá thư được bóc ra nhìn ngắm, chạm mặt rồi cất vào, không thiếu một lá, ngay cả những lá đầu tiên nét chữ còn non nớt...

c) Người con rất yêu quý cha bởi luôn có cha yêu thương và ở bên cạnh mỗi lần khai trường. Và dù cha đã mất nhưng người con vẫn luôn cảm thấy có cha bên cạnh, suốt cả hành trình cuộc đời.

Câu 2. a) Từ ghép : *hương vị, núi rừng, mặt ong, ngọt êm.*

b) Từ láy : *trong trẻo, thơm tho.*

Câu 3. Tác dụng của dấu hai chấm được sử dụng trong mỗi câu :

Câu a : Dấu hai chấm báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó giải thích cho bộ phận đứng trước.

Câu b : Dấu hai chấm để dẫn lời nói trực tiếp.

Câu c : Dấu hai chấm báo hiệu những từ ngữ sau đó liệt kê sự vật.

Câu 4. a) Đoạn văn trên tập trung tả *thân cây tre đàng ngà*. Đặc điểm nổi bật của nó là về màu sắc : *thân tre đàng ngà có màu vàng óng.*

b) (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 12

Câu 1. a) Những hình ảnh của quê hương được nhắc đến trong đoạn văn : *cây cau (thân cau, ngọn cau, nón cau, hương cau,...), những rặng tre, chum sành đặt dưới gốc cau, nước mưa trong vắt, mát lạnh đựng trong chum sành, ngôi nhà xưa, ánh trăng bàng bạc, bóng mẹ....*

b) Tình yêu quê hương của tác giả được bộc lộ ở tình yêu những cảnh vật bình dị của quê hương, qua sự cảm nhận sâu lắng về vẻ đẹp, sự thân thương của từng cảnh vật, qua nỗi nhớ niềm thương đối với mẹ và ngôi nhà xưa với biết bao kỉ niệm thuở ấu thơ.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Một đoàn khách **đang** đi giữa trưa hè nóng bức. Bỗng họ nhìn thấy cây ngô đồng bèn kéo đến nằm nghỉ dưới bóng mát của nó. Một hồi lâu, thấy **đã** khoẻ lại, họ ngược nhìn lên cây và kháo nhau :

– Loài cây này chẳng có trái nên chẳng có ích lợi gì !

Cây ngô đồng đáp lời họ :

– Các người thật vô ơn ! Chính các người còn **đang** nương nhờ bóng mát của ta mà lại bảo ta chẳng có ích gì ! Những kẻ vô ơn **sẽ** chẳng bao giờ gặp điều tốt đẹp cả.

Câu 3. Câu a : Dấu ngoặc kép được dùng để dẫn tên tác phẩm.

Câu b : Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu phần lời trích dẫn từ tác phẩm nào đó hoặc lời nói của người khác.

Câu 4. a) Những từ ngữ tả ngoại hình người bà : bàn tay khô cứng, sạm đen ; vài sợi tóc bạc lưa thưa dưới vành khăn cũ bay bay theo gió.

b) Những nét ngoại hình ấy nói lên cuộc đời bà nhọc nhằn, vất vả.

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 13

Câu 1. a) Vì mỗi người con đều lớn lên nhờ dòng sữa và tình yêu thương, sự vỗ về, âu yếm của mẹ. Dòng sữa cho con sức khoẻ, thể lực ; còn tình yêu và lời ru cho con trí tuệ, tâm hồn, tình cảm.

b) Tác giả khẳng định mỗi đứa con *nên người* là nhờ tiếng ru của mẹ.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Cách so sánh trong câu văn độc đáo vì tác giả đã so sánh âm thanh với hình ảnh, âm thanh với cảm xúc : ví giọng hát dân ca (*âm thanh*) với cánh cò trên đồng lúa, với những đôi chân nhỏ thoăn thoắt gánh lúa chạy trên những

con đường làng trợn lẫn bóng tre và bóng nắng (*hình ảnh*), với vẻ rụt rè, e thẹn trong khoé mắt người yêu (*cảm xúc*).

Cách so sánh như vậy khiến sự vật được miêu tả (tiếng hát) trở nên sinh động và có sức gợi tả, giúp người đọc có ấn tượng sâu sắc về tiếng hát và dễ cảm nhận, hình dung hơn sức truyền cảm của những làn điệu dân ca.

Câu 3.

Bộ phận chủ ngữ (in đậm) trong câu	Tác dụng của dấu phẩy trong các câu
a) <i>Chôm chôm, xoài tượng, xoài cát</i> mọc chen nhau.	Dấu phẩy ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu (chủ ngữ).
b) <i>Núi đồi, thung lũng, làng bản</i> chìm trong biển mây mù.	
c) <i>Hoa lá, quả chín, những vật nắm ẩm ướt và còn sôi chảy</i> thấm dưới chân đưa nhau toả mùi thơm.	

Câu 4. Ví dụ : *Cáo lờ chân rơi xuống giếng, tìm mọi cách mà không lên được. Sơn Dươg đến giếng uống nước bị Cáo lừa, đã nhảy xuống giếng để uống nước. Cáo giả vờ bàn bạc với Sơn Dươg cách thoát lên : bắt Sơn Dươg dùng thật vừng để mình trèo lên khỏi giếng trước. Thoát nạn, Cáo bỏ mặc Sơn Dươg dưới giếng. Sơn Dươg hồi hận thì đã muộn.*

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 14

Câu 1. a) (Học sinh tự làm.)

b) Những hình ảnh so sánh có trong khổ thơ thứ hai :

- *Con sông như dòng sữa mẹ.*
- *Con sông ấm áp như lòng mẹ.*

c) Bằng biện pháp so sánh, tác giả đã miêu tả con sông cũng giống như người mẹ đảm đang, chịu thương chịu khó, giàu lòng yêu thương con cái.

Câu 2. Các tính từ có trong đoạn văn : *xum xuê, xanh tươi, trong vắt, chín mọng, vàng rộm.*

Câu 3.

Bộ phận vị ngữ (in đậm) trong câu	Tác dụng của dấu phẩy trong các câu
a) Cây hồi thẳng, cao, tròn xoe.	Dấu phẩy ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu (vị ngữ).
b) Những làn mây trắng trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn.	
c) Mây bò trên mặt đất, tràn vào nhà, quấn lấy người đi đường.	

Câu 4. Tác giả đã quan sát cảnh vật bằng thị giác (bằng mắt). Màu sắc của núi non biến đổi theo thời gian : từ lúc mặt trời còn khuất sau dãy núi (mặt trời còn bên lên núp sau sườn núi) cho tới lúc mặt trời lên cao (mặt trời chễm chệ ngự trị trên chòm mây).

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 15

Câu 1. a) Những chi tiết nói lên tấm lòng của bà đối với con cháu : dù bận nhiều việc vẫn tranh thủ thăm cháu, kể chuyện cổ tích cho cháu nghe, luôn có quà cho cháu. Mặc dù yếu đau, bà vẫn làm ô mai sáu làm quà cho con cháu.

b) Bạn nhỏ rất yêu bà, cảm động trước những món quà đơn sơ, mộc mạc mà ấm áp tình yêu thương của bà (vì đều là những thứ tự tay bà làm ra). Khi bà đau yếu, bạn nhỏ đã tới thăm bà.

c) Tác giả ca ngợi những người bà, người mẹ đã tặng cho con cháu cả cuộc đời và tình yêu thương vô bờ của mình.

Câu 2. Các từ ngữ không cùng nhóm (được in đậm) :

- a) học tập, tính toán, **thông minh**, suy nghĩ, ghi chép
b) chạy nhảy, **nhanh nhẹn**, tập luyện, bơi lội, leo trèo
c) vui vẻ, tươi tắn, rạng rỡ, đẹp đẽ, **chờ đón**

Câu 3.

Bộ phận trạng ngữ (in đậm) trong câu	Tác dụng của dấu phẩy trong các câu
a) Ngoài trời , mưa rào rích không ngớt.	Dấu phẩy ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu (trạng ngữ) hoặc ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ.
b) Đêm đêm, bên bếp lửa bập bùng , các cụ già kể lại cho con cháu nghe biết bao kỉ niệm vui buồn.	
c) Ở Tây Nguyên, suốt mùa phát rẫy trỉa lúa, cho đến khi cây lúa đơm bông , tiếng đàn tơ-rưng luôn vang lên rộn rã.	

Câu 4.

Sự vật được miêu tả	Đặc điểm của sự vật
<i>đồng làng</i>	<i>vương chũt heo may</i>
<i>mắm cây</i>	<i>tỉnh giấc</i>
<i>vườn</i>	<i>dấy tiếng chim</i>
<i>hạt mưa</i>	<i>mãi miết trốn tìm</i>
<i>cây đào trước cửa</i>	<i>lim dim mắt cười</i>
<i>quất</i>	<i>gom từng giọt nắng rơi (để) làm thành quả – quả giống như trăm mặt trời vàng mơ.</i>

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 16

Câu 1. a) Khi ngự trên tầm cao của biển nước dâng, các loài bèo khẳng định chỉ vài hôm nữa, cả mặt đất sẽ bao phủ màu xanh của bèo.

b) Câu chuyện kết thúc trái ngược với sự khẳng định của loài bèo : nắng đổ lửa, loài bèo tụt xuống đáy và héo khô.

c) Câu chuyện khuyên chúng ta không nên kiêu ngạo, hợm hĩnh, ảo tưởng.

Câu 2. a) Đồng nghĩa với thanh mảnh là mảnh mai ; đồng nghĩa với mệnh mông là mệnh mang, bao la.

b) Trái nghĩa với *kết thúc* là *bắt đầu* ; trái nghĩa với *tươi tốt* là *héo khô*.

Câu 3. a) Câu nói của người bà trong đoạn văn : Ôi thằng cu của bà, thằng giống của bà, thằng chó con của bà. Ấu !... Bà thương, bà quý thằng cún con của bà nha...

b) Câu nói ấy cần được đặt trong dấu ngoặc kép.

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 17

Câu 1. a) Lời nói của cục đá thể hiện sự kiêu ngạo, khinh người ; lời nói của dòng nước bộc lộ thái độ thân thiện, cởi mở.

b) Kết thúc câu chuyện : dòng nước hoà mình vào sông rộng, biển dài, còn cục nước đá trở lại một mình, rồi tan nát ươn ướt ở góc sân.

c) Câu chuyện muốn nói : chớ nên kiêu ngạo, khinh rẻ người khác, hãy sống chan hoà, thân thiện với mọi người.

Câu 2. a) Tả tiếng sóng : ào ào, ầm ầm, ầm ào, ầm ì, ì oạp, oàm oạp, lao xao, ào ào, rì rào,...

b) Tả làn sóng nhẹ : lăn tăn, dập dềnh, dềnh dàng, lững lờ,...

c) Tả làn sóng mạnh : cuộn cuộn, ào ạt, cuộn trào, nhấp nhô, dềnh lên, trào lên, tung bờ,...

Câu 3. Câu ghép chỉ mục đích :

a) Mơ cổ tỏ ra vui vẻ cho cha mẹ yên lòng.

b) Bố mẹ cố gắng làm lụng để con cái có tương lai.

Câu 4.

a) Mở bài : Câu mở đầu.

Thân bài : Từ *Những chú bộ ngựa* đến *vườn quả cầu*.

Kết bài : Câu cuối cùng.

b) Thân bài có 2 đoạn văn :

– Đoạn 1 : Miêu tả đặc điểm hình dáng, cử chỉ, hoạt động,... của những chú bộ ngựa từ trong ổ trứng chui ra.

– Đoạn 2 : Miêu tả đặc điểm hình dáng, cử chỉ, hoạt động,... của chú bộ ngựa đầu tiên “nhảy dù” trúng quả chanh non.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 18

Câu 1. a) (Học sinh tự làm.)

b) Em có thể lí giải như sau :

Bức tranh thứ hai giành giải bức tranh đẹp nhất về sự bình yên vì : bình yên không nhất thiết chỉ có một nơi không có tiếng ồn ào, không khó khăn, không cực

nhọc : mà trong phong ba bão táp, trong gian khổ cực nhọc, vẫn có thể cảm thấy sự bình yên – đó là sự bình yên thực sự từ trong chính tâm hồn.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Các tính từ (hoặc cụm tính từ) trong đoạn văn : xanh rục, vạm vỡ, bóng nhảy, mập mạp, gồ lên, rắn chắc, cong hoắt, lớn, mút nhọn lại, rất khoẻ, trắng phau, to hỏ, đen, nhọn, khoằm khoằm.

Câu 3. (Học sinh tự làm.)

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 19

Câu 1. (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Các từ láy có trong đoạn văn : cuộn cuộn, rào rào, hào hùng.

Câu 3. (Học sinh tự làm.)

Câu 4. Sắp xếp để tạo thành đoạn văn như sau :

Hồng hạc là loài chim kiêu diễm nhất trên hành tinh của chúng ta. Hồng hạc có cổ cổ mảnh mai, mỏ đen tuyền, đôi tròng mắt tròn xoe màu vàng trong trẻo. Từ tấm lưng dịu dàng trắng muốt, những chiếc lông dài buông rủ xuống đôi cánh phớt hồng kiêu sa. Tất cả hoà với nhau tạo nên một vẻ đẹp thanh cao khiến ai nhìn thấy cũng mê đắm.

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 20

Câu 1. a) Lời nói của cục đất cho thấy nhân vật này rất chủ quan, thiếu hiểu biết, ít trải nghiệm nhưng lại thích răn dạy người khác. Câu trả lời của đám bụi thể hiện người từng trải, không tỏ thái độ giận dữ khi bị người khác chỉ trích thiếu căn cứ.

b) (Học sinh tự làm.)

c) Có thể lấy câu tục ngữ sau đây thay cho câu trả lời câu hỏi :

Cười người chớ vội cười lâu

Cười người hôm trước, hôm sau người cười.

Câu 2.

<i>Câu</i>	<i>Sự vật được nhân hoá</i>	<i>Cách nhân hoá</i>	<i>Tác dụng của biện pháp nhân hoá</i>
a	Con dê	Kể, tả về vật (con dê) bằng những từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động của người.	Sử dụng biện pháp nhân hoá để kể, tả, giúp cho các vật trở nên sinh động và gần gũi, thân thiết với con người hơn.
b	Cỏ may	Kể, tả về vật (cỏ may) bằng những từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động của người.	
c	Khèn	Coi vật (khèn) như người (là bạn của con người).	

Câu 3. (Học sinh tự làm.)

Câu 4. a) Câu trả lời của đàn gà con rất ngộ nghĩnh : đàn gà nói lời *khẳng định* (đã ngủ cả rồi) nhưng lại chính là lời *tự phủ định* (mình chưa ngủ). Vì nếu ngủ rồi thì sẽ không nghe được câu hỏi của mẹ và cũng không thể trả lời mẹ.

b) (Học sinh tự làm.)

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 21

Câu 1. a) Tác giả sử dụng biện pháp so sánh để tả hoa sim và quả sim khiến cho hình ảnh hoa sim và quả sim trở nên mới mẻ, độc đáo, thú vị.

b) (Học sinh tự làm.)

c) Tình cảm của tác giả đối với cây sim được bộc lộ qua những chi tiết :

– Cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của màu hoa sim, hương vị đặc biệt của quả sim.

– So sánh hoa sim, quả sim với những hình ảnh đẹp, độc đáo, gây ấn tượng đặc biệt với người đọc.

– Khẳng định hoa sim đã làm cho những sườn đồi sỏi đá thêm đáng yêu, đáng mến ; quả sim chín – thử trời cho, ai đã ăn có khi hàng chục năm sau vẫn nhớ.

Câu 2. – Danh từ (cụm danh từ) : tuổi trẻ, Tây Nguyên, nhà Rông, cái tổ chim, trai gái, con trai, bạn bè, nhà, con gái, vải, sợi, sa, đêm, tiếng hát, tiếng đàn, tiếng trò chuyện, (đêm) khuya.

– Động từ (cụm động từ) : tới, vui chơi, hẹn hò, ca hát, đến, ngủ, ngồi, dệt vải, hong sợi, quay sa.

– Tính từ (cụm tính từ) : êm ấm, quen thân, râm ran.

Câu 3. Ví dụ : a) Cảnh vật thơ mộng **vẻ** lộng người phơi phới.

b) Người đứng đợi dưới bến đã đông **mà** thuyền vẫn chưa sang.

c) Ông trồng cây ngoài vườn **còn** bà nấu cơm dưới bếp.

Câu 4. Xác định câu đơn, câu ghép như sau :

Ai mà chẳng biết cây cau. (Câu đơn)

Thân cây cứ thẳng vút lên, chia thành từng đóng ngắn. (Câu đơn)

Ngon cau xòe ra như chiếc ô để ngược, còn nõn cau như mũi kiếm đâm vút lên trời. (Câu ghép)

Câu 5. Ví dụ :

Trống Choai : – Ồ... ó... o... o...

Bác Mái Vàng : – *(Nói giọng thì thào)* Cậu Trống Choai ! Cậu làm ơn hạ giọng xuống một chút, cho các cháu nhà tôi được ngủ thêm chút nữa.

Trống Choai : – Không được ! Tuổi trẻ phải gáy thật vang mới oai chứ, bác ? Ồ... ó... o... o...

Bác Mái Vàng : – Cục... cục... Cậu thật là....

Trống Choai : – Bác biết không ? Cháu đã học hết tất cả các thế võ của họ nhà gà. Với cháu bây giờ, bọn cáo chỉ như những con dế !

(Bỗng một con cáo nhảy ra từ bụi cây định vỗ Trống Choai. Trống Choai co rúm người lại.)

Trống Choai : – Ối ! Ối trời đất ơi !

Bác Mái Vàng : – *(Vung móng sắc nhọn cản đường Cáo)* Bốp !... Xoẹt ! Xoẹt !

Cáo : – Ái chà chà !... Mụ già này gớm thật ! Chuẩn thôi !

Trống Choai : – *(Cúi gầm mặt)* Cháu cảm ơn bác Mái Vàng ạ. Xin bác tha lỗi vì lúc sáng cháu đã không nghe lời bác...

Bác Mái Vàng : – *(Xoa đầu Trống Choai)* Cháu không sao chứ ? Không sao là tốt rồi. Bác mong từ nay cháu chịu khó tập luyện để thực sự là một chú gà trống cừ khôi của họ nhà ta.

Trống Choai : – Dạ. Cháu sẽ cố gắng làm theo lời bác ạ.

Đề 22

Câu 1. a) Đoạn văn trên miêu tả cảnh mưa rào. Những yếu tố thời tiết được nhắc đến trong đoạn văn : trời nắng, mặt trời, gió, mây đen, hơi nước, mưa.

b) Những hình ảnh nhân hoá trong đoạn văn :

- Ông mặt trời sợ gì mà trốn đầu mất.
- Tiếng gió rào rào chạy lại.
- Mây đen cũng rủ nhau ùn ùn kéo đến.
- Gió mỗi lúc một giạt mạnh, bốc từng đám cát bụi mù mịt như đập vào mặt người đi đường ran rát.
- Cây bông bế lũ con đầu tròn trọc lốc múa may quay cuồng trong gió.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Những từ láy (tượng thanh) trong đoạn văn : ùng đoàng, lộp bộp, loong boong, đồm độp, chan chát.

Câu 3. a) Trong câu "Hàng cau nghiêng ngả như người say rượu.", bộ phận chủ ngữ là "hàng cau".

b) Trong câu "Trên đường, lũ trẻ thi nhau đuổi chạy tầm mưa.", bộ phận vị ngữ là "thi nhau đuổi chạy tầm mưa".

Câu 4. Thứ tự các đoạn như sau :

1. Một con qua ở trên cây, mò ngấm một mẩu thức ăn. Một con cáo đói ngồi ở dưới gốc cây, nghĩ cách làm sao lấy được mẩu thức ăn đó.

2. Cáo gọi Quạ : "Chị Quạ ơi, chị thật là xinh đẹp và duyên dáng. Tôi chưa thấy ai đẹp như chị. Tôi đoán chị hát cũng rất hay. Chị hát thử cho tôi nghe, được không ? Nếu chị hát, tôi dám chắc không có một con chim nào trong khu rừng này có thể sánh được với chị."

3. Quạ nghe Cáo nói như vậy thì vui lắm. Nó bắt đầu hát cho Cáo nghe. Nhưng khi nó vừa há mồm ra thì mẩu thức ăn đã rơi thẳng vào chiếc mồm của Cáo đang há to ở dưới gốc cây.

4. Cáo cười to : "Chị Qua này, mặc dù chị rất xinh đẹp, nhưng trong đầu chị chẳng có gì cả!".

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 23

Câu 1. a) Qua đoạn thơ trên, tác giả muốn nói lên lòng yêu quê hương đất nước, lòng tự hào về văn hoá dân tộc, về tinh thần bất khuất chống ngoại xâm của các thế hệ cha ông.

b) Các nhân vật cổ tích được nhắc đến trong đoạn thơ : cô Tấm, Lý Thông, Thạch Sanh.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Hai cặp từ trái nghĩa xuất hiện trong đoạn thơ : thăng/ trảm ; sau/ trước.

Câu 3. Các động từ trong đoạn văn : làm, hát, ăn, dỡ, hơ, xếp, bọc, mờ, dặt, chen, buộc.

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 24

Câu 1. a) Cảnh thuyền ra khơi trong đoạn văn trên được miêu tả theo trật tự thời gian và trật tự không gian.

– Trật tự thời gian : từ khi thuyền bắt đầu ra khơi lạch đến khi thuyền ra khơi, mặt trời đứng bóng.

– Trật tự không gian : thuyền ra khơi lạch – thuyền xa bờ.

b) Những hiện tượng thiên nhiên được miêu tả trong đoạn văn : gió tây nam ; sóng biển ; nắng ; mặt trời, biển.

c) Những hình ảnh cho thấy vẻ đẹp dũng mãnh của con thuyền lướt sóng ra khơi : - Chiếc thuyền, dáng hơi nặng nề, lù đù tiến, hai mắt tròn trăn trăn nhìn về trước.

- Khi một ngọn sóng kéo đến, nó chồm dậy rồi đâm chúi xuống, làm tung toé một làn nước bạc trắng xoá.

- Gió lên lồng lộng, thuyền chạy phăng phăng, để lại sau một vạch phăng lị, vì nước đã bị khối nặng của thuyền dãn ra.

Câu 2. Sắp xếp các từ thành 3 nhóm :

<i>Từ láy âm đầu và vần</i>	<i>Từ láy âm đầu</i>	<i>Từ láy vần</i>
phăng phăng trăn trăn lồng lộng	gay gắt nặng nề tung toé róc rách	lồ nhô lù đù

Câu 3. Các tính từ trong đoạn văn : cuộn cuộn, gầy gầy, teo teo, sâu, rậm, cao cao, sạm, đen, đầy, giàu.

Câu 4. – Phần mở bài (a) được viết theo cách trực tiếp.

– Phần mở bài (b) được viết theo cách gián tiếp.

– Hai phần mở bài này được viết cho bài văn kể chuyện một bạn nhỏ gặp lại người bạn rất thân từ khi còn học mẫu giáo.

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 25

Câu 1. a) Hình ảnh con sông Châu Giang được miêu tả như sau :

- Sông nhỏ nhưng nước trong xanh quanh năm và nhiều tôm cá.
- Nước sông rất trong, bạn có thể vừa đứng trên đê đón gió vừa soi mình vào trong làn nước.

b) Những câu tả cây cối trong đoạn văn :

- Phía bên kia là bãi ngô xanh non mỡ màng nằm cạnh vườn đu đủ quả sai lúc lỉu, là những cây đa cổ thụ toả bóng râm mát cho người chờ đồ có chỗ trú chân, là bụi rậm bụi nở hoa thắm đỏ như chào đón người qua lại.
- Khi những cây bồ kết bên ấy rụng xuống từng chùm quả già khô đen mẩy, chị tôi sang sông nhặt đem về phơi khô để lên gác bếp, thỉnh thoảng mang ra đun nước gội đầu.

c) Con sông gợi lên những kỉ niệm về người thân của tác giả : kỉ niệm về người chị (chị sang sông nhặt bồ kết về đem phơi khô để lên gác bếp, thỉnh thoảng mang ra đun nước gội đầu).

Câu 2. Các từ đồng nghĩa :

- a) 3 từ đồng nghĩa chỉ màu vàng : vàng ươm, vàng rực, vàng hoe.
- b) 3 từ đồng nghĩa chỉ màu đỏ : đỏ ối, đỏ tươi, đỏ sẫm.
- c) 3 từ đồng nghĩa chỉ màu xanh : xanh biếc, xanh lơ, xanh ngắt.

Câu 3. Trạng ngữ (được gạch chân) trong những câu sau :

a) Lúc về nhà, thế nào bà cũng mua về cho ba chị em mấy quả nhót chín đỏ hồng, vài cái bánh đa, không thì dăm ba lạng mận. → Trạng ngữ chỉ thời gian.

b) Những hôm được nghỉ học, tôi thường theo bà đi bán cá. → Trạng ngữ chỉ thời gian.

c) Buổi chiều, tôi theo các anh, chị đi gánh nước. → Trạng ngữ chỉ thời gian.

Câu 4. *Gợi ý :* Em học được cách sắp xếp ý, cách lựa chọn đặc điểm loài vật để miêu tả,... cách viết câu, cách dùng từ ngữ.

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 26

Câu 1. a) Những mùi vị trong thiên nhiên : vị ngọt sắc của những trái mít ; ngọt lịm của trái vải quê hương ; cái ngọt dịu dàng của nắng chiều tà ; vị chua gắt của những trái sấu.

b) Những âm thanh trong thiên nhiên : tiếng sáo diều, tiếng tu hú.

c) Theo tác giả, điều quan trọng mà tác giả tìm thấy ở thiên nhiên là sự hoà hợp của tâm hồn với thiên nhiên.

Câu 2. Ba nhóm từ đồng nghĩa :

a) bao la, mênh mông, thênh thang, bát ngát.

b) nhỏ nhắn, bé bỏng, tí xíu.

c) ồn ào, ầm ĩ, ầm ầm.

Câu 3. Dấu ngoặc kép được đặt vào chỗ thích hợp như sau :

Bác Các-lô vừa bước vào vừa nói : "Chào bác Giô-đép, bác làm gì mà bỏ lê bò còng thế ?". Bác Giô-đép vừa đáp vừa nhìn thanh củi : "Bác ạ, mất cái đỉnh ốc nhỏ rồi, rơi chỗ quái nào chẳng biết nữa ! Còn bác, dạo này ra sao ?". Bác Các-lô trả lời : "Khổ lắm bác ạ. Đã nghĩ nát óc mà chẳng biết sống cách nào. Bác xem có cách gì giúp tôi, hay mách hộ ý kiến...". Bác Giô-đép vui vẻ bảo bạn : "Khò gì ! Khò gì !...".

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 27

Câu 1. a) Theo tác giả, hoa bằng lăng đẹp nhất khi khoe sắc tím ở trên cây cùng những chiếc lá xanh căng tràn sức sống.

b) Hoa bằng lăng được miêu tả theo các sắc độ màu tím và theo thời gian như sau :

– Theo các sắc độ màu tím : tím rực, tím phai dần, tím nhạt.

– Theo thời gian : bằng lăng nở, màu tím rực ; những cánh hoa tím phai dần theo thời gian, chuyển sang màu tím nhạt, rồi màu trắng ; một ngày kia, những bông hoa cứ rụng dần rụng dần, thay vào đó là mùa quả, những mùa quả tròn căng mọc thành từng chùm từng chùm... để rồi năm sau lại khô xác đi rụng xuống, nhường chỗ cho những lớp lá non mới nhú.

c) Tác giả dùng những hình tượng "nữ hoàng của mùa hạ", "màu thời gian xa xôi" để nói về hoa bằng lăng và màu tím bằng lăng.

Câu 2. Đỏ như máu. ; Lũ dữ như ông tù vào đến. ; Vui như Tết. ; Mưa như trút. ; Nóng như nung. ; Buồn như trấu cấn.

Câu 3. Điền từ vào chỗ trống :

Em được sinh ra và lớn lên ở thành phố nhưng em cũng có quê nội, quê ngoại như bao bạn nhỏ khác. Mỗi lần về quê chơi, em thường nghe các bác, các cô và cả các bạn bằng tuổi mình chép miệng: "Đúng là người thành phố sướng thật. Người lớn thì ăn mặc đẹp, đi xe máy, còn trẻ em chỉ việc lo học, chẳng phải lo việc đồng áng, chăn nuôi". Khi còn nhỏ, nghe vậy, em thấy tự hào và hành diện lắm về cái "mác thành phố" của mình. Nhưng khi lớn rồi, em thấy sự so sánh này không hẳn đã đúng.

Câu 4. Các quan hệ từ có tác dụng liên kết từ ngữ và các vế câu trong đoạn văn như sau :

Em được sinh ra và lớn lên ở thành phố nhưng em cũng có quê nội, quê ngoại như bao bạn nhỏ khác. Mỗi lần về quê chơi, em thường nghe các bác, các cô và cả các bạn bằng tuổi mình chép miệng: "Đúng là người thành phố sướng thật. Người lớn thì ăn mặc đẹp, đi xe máy, còn trẻ em chỉ việc lo học,

chẳng phải lo việc đồng áng, chăn nuôi". Khi còn nhỏ, nghe vậy, em thấy tự hào và hạnh diện lắm về cái "mác thành phố" của mình. Nhưng khi lớn rồi, em thấy sự so sánh này không hẳn đã đúng.

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 28

Câu 1. a) Đặc điểm riêng của thời tiết từng mùa được miêu tả như sau : mùa xuân rực rỡ các loài hoa có mưa bay ầm tóc ; mùa hè chói chang nắng chói, ngút lửa trên cánh phượng, tím huy hoàng trên ngọn bằng lăng ; mùa thu có gió heo may nhẹ như nổi nhớ ; mùa đông tuy khắc nghiệt vẫn có sắc thái riêng.

b) Những hình ảnh trong đoạn văn được coi là đặc trưng của mùa đông Hà Nội : đường vắng bằng tung những tờ lá đỏ, như tấm thư trời gửi cho người báo hiệu mùa đông sắp hết, mà đây là những ánh nắng cuối cùng. Hàng phượng vĩ đường Thanh Niên đã tắt hết đèn chỉ còn lại những quả khô như những sợi bắc đen chứa đựng trong đó cái hạt nâu vân vân, đựng lửa cho mùa sau. Hàng cơm nguội phố Lý Thường Kiệt hình như mẫn cảm với sương đông trước hết. Chúng chỉ còn trơ lại những cành trong bằng bạc màu trời.

c) Những từ ngữ chỉ màu sắc xuất hiện trong đoạn văn : tím, đỏ, đen, nâu vân vân, bằng bạc.

Câu 2.

– Trên kính dưới nhường. → trên/ dưới ; kính/ nhường. Ý nghĩa : Quan hệ tốt với mọi người, đối với người trên thì tôn kính, đối với kẻ dưới thì nhường nhịn.

– Khôn nhà dại chợ. → khôn/ dại. Ý nghĩa : Ở nhà thì khôn ngoan, ra ngoài thì khờ dại.

– Chết vinh hơn sống nhục. → chết/ sống ; vinh/ nhục. Ý nghĩa : Thà chết mà vinh quang còn hơn sống mà phải chịu nhục nhã.

Câu 3. Những câu sử dụng biện pháp so sánh :

– Những con cá thoi lòi to bằng ngón chân cái, cặp mắt ốc nhồi mọc trên đầu giống như hai hột mồng tơi, hễ nghe bước chân chúng tôi đến gần là y như chúng giương cái kì ngừ sắc trên lưng thành một cánh bướm, phóng ngay trên mặt nước.

– Giống cá gì mà tinh như quỷ.

– Bay trên mặt nước như cá thia lia, lặn cũng giỏi, bơi cũng giỏi còn nháy trên bờ thì thật không thua gì một con ếch.

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 29

Câu 1. a) Hậu Giang được so sánh với hình ảnh khúc ruột của miền Nam.

b) Những sản vật nổi tiếng của Hậu Giang được giới thiệu trong bài thơ : trái Cắn Thơ, rau Bảy Núi, khô Rạch Giá, lúa miền Nam, muối Bạc Liêu, tiêu Hà Tiên, thuốc Cao Lãnh, cá cháy Sóc Trăng.

c) Tác giả thể hiện tình cảm yêu quý, thương nhớ Hậu Giang, thể hiện qua các từ ngữ : khúc ruột miền Nam, con sông yêu quý, dòng nước bạc dài rung cảm.

Câu 2. Các danh từ riêng xuất hiện trong đoạn thơ : Hậu Giang, (miền) Nam, (miền) Tây, Cắn Thơ, Bảy Núi, Rạch Giá, Bạc Liêu, Hà Tiên, Cao Lãnh, Sóc Trăng.

Câu 3. Các danh từ chung (được gạch dưới) trong khổ thơ sau :

Hòn Tre, Phú Quốc dù xa bãi

Vẫn nhớ phù sa, mảnh đất liến,

Nước biển người ơi là máu đất,

Máu nào mà chẳng trở về tim !...

Nếu thiếu bóng dừa soi bóng nước,
Thiếu bông lúa trở, búp măng tre,
Biển không nổi sóng, rừng không gió...
Ta thiếu trong hồn nét đẹp quê.

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 30

Câu 1. a) Đoạn văn miêu tả mùi hương cỏ sữa.

b) Hương cỏ vào ban đêm toả ra mùi hương nồng say, thấm đậm trong không gian, khiến bất kì ai đi qua đây cũng thấy nao lòng. Hương cỏ ban đêm đặc biệt như vậy vì mùi cỏ bị nắng nung khô tái suốt ngày.

c) Hương cỏ ban ngày được tác giả miêu tả : hương cỏ thì vẫn nồng đượm, vẫn lắng đọng, quanh quất đầu đây, êm dịu luồn lách vào tận da thịt, như nhắc ta đừng bao giờ quên cái hương vị diệu kì này.

Câu 2. Từ trái nghĩa : a) nhanh nhẹn/ chậm chạp ; b) lạ lẫm/ quen thuộc ; c) đặc biệt / bình thường.

Câu 3. Các cặp quan hệ từ được điền vào đoạn văn như sau :

Và tôi khâm phục không chỉ bởi bố là một người giỏi giang, là một người cao cả, đứng đắn, lòng kiên trì, chịu khó mà còn bởi cách sống lạc quan, vô tư của bố. Mặc dù những thời gian rảnh rỗi của bố còn lại rất ít nhưng bố vẫn trồng và chăm sóc khu vườn trước nhà để cho nó bao giờ cũng xanh tươi.

Câu 4. a) Để miêu tả các loài hoa trái, tác giả dùng biện pháp nhân hoá bằng cách : dùng các từ vốn để chỉ hoạt động, tính chất của con người để chỉ hoạt động, tính chất của các loài hoa trái.

b) Đặc điểm riêng của từng loài hoa trái được tác giả miêu tả : Hoa Phượng mặc áo dài đỏ rực ; Hoàng Diệp đội chiếc nón vàng tươi ; Ô Mối che cây dù tím

lĩnh ; Hoa Giấy mặc áo đủ màu sắc ; Hoa Sứ đơn giản mà thơm ngát ; Hoa Trang dịu dàng, Hoa Quỳnh thanh khiết ; Sấu Riêng nhiều gai ; Mít Tố Nữ và Sấu riêng có mùi thơm đặc biệt ; Dâu Da, Bòn Bon, Mận, Khế kết trái thành chùm ; Măng Cụt đếm đủ một chục ; Xoài đi một cặp.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 31

Câu 1. a) Những cảnh đẹp của suối được tác giả miêu tả trong đoạn văn : Con suối chảy qua bản tôi bốn mùa nước xanh trong. Đoạn suối chảy qua bản tôi có hai cái thác, nước chảy khá xiết. Nước gặp những tảng đá ngấm chồm lên thành những con sóng bạc đầu. Hết đoạn thác dài gần chừng trăm mét lại đến vực. Vực khá sâu, nước lững thững như kẻ nhàn rỗi dạo xuôi dòng.

b) Hình ảnh những đàn cá bơi lội trong suối được miêu tả : Cá bơi lên thác ngửa bụng trắng xóa. Cá bơi lượn lấp loáng, như hàng trăm, hàng nghìn ngôi sao rơi xuống lòng suối.

c) Những hình ảnh so sánh trong đoạn văn : Cá bơi lượn lấp loáng, như hàng trăm, hàng nghìn ngôi sao rơi xuống lòng suối. Vực khá sâu, nước lững thững như kẻ nhàn rỗi dạo xuôi dòng.

Câu 2. a) *No* dẫn **đối** góp ; b) *Xa* thương **gần** thường ; c) Áo **lành** dùm áo **rách**.

Câu 3. Các trạng ngữ được gạch chân trong những câu sau :

a) Những ngày lũ, suối cũng chỉ đục vài ba ngày. → Trạng ngữ chỉ thời gian.

b) Để tiện đi lại, người dân bản tôi bắc khá nhiều cầu qua suối. → Trạng ngữ chỉ mục đích.

c) Gần đây, chiếc cầu bằng xi măng cốt thép đã được bắc qua con suối quê tôi. → Trạng ngữ chỉ thời gian.

Câu 4. Dàn ý bài *Con suối bản tôi* :

1. Mở bài : Giới thiệu con suối chảy qua bản.

2. Thân bài

a) Đoạn 1 : Tả chi tiết về con suối :

– Nước suối (bốn mùa xanh trong ; vào ngày lũ cũng chỉ đục vài ba ngày).

– Những chiếc cầu qua suối (trước đây là cầu bằng cây, gần đây là cầu bằng xi măng cốt thép ; người dân qua lại trên cầu).

– Hình ảnh những đàn cá bơi lội trong lòng suối (cá với màu sắc khác nhau ; hình ảnh cá bơi lên thác ; hình ảnh cá bơi lượn lấp loáng,...).

b) Đoạn 2 : Tả cảnh thác nước và vực nước trên suối :

– Cảnh thác nước (nước chảy xiết, nước gặp đá ngấm chồm lên thành sóng...).

– Cảnh vực nước (vực sâu, nước chảy chậm).

3. Kết bài : Nêu tác dụng của con suối đối với đời sống của dân bản.

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 32

Câu 1. a) Đặc điểm chung của mọi khu rừng mùa thu là : Mọi khu rừng đều đẹp với không khí phảng phất mùi nấm, với tiếng lá rì rào.

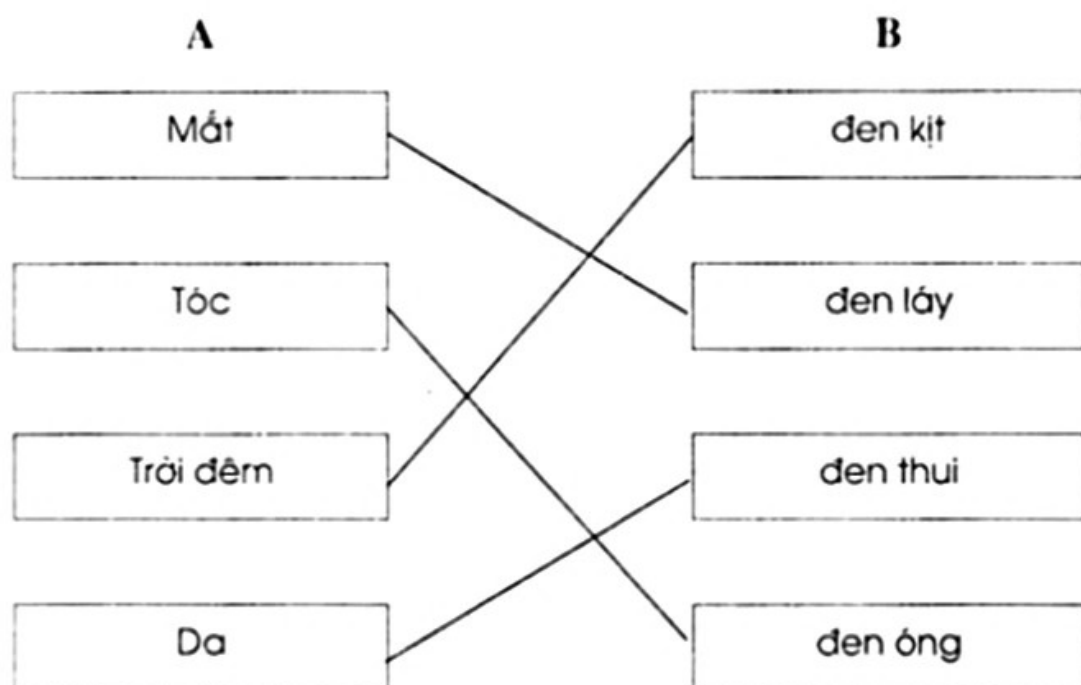
b) Theo tác giả, điểm khác biệt làm nên vẻ đẹp độc đáo của những khu rừng trên núi và gần biển là : Đứng ở rừng trên núi và gần biển có thể nghe rõ cả tiếng sóng vỗ bờ. Sương mù từ biển cả thường xuyên tràn vào và vì khí ẩm quá nhiều nên rêu mọc rậm rịt. Rêu từ trên cành cây như những mớ tóc xanh xoã dài trên mặt đất.

c) (Dựa vào đoạn văn thứ hai, học sinh tự làm.)

Câu 2.

Mầm non mắt lìm dìm
Cổ nhìn qua kẽ lá
Thấy mây bay hối hả
Thấy lất phất mưa phùn
Rào rào trận lá tuôn
Rải vàng đầy mặt đất
Rừng cây trông thưa thớt
Như chỉ cội với cành

Câu 3. Ghép danh từ ở cột A với tính từ ở cột B như sau :



Câu 4. a) Hoạt động gặt lúa được miêu tả theo trật tự từng bước như sau : người nông dân gặt lúa – đem bó lúa mới gặt xếp rải rác từng hàng trên bờ ruộng – rồi họ trở lại ruộng lúa đứng theo hàng những người gặt và tiếp tục gặt.

b) Tác giả sử dụng những chi tiết sau để miêu tả cảnh nhân vật chính (Tân) đứng giữa nắng : ánh nắng chiếu trên lưng nóng rát ; mồ hôi đổ từng giọt trên trán xuống.

Đặc điểm của cách miêu tả này : tác giả tìm những chi tiết có liên quan đến cảm giác cơ thể, để thể hiện rõ nét sự nóng bức của nhân vật, như lưng bị ánh nắng chiếu nóng rất, và mồ hôi đổ từng giọt.

c) Hình ảnh bông lúa chín được miêu tả theo :

- Màu sắc : bông lúa vàng.
- Mùi vị : mùi lúa chín thơm.

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 33

Câu 1. a) Những hình ảnh về thiên nhiên cho thấy mùa xuân thực sự đã về :

- Sương mù tan dần.
- Mây như một đàn cừu tản đi và dưới bầu trời quang đãng mùa xuân thực sự hiện ra.
- Mặt trời chói lọi mọc lên, nuốt dần lớp băng mỏng phủ trên mặt nước.
- Bầu không khí ấm áp rung rinh khắp nơi, mặt đất như hồi sinh, và cỏ già năm ngoái xanh tốt lại. Cỏ non năm nay như những chiếc kim đâm tua tủa trên mặt đất. Những chồi cây sục nức mùi hương căng phồng những nhụy.

b) Những hình ảnh miêu tả hoạt động của côn trùng, chim muông, gia súc khi mùa xuân về :

- Quanh những cây liễu tắm trong ánh nắng vàng tươi, đàn ong thoát ra khỏi túp lều bằng cánh cây mà người ta nhốt chúng trong mùa đông lại vo ve bay lượn.
- Đàn chim sơn ca tuôn tiếng hót trên những đồng cỏ nhưng to và những ruộng rạ phủ băng.
- Tít trên trời xanh, đàn sếu và ngỗng trời bay qua, cất tiếng kêu mừng xuân.
- Đàn súc vật trụi lông mới cò đôi chỗ mọc lại vừa rống lên vừa đi đến nơi ăn cỏ. Những chú cừu non chân cẳng leo khoeo nhảy lon ton chung quanh đàn cừu mẹ đã bị gọt lông đang kêu be be.

c) Những hình ảnh cho thấy con người cũng đang đón mùa xuân đến :

– Lũ trẻ nhanh nhẹn chạy dọc theo những đường nhỏ.

– Tiếng nói vui vẻ của tốp phụ nữ vang lên bên bờ đằm nơi họ đang giặt vải, và tiếng riu của bác nông dân đang chữa lại cây bừa vang lên trong các sân nhà.

Câu 2. a – 2 ; b – 3 ; c – 1.

Câu 3.– 2 danh từ : trâu, lúa.

– 2 động từ : chăn, đốt.

– 2 tính từ : ít, nhiều.

Câu 4. (Em cần phát huy trí tưởng tượng để hình dung được cảnh nhà trời đẹp như thế nào, trên trời có những ai, mỗi người làm việc gì, vì sao bạn nhỏ bỗng nhớ bố mẹ, bạn bè.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 34

Câu 1. a) Trong bài thơ, tình cảm thẩm thiết giữa người mẹ và người con được so sánh với những cặp hình ảnh : con là giọt nước – mẹ là dòng sông ; con là thuyền – mẹ là đại dương ; con là hoa thược dược – mẹ là ánh bình minh ; con là giọt nắng – mẹ là mây bay ; con là lời hát – mẹ là nốt nhạc hồng.

b) Những chi tiết cho thấy những hình ảnh trong bài thơ luôn luôn gắn bó với nhau : nước chảy vào biển ; biển nâng bước cho thuyền ; bình minh hôn hoa thắm ; mây làm mưa dịu mát cho nắng ; lời hát và nốt nhạc hoà lời ca mệnh mông.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. (Học sinh tự làm.)

Câu 3. Quan hệ từ được in đậm trong câu :

Tôi nhớ mãi ngày mẹ mua cho tôi chiếc áo mới vào ngày Tết, *chiếc áo vải dày **nhưng** sờ vào rất mát.* Những bông hoa vàng nhụy đỏ làm niềm vui của tôi trong năm mới râm ran. Cả đêm đó, *dù không phải thức canh nồi bánh chưng **nhưng** tôi vẫn cố canh cho mình đừng ngủ.* Tôi chỉ sợ **nếu** nhắm mắt vào thì chiếc áo mới sẽ bị ai đó lấy mất, **hoặc** rất có thể nó sẽ không cánh mà bay.

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 35

Câu 1. a) Hình ảnh nắng tháng Tư bao trùm cảnh vật được tác giả miêu tả : Nắng tháng Tư tràn trải đổ xuống khắp nơi, dát vàng từng khóm tre già, chan hoà những gốc rạ với đất cày đến nỗi nhìn xa khó có thể phân biệt được đâu là rạ, đâu là đất màu nhuộm nắng.

b) Hình ảnh mặt trời được tác giả miêu tả theo trình tự thời gian.

c) Những hình ảnh so sánh để miêu tả mặt trời ở mỗi thời điểm khác nhau :

– Cái mâm đồng rực rỡ kia còn chói chang trên bầu trời xanh ngắt.

– Bây giờ, nó đang sáng ngời như một tấm kính lửa hùng hục, nhưng lát nữa đây, những tia lửa ấy sẽ thu lại, màu vàng chói sẽ dịu đi, đậm hơn rồi chuyển thành màu vàng cam.

– Cái vành tròn mặt trời hiện rõ như vành nón lá và sẽ không còn hắt vào mắt tôi những sợi vàng nóng bỏng.

– Rồi sung sướng biết bao khi nó thua cuộc lần trốn dần sau ngọn núi Phước Tường.

– Cảnh tượng tuyệt vời ấy, niềm vui bí ẩn ấy thu hút tôi không rời cho đến khi bầu trời chỉ còn màu xanh ngự trị với những đám mây vàng đầu núi chuyền chò chút hào quang còn sót lại.

Câu 2. Danh từ thích hợp trong khung được điền vào chỗ trống là :

(1) bầu trời ; (2) phố phường ; (3) người người ; (4) mọi người ; (5) vườn bách thảo ; (6) hồ nước ; (7) thị thành.

Câu 3. Bộ phận vị ngữ (được gạch chân) trong các câu sau :

a) Kênh Vĩnh Tế dài gần 100km, nối liền tỉnh Châu Đốc (cũ) với tỉnh Thái Lan.

b) Đây là kênh đào đầu tiên ở nước ta, cũng là con kênh lớn nhất và quan trọng nhất miền Nam.

c) Công việc chỉ huy đào kênh được giao cho Thoại Ngọc Hầu, tức Nguyễn Văn Thoại, quan trấn thủ Vĩnh Thanh (gồm các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long và Kiên Giang ngày nay).

d) Ông là một danh tướng thời Nguyễn, cũng là người có công mở mang nhiều vùng đất ở miền Nam.

e) Ngày nay, khu lăng mộ Thoại Ngọc Hầu và phu nhân nằm không xa dòng kênh Vĩnh Tế.

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 36

Câu 1. a) Đoạn văn miêu tả 4 loại ổi khác nhau : ổi đào, ổi mỡ, ổi Tàu, và một loại ổi không biết tên.

b) Để miêu tả các loại ổi, tác giả sử dụng các màu sắc : đỏ hồng đào, vàng, xanh nhạt, trắng như mỡ, xanh thô xù xì như da cóc.

c) Những hình ảnh cho thấy tiết thu đã trôi qua và mùa đông đến : Hết mùa thu, những cơn mưa rào dứt hẳn ; đàn chào mào bỏ đi ; đàn chim ngói bay về ; cánh đồng trước nhà đã trơ khô những gốc rạ ; heo may hanh hao bắt đầu thổi qua những khu vườn, những mái ngói ; người già bắt đầu quảng thêm khăn ; trời chớm lạnh ; mùa ổi qua đi.

Câu 2. (a) Láy âm đầu và vần : ương ương, giòn giòn, chát chát, vèo vèo, căng căng, tòm tòm.

(b) Láy âm đầu : xù xì, sần sật.

(c) Láy vần : lè tè.

Câu 3. Trạng ngữ (được gạch chân) trong các câu sau :

Với tôi, chỉ riêng cây mít ấy đã đủ là một khu vườn. Ông tôi bảo nó được trồng từ thời cụ tôi. Khi tôi lớn lên, cây mít đã vươn cao lừng lững giữa vườn. Thân cây to đến độ phải hai, ba đứa trẻ đang tay ôm mới kín. Mùa đông, lá vàng rụng xuống san sát trên nền đất. Mùa xuân, lá non bắt đầu ra. Đến mùa hạ, lá mít xanh đen toả kín một góc vườn.

Trạng ngữ chỉ thời gian : khi tôi lớn lên ; mùa đông ; mùa xuân ; đến mùa hạ.

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 37

Câu 1. a) Đặc tính nổi bật nhất của cây đại trong bài thơ là sự lạng lẽ. Vì trong bài thơ, từ lạng lẽ được lặp đi lặp lại 5 lần.

b) – Hình ảnh cây đại mùa đông được miêu tả : Cây gầy guộc, khô cằn, run rẩy trong gió rét ; cây đại lạng lẽ trong chiều đông, những chiếc lá úa, rơi trong nỗi tiếc.

– Hình ảnh cây đại mùa mưa bão được miêu tả : Cây đại lạng lẽ đứng giữa cơn bão với dáng vẻ thanh thản.

c) Qua câu thơ “Có thể nhìn cây gạn lọc được điều gì”, tác giả muốn nói : con người nên học tập đức tính tốt của cây để học cách sống tốt hơn.

Câu 2. Những từ đồng nghĩa với từ “thanh bình”: hoà bình, thái bình, bình yên.

Câu 3. Câu ghép có dùng quan hệ từ trong đoạn văn :

– Thăng Quý sửa tên nó cốt để chế giễu, nhưng tội bạn bắt chước gọi theo, riết thành quen miệng. → Từ nhưng dùng để liên kết hai vế câu với nhau.

– Nếu có buồn thì nó chỉ buồn một nỗi là chẳng thể kết hợp một học sinh giỏi với một võ sinh xuất sắc trong một con người. → Cặp từ “nếu ... thì ...” dùng để biểu thị ý nghĩa giả thiết – kết quả.

– Nhưng nó chỉ khoái mỗi khoản “luyện võ”, còn chuyện “ôn văn” đối với nó chẳng khác nào một cực hình. → Từ nhưng dùng để liên kết hai vế câu với nhau.

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 38

Câu 1. a) Những chi tiết sau trong đoạn văn cho ta biết đây là khung cảnh “buổi sáng”, “mùa hè”, “trong thung lũng”:

– Tiếng gà gáy lanh lảnh ở đầu bản ; tiếng gà gáy râm ran khắp thung lũng ; tiếng gà rừng trên núi gáy te te.

– Trên mấy cây cao cạnh nhà, ve đua nhau kêu ra rả.

– Tầng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượi. Khoảng trời sau dãy núi phía đông ửng đỏ. Những tia nắng đầu tiên hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi phía tây những vết sáng màu lá mạ tươi tắn...

– Nắng vàng lan nhanh xuống chân núi rồi rải vội lên đồng lúa.

b) Những câu văn miêu tả các âm thanh của buổi sáng mùa hè trong thung lũng :

– Bỗng một con gà trống vỗ cánh phành phạch và cất tiếng gáy lanh lảnh ở đầu bản. Tiếp đó, rả rác khắp thung lũng, tiếng gà gáy râm ran. Mấy con gà rừng trên núi cũng thúc dấy gáy te te.

– Trên mấy cây cao cạnh nhà, ve đua nhau kêu ra rả. Ngoài suối, tiếng chim cuốc vọng vào đều đều...

– Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm, tiếng gọi nhau í ới.

c) Những hình ảnh miêu tả hoạt động của người dân vùng thung lũng trong đoạn văn :

– Bà con xà viên đã đổ ra đồng. Trên những ruộng lúa chín vàng, bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô, tiếng nói tiếng cười rộn ràng.

– Dọc theo những con đường mới đắp, vượt qua một chiếc cầu gỗ bắc qua suối, từng tốp nam nữ thanh niên thoăn thoắt gánh lúa về sân phơi, tiếng cười giòn tan vọng vào vách đá.

Câu 2. Các từ láy (tượng thanh) : phành phạch, lanh lảnh, râm ran, te te, ra rả, rì rầm, í ới, rộn ràng,

Câu 3. a) Phương làm môn gì mà thơm thế *nhì* ? → Câu hỏi

b) Mai, bạn đến đây rồi ta cùng đi *nhé* ! → Câu khiến

c) Hoa ơi, đến chợ Ngọc Hà thì rẽ phải ở ngã tư thứ hai, đúng không *nhì* ?
→ Câu hỏi

d) Khi nào đi thư viện, nhớ báo trước để mình biết với *nhé* ! → Câu khiến

e) Tuần sau, anh em mình sẽ đi thăm bác An, Lan *nhé* ! → Câu khiến

g) Mẹ cho con mua quyển “Đồ rê mon” *nhé* ! → Câu khiến

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 39

Câu 1. a) Bài thơ giới thiệu 7 loại hoa là cúc, đào, đồng tiền, huệ, hồng, thược dược, lay đơn.

b) Những câu thơ sử dụng biện pháp nhân hoá :

– Hoa huệ trắng dáng áo dài thướt tha

– Hoa hồng níu bước người qua

Biện pháp nhân hoá làm cho hình ảnh các loài hoa trong thơ trở nên thân thiện và sinh động.

c) Tác giả dựa vào màu sắc và hình dáng của những bông hoa để có được những liên tưởng đó.

Câu 2. a) Câu a dùng từ *cánh* với nghĩa chuyển.

b) Câu b dùng từ *cánh* với nghĩa chuyển.

c) Câu c dùng từ *cánh* với nghĩa gốc.

Câu 3.

Động từ	Danh từ	Tính từ	Quan hệ từ
<i>đi, rơi, đứng, tìm, tung</i>	<i>trưa, chim, gió bắc, quả đa</i>	<i>chín vàng, cổ thụ, trơ trọi, phờ phạc</i>	<i>nhưng</i>

Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

Đề 40

Câu 1. a) Đoạn văn miêu tả những món ăn truyền thống của người Việt Nam : cơm nắm, bánh dày, bánh chưng, chè kho, giò hoa, giò lụa, giò mỡ, chả quế.

Những chi tiết tả đặc điểm riêng của từng món ăn :

– Tùng nắm cơm mịn bọc lá chuối mở ra đặt lên mâm bồng chen cạnh một chồng bánh dày trắng mỡ, bên những chiếc bánh chưng vuông vắn.

– Bánh dày ăn với chè kho mật mía rạo như ngói, phảng phất mùi thảo quả. Bánh dày chè kho rắc vừng để dành đến cả tháng, bánh vẫn dẻo, chè vẫn vàng óng.

– Cối giò hoa, giò lụa, giò mỡ, gói thành chiếc, kẹp hai thanh tre nẹp, treo như lợn con lủng liểng đều một chuỗi dài từng trăm chiếc. Chỉ trông màu lạt tươi lạt chín mới phân biệt được giò luộc rồi hay chưa.

– Còn chả ướp quế thì đặc biệt không rán. Miếng chả quế đắp vòng quanh cái ống bương to như cột. Bếp xếp từng thanh củi núi đá than hoa đun cả buổi dương rực hồng. Cái ống đắp miếng chả quế cứ quay đều trên lửa cho đến khi màu vàng hoa sẫm rộp lên, toả thơm ngọt mùi quế ngậy sánh như mật ong.

b) Những hình ảnh so sánh :

– Những chiếc mo cau mỏng vàng căng như khăn lá mộc.

– Chè kho mật mía rạo như ngòi.

– Cối giò hoa, giò lụa, giò mỡ, gói thành chiếc, kẹp hai thanh tre nẹp, treo như lợn con lủng liểng đều một chuỗi dài từng trăm chiếc.

– Miếng chả quế đắp vòng quanh cái ống bương to như cột.

– Cái ống đắp miếng chả quế cứ quay đều trên lửa cho đến khi màu vàng hoa sẫm rộp lên, toả thơm ngọt mùi quế ngậy sánh như mật ong.

c) (Học sinh tự làm.)

Câu 2. Từ trái nghĩa : a) (lá) non/ lá (già) ; b) may mắn/ rủi ro ; c) được mùa/ mất mùa ; d) giàu có/ nghèo đói ; e) tươi tốt/ héo úa ; g) (mặt trời) mọc/ (mặt trời) lặn.

Câu 3.

Câu

Bộ phận vị ngữ

– Trời hôm nay *rất xanh*.



– *Bạn Hoà* cao bằng bạn Quang.



– Em đi cửa hàng *để mua sách*.



– Tôi đi học bằng *xe đạp*.



– Bà ngoại em là *nông dân*.



Câu 4. (Học sinh tự làm.)

Câu 5. (Học sinh tự làm.)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>	
<i>Lời nói đầu</i>	3	
	Ôn tập Tiếng Việt và Để luyện tập	Gợi ý giải đáp Đáp án
<i>Phần Một : ÔN TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CUỐI CẤP TIỂU HỌC</i>		
I – Cấu tạo của tiếng	5	114
II – Cấu tạo của từ	6	115
III – Các từ loại chủ yếu	8	117
IV – Nghĩa của từ	16	122
V – Câu tiếng Việt	21	126
VI – Dấu câu	28	132
VII – Liên kết câu trong đoạn văn, bài văn	31	133
VIII – Biện pháp so sánh, nhân hoá	32	134
IX – Tập làm văn	34	135

	Ôn tập Tiếng Việt và Để luyện tập	Gợi ý giải đáp Đáp án
Phần Hai : CÁC ĐỀ ÔN TẬP		
Đề 1	40	137
Đề 2	42	138
Đề 3	43	139
Đề 4	45	140
Đề 5	46	141
Đề 6	48	141
Đề 7	50	142
Đề 8	51	143
Đề 9	53	145
Đề 10	56	146
Đề 11	58	147
Đề 12	59	148
Đề 13	61	149
Đề 14	63	150
Đề 15	65	151
Đề 16	67	153
Đề 17	68	153
Đề 18	70	154
Đề 19	72	155
Đề 20	73	156

	Ôn tập Tiếng Việt và Để luyện tập	Gợi ý giải đáp Đáp án
Đề 21	75	157
Đề 22	77	159
Đề 23	79	160
Đề 24	81	160
Đề 25	82	162
Đề 26	84	163
Đề 27	86	164
Đề 28	88	165
Đề 29	90	166
Đề 30	91	167
Đề 31	93	168
Đề 32	95	169
Đề 33	97	171
Đề 34	99	172
Đề 35	101	173
Đề 36	103	174
Đề 37	105	175
Đề 38	107	176
Đề 39	109	177
Đề 40	111	178

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ẨM

Tổng biên tập kiêm Phó Tổng Giám đốc NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập LÊ HỮU TỈNH

Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập lần đầu và tái bản :

NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO

Trình bày bìa :

ĐINH THUYỀN LINH

Thiết kế sách :

THÁI MỸ DUNG

Sửa bản in :

NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO

Chế bản :

CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI - NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

BỒI DƯỠNG HỌC SINH VÀO LỚP 6 – MÔN TIẾNG VIỆT

Dùng cho các trường có thi tuyển

Mã số: : T6E01a2-ĐTH

Số đăng kí KHXB : 61 – 2012/CXB/219 – 32/GD

In 3000 bản, QĐ26TK/KH2012, khổ 17x24 cm, tại Cty CP In Khoa học Công nghệ HN

Số in: 06;

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2012.